

Số: **44** /2013/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày **26** tháng **12** năm **2013**

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: 8
	Ngày: 09/11/2013

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lai Châu

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lai Châu.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **11** tháng **01** năm **2014**.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT tỉnh Lai Châu;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Cổng thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, ĐBĐVN.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Linh Ngọc

**DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH LAI CHÂU**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 44 /2013/TT-BTNMT
ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG**

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lai Châu được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lai Châu được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thị xã Lai Châu và các huyện, trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hóa.

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của “phường”, TT. là chữ viết tắt của “thị trấn”.

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TX. là chữ viết tắt của “thị xã”, H. là chữ viết tắt của “huyện”.

đ) Cột “Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng” là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột “Tọa độ trung tâm”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột “Tọa độ điểm đầu” và “Tọa độ điểm cuối”.

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

g) Trường hợp địa danh mới được bổ sung vào Danh mục và chưa có trên bản đồ địa hình quy định tại mục 1 Phần này thì phải thể hiện đầy đủ địa danh, nhóm đối tượng, tên ĐVHC cấp xã, tên ĐVHC cấp huyện.

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN,
KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP
BẢN ĐỒ TỈNH LAI CHÂU

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Lai Châu gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thị xã Lai Châu	3
2	Huyện Mường Tè	4
3	Huyện Nậm Nhùn	15
4	Huyện Phong Thổ	20
5	Huyện Sìn Hồ	29
6	Huyện Tam Đường	39
7	Huyện Tân Uyên	44
8	Huyện Than Uyên	50

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố 4	DC	P. Đoàn Kết	TX. Lai Châu	22° 23' 55"	103° 27' 16"					F-48-39-B
tổ dân phố 5	DC	P. Đoàn Kết	TX. Lai Châu	22° 24' 04"	103° 27' 17"					F-48-39-B
tổ dân phố 6	DC	P. Đoàn Kết	TX. Lai Châu	22° 24' 10"	103° 27' 08"					F-48-39-B
tổ dân phố 7	DC	P. Đoàn Kết	TX. Lai Châu	22° 23' 59"	103° 27' 06"					F-48-39-B
tổ dân phố 9	DC	P. Đoàn Kết	TX. Lai Châu	22° 24' 04"	103° 26' 55"					F-48-39-B
tổ dân phố 10	DC	P. Đoàn Kết	TX. Lai Châu	22° 24' 14"	103° 27' 01"					F-48-39-B
tổ dân phố 11	DC	P. Đoàn Kết	TX. Lai Châu	22° 24' 16"	103° 26' 50"					F-48-39-B
tổ dân phố 12	DC	P. Đoàn Kết	TX. Lai Châu	22° 23' 59"	103° 26' 46"					F-48-39-B
tổ dân phố số 25	DC	P. Đông Phong	TX. Lai Châu	22° 22' 09"	103° 28' 57"					F-48-39-B
bản Tả Sin Chải 1	DC	P. Đông Phong	TX. Lai Châu	22° 23' 08"	103° 29' 00"					F-48-39-B
bản Màng	DC	P. Quyết Thắng	TX. Lai Châu	22° 24' 17"	103° 25' 40"					F-48-39-B
bản Nậm Loỏng 1	DC	P. Quyết Thắng	TX. Lai Châu	22° 24' 26"	103° 25' 16"					F-48-39-B
bản Nậm Loỏng 2	DC	P. Quyết Thắng	TX. Lai Châu	22° 24' 29"	103° 25' 36"					F-48-39-B
bản Nậm Loỏng 3	DC	P. Quyết Thắng	TX. Lai Châu	22° 24' 44"	103° 25' 44"					F-48-39-B
bản Xéo Làn Than	DC	P. Quyết Thắng	TX. Lai Châu	22° 24' 10"	103° 26' 13"					F-48-39-B
tổ dân phố số 1	DC	P. Quyết Tiến	TX. Lai Châu	22° 23' 46"	103° 26' 17"					F-48-39-B
tổ dân phố số 2	DC	P. Quyết Tiến	TX. Lai Châu	22° 23' 34"	103° 26' 34"					F-48-39-B
tổ dân phố số 3	DC	P. Quyết Tiến	TX. Lai Châu	22° 23' 40"	103° 26' 54"					F-48-39-B
tổ dân phố số 4	DC	P. Quyết Tiến	TX. Lai Châu	22° 23' 46"	103° 26' 46"					F-48-39-B
tổ dân phố số 5	DC	P. Quyết Tiến	TX. Lai Châu	22° 24' 12"	103° 26' 38"					F-48-39-B
Xí nghiệp Chè Tam Đường	KX	P. Tân Phong	TX. Lai Châu	22° 24' 15"	103° 27' 28"					F-48-39-B
tổ dân phố số 1	DC	P. Tân Phong	TX. Lai Châu	22° 24' 09"	103° 27' 29"					F-48-39-B
tổ dân phố số 4A	DC	P. Tân Phong	TX. Lai Châu	22° 23' 47"	103° 27' 36"					F-48-39-B
tổ dân phố số 4B	DC	P. Tân Phong	TX. Lai Châu	22° 23' 53"	103° 27' 41"					F-48-39-B
tổ dân phố số 5	DC	P. Tân Phong	TX. Lai Châu	22° 23' 44"	103° 28' 26"					F-48-39-B
tổ dân phố số 6	DC	P. Tân Phong	TX. Lai Châu	22° 23' 47"	103° 27' 54"					F-48-39-B
tổ dân phố số 7	DC	P. Tân Phong	TX. Lai Châu	22° 23' 35"	103° 27' 41"					F-48-39-B
tổ dân phố số 13	DC	P. Tân Phong	TX. Lai Châu	22° 23' 36"	103° 28' 05"					F-48-39-B
tổ dân phố số 14	DC	P. Tân Phong	TX. Lai Châu	22° 23' 37"	103° 27' 59"					F-48-39-B
nậm Con Gìn	TV	xã Nậm Loỏng	TX. Lai Châu			22° 24' 56"	103° 24' 40"	22° 24' 17"	103° 24' 07"	F-48-39-B
bản Huổi Lũng	DC	xã Nậm Loỏng	TX. Lai Châu	22° 25' 04"	103° 25' 22"					F-48-39-B
bản Tả Gia Khẩu 1	DC	xã Nậm Loỏng	TX. Lai Châu	22° 24' 31"	103° 23' 53"					F-48-39-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Tả Gia Khẩu 2	DC	xã Nậm Loỏng	TX. Lai Châu	22° 24' 46"	103° 24' 38"						F-48-39-B	
quốc lộ 4D	KX	xã San Thàng	TX. Lai Châu			22° 23' 36"	103° 28' 47"	22° 23' 35"	103° 30' 00"		F-48-39-B, F-48-40-A	
bản Chín Chu Chải	DC	xã San Thàng	TX. Lai Châu	22° 23' 45"	103° 29' 41"						F-48-39-B	
bản Lò Suối Tùng	DC	xã San Thàng	TX. Lai Châu	22° 22' 29"	103° 30' 21"						F-48-40-A	
bản Lũng Than	DC	xã San Thàng	TX. Lai Châu	22° 25' 28"	103° 28' 43"						F-48-39-B	
bản Phan Lìn	DC	xã San Thàng	TX. Lai Châu	22° 21' 50"	103° 30' 27"						F-48-40-A	
bản San Thàng 1	DC	xã San Thàng	TX. Lai Châu	22° 23' 51"	103° 30' 06"						F-48-40-A	
bản San Thàng 2	DC	xã San Thàng	TX. Lai Châu	22° 23' 33"	103° 30' 40"						F-48-40-A	
bản Sáo Sin Chải	DC	xã San Thàng	TX. Lai Châu	22° 22' 59"	103° 29' 53"						F-48-39-B, F-48-40-A	
bản Tả Sin Chải 2	DC	xã San Thàng	TX. Lai Châu	22° 22' 56"	103° 29' 31"						F-48-39-B	
khu 1	DC	TT. Mường Tè	H. Mường Tè	22° 22' 35"	102° 49' 40"						F-48-38-B	
khu 2	DC	TT. Mường Tè	H. Mường Tè	22° 22' 49"	102° 49' 22"						F-48-38-B	
khu 3	DC	TT. Mường Tè	H. Mường Tè	22° 22' 55"	102° 49' 18"						F-48-38-B	
khu 4	DC	TT. Mường Tè	H. Mường Tè	22° 23' 00"	102° 49' 09"						F-48-38-B	
khu 5	DC	TT. Mường Tè	H. Mường Tè	22° 22' 57"	102° 49' 06"						F-48-38-B	
khu 6	DC	TT. Mường Tè	H. Mường Tè	22° 23' 04"	102° 48' 58"						F-48-38-B	
khu 7	DC	TT. Mường Tè	H. Mường Tè	22° 23' 17"	102° 48' 32"						F-48-38-B	
khu 8	DC	TT. Mường Tè	H. Mường Tè	22° 23' 32"	102° 48' 03"						F-48-38-B	
khu 10	DC	TT. Mường Tè	H. Mường Tè	22° 22' 57"	102° 48' 22"						F-48-38-B	
đường tỉnh 127	KX	TT. Mường Tè	H. Mường Tè			22° 22' 45"	102° 47' 04"	22° 22' 28"	102° 49' 47"		F-48-38-B	
nậm Bùm	TV	TT. Mường Tè	H. Mường Tè			22° 22' 27"	102° 49' 30"	22° 22' 35"	102° 47' 15"		F-48-38-B	
bản Mẩn	DC	TT. Mường Tè	H. Mường Tè	22° 23' 12"	102° 47' 40"						F-48-38-B	
bản Bùm	DC	xã Bùm Nưa	H. Mường Tè	22° 22' 26"	102° 49' 58"						F-48-38-B	
nậm Bùm	TV	xã Bùm Nưa	H. Mường Tè			22° 23' 29"	102° 55' 09"	22° 22' 27"	102° 49' 30"		F-48-38-B	
nậm Cùm	TV	xã Bùm Nưa	H. Mường Tè			22° 26' 05"	102° 53' 50"	22° 24' 59"	102° 50' 43"		F-48-38-B	
huổi Dìn	TV	xã Bùm Nưa	H. Mường Tè			22° 24' 25"	102° 54' 20"	22° 22' 57"	102° 54' 37"		F-48-38-B	
huổi Đùng	TV	xã Bùm Nưa	H. Mường Tè			22° 22' 24"	102° 54' 55"	22° 22' 54"	102° 54' 30"		F-48-38-B	
huổi Hàng	TV	xã Bùm Nưa	H. Mường Tè			22° 22' 23"	102° 54' 16"	22° 22' 50"	102° 54' 13"		F-48-38-B	
huổi Hồn	TV	xã Bùm Nưa	H. Mường Tè			22° 25' 19"	102° 53' 31"	22° 22' 29"	102° 52' 33"		F-48-38-B	
núi Huổi Phà	SV	xã Bùm Nưa	H. Mường Tè	22° 21' 10"	102° 53' 38"						F-48-38-B	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
huổi Mạ	TV	xã Bum Nura	H. Mường Tè			22° 23' 53"	102° 53' 28"	22° 22' 51"	102° 53' 18"	F-48-38-B		
bản Nà Hừ	DC	xã Bum Nura	H. Mường Tè	22° 22' 44"	102° 52' 47"					F-48-38-B		
Trạm Thủy văn Nà Hừ	KX	xã Bum Nura	H. Mường Tè	22° 22' 29"	102° 52' 00"					F-48-38-B		
bản Nậm Cùm	DC	xã Bum Nura	H. Mường Tè	22° 24' 57"	102° 50' 49"					F-48-38-B		
bản Phiêng Kham	DC	xã Bum Nura	H. Mường Tè	22° 23' 04"	102° 54' 36"					F-48-38-B		
huổi Phung	TV	xã Bum Nura	H. Mường Tè			22° 21' 40"	102° 53' 57"	22° 22' 51"	102° 53' 16"	F-48-38-B		
huổi Tà Phà	TV	xã Bum Nura	H. Mường Tè			22° 21' 22"	102° 53' 36"	22° 22' 24"	102° 52' 15"	F-48-38-B		
núi Tào Tang	SV	xã Bum Nura	H. Mường Tè	22° 25' 14"	102° 54' 41"			22° 23' 34"	102° 48' 16"	F-48-38-B		
nậm Cầu	TV	xã Bum Tở	H. Mường Tè							F-48-38-B		
bản Chà Di	DC	xã Bum Tở	H. Mường Tè	22° 25' 44"	102° 44' 14"					F-48-38-A		
nậm Cùm	TV	xã Bum Tở	H. Mường Tè			22° 23' 54"	102° 45' 49"	22° 23' 12"	102° 47' 19"	F-48-38-B		
sông Đà	TV	xã Bum Tở	H. Mường Tè			22° 23' 08"	102° 43' 56"	22° 21' 11"	102° 46' 43"	F-48-38-B		
bản Đầu Nậm Xá	DC	xã Bum Tở	H. Mường Tè	22° 24' 32"	102° 46' 08"					F-48-38-B		
bản Huổi Han	DC	xã Bum Tở	H. Mường Tè	22° 23' 31"	102° 46' 24"					F-48-38-B		
suối Lang Lùng	TV	xã Bum Tở	H. Mường Tè					22° 24' 21"	102° 43' 47"	F-48-38-A		
suối Lang Nội	TV	xã Bum Tở	H. Mường Tè					22° 23' 45"	102° 44' 00"	F-48-38-A		
núi Li Pô Ta	SV	xã Bum Tở	H. Mường Tè	22° 25' 56"	102° 46' 48"					F-48-38-B		
bản Nậm Cầu	DC	xã Bum Tở	H. Mường Tè	22° 23' 43"	102° 48' 28"					F-48-38-B		
bản Nậm Xá	DC	xã Bum Tở	H. Mường Tè	22° 23' 38"	102° 45' 27"					F-48-38-B		
bản Pá Thổng	DC	xã Bum Tở	H. Mường Tè	22° 25' 04"	102° 46' 50"					F-48-38-B		
bản Phìn Khó	DC	xã Bum Tở	H. Mường Tè	22° 24' 59"	102° 43' 53"					F-48-38-A		
cầu Pô Léch	KX	xã Bum Tở	H. Mường Tè	22° 21' 34"	102° 46' 41"					F-48-38-B		
cảng Pô Léch	KX	xã Bum Tở	H. Mường Tè	22° 22' 32"	102° 45' 41"					F-48-38-B		
nậm Pục	TV	xã Bum Tở	H. Mường Tè					22° 27' 42"	102° 43' 20"	F-48-38-A		
nậm Si Lường	TV	xã Bum Tở	H. Mường Tè			22° 25' 00"	102° 50' 37"	22° 22' 57"	102° 49' 49"	F-48-38-B		
bản Ta Pán	DC	xã Bum Tở	H. Mường Tè	22° 22' 03"	102° 46' 46"					F-48-38-B		
bản Tà Phìn Dưới	DC	xã Bum Tở	H. Mường Tè	22° 25' 11"	102° 43' 13"					F-48-38-A		
nậm Xá	TV	xã Bum Tở	H. Mường Tè					22° 25' 06"	102° 43' 52"	F-48-38-A		
đường tỉnh 127	KX	xã Can Hồ	H. Mường Tè			22° 21' 34"	102° 46' 44"	22° 13' 01"	102° 49' 41"	F-48-38-B, F-48-38-D		
suối Can Hồ	TV	xã Can Hồ	H. Mường Tè			22° 19' 20"	102° 45' 50"	22° 20' 22"	102° 47' 10"	F-48-38-B		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)					
sông Đà	TV	xã Can Hồ	H. Mường Tè			22° 23' 08"	102° 43' 56"	22° 12' 58"	102° 49' 38"	F-48-38-B, F-48-38-D
suối Dăm Năm	TV	xã Can Hồ	H. Mường Tè							
suối Dăm Nặm	TV	xã Can Hồ	H. Mường Tè							
núi Đin Đen	SV	xã Can Hồ	H. Mường Tè	22° 18' 55"	102° 53' 12"					
nậm Hạ	TV	xã Can Hồ	H. Mường Tè			22° 17' 43"	102° 53' 20"	22° 17' 44"	102° 49' 18"	F-48-38-B
suối Hối Léch	TV	xã Can Hồ	H. Mường Tè			22° 21' 24"	102° 45' 17"	22° 21' 45"	102° 46' 20"	F-48-38-B
suối Huối Ngó	TV	xã Can Hồ	H. Mường Tè			22° 15' 42"	102° 51' 03"	22° 15' 45"	102° 49' 16"	F-48-38-B
suối Huối Ven	TV	xã Can Hồ	H. Mường Tè			22° 15' 56"	102° 47' 42"	22° 15' 25"	102° 49' 02"	F-48-38-B
bản Nậm Hạ A	DC	xã Can Hồ	H. Mường Tè	22° 17' 27"	102° 49' 34"					F-48-38-B
bản Nậm Hạ B	DC	xã Can Hồ	H. Mường Tè	22° 17' 53"	102° 49' 32"					F-48-38-B
bản Nậm Lọ A	DC	xã Can Hồ	H. Mường Tè	22° 14' 54"	102° 51' 24"					F-48-38-D
bản Nậm Lọ B	DC	xã Can Hồ	H. Mường Tè	22° 15' 59"	102° 51' 35"					F-48-38-B
bản Nậm Lũng	DC	xã Can Hồ	H. Mường Tè	22° 22' 47"	102° 44' 06"					F-48-38-A
suối Nậm Mạ	TV	xã Can Hồ	H. Mường Tè			22° 17' 02"	102° 44' 45"	22° 15' 42"	102° 45' 07"	F-48-38-A, F-48-38-B
suối Nậm Mận	TV	xã Can Hồ	H. Mường Tè			22° 16' 03"	102° 44' 41"	22° 14' 41"	102° 48' 45"	F-48-38-B, F-48-38-D
núi Nậm Táng	SV	xã Can Hồ	H. Mường Tè	22° 17' 43"	102° 43' 26"					F-48-38-A
bản Nậm Thú	DC	xã Can Hồ	H. Mường Tè	22° 17' 20"	102° 49' 59"					F-48-38-B
núi Nồng Lùm	SV	xã Can Hồ	H. Mường Tè	22° 19' 56"	102° 50' 25"					F-48-38-B
núi Phìn Khò	SV	xã Can Hồ	H. Mường Tè	22° 17' 52"	102° 45' 17"					F-48-38-B
núi Phu Ken	SV	xã Can Hồ	H. Mường Tè	22° 19' 31"	102° 51' 10"					F-48-38-A, F-48-38-B
suối Pờ Khó	TV	xã Can Hồ	H. Mường Tè			22° 20' 03"	102° 45' 15"	22° 21' 16"	102° 46' 37"	F-48-38-B
bản Pô Léch	DC	xã Can Hồ	H. Mường Tè	22° 22' 22"	102° 46' 17"					F-48-38-B
bản Seo Hai	DC	xã Can Hồ	H. Mường Tè	22° 19' 16"	102° 47' 53"					F-48-38-B
bản Sĩ Thủ Chải	DC	xã Can Hồ	H. Mường Tè	22° 17' 58"	102° 48' 49"					F-48-38-B
suối Xan Thằng	TV	xã Can Hồ	H. Mường Tè			22° 13' 38"	102° 50' 22"	22° 13' 03"	102° 49' 35"	F-48-38-D
Đồn Biên phòng 311	KX	xã Ka Lăng	H. Mường Tè	22° 38' 48"	102° 28' 06"					F-48-25-B F-48-25-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)							
bản Ka Lăng	DC	xã Ka Lăng	H. Mường Tè	22° 39' 24"	102° 28' 02"					F-48-25-B F-48-25-D		
suối Ka Lăng	TV	xã Ka Lăng	H. Mường Tè			22° 35' 07"	102° 24' 19"	22° 34' 17"	102° 24' 30"	F-48-25-B F-48-25-D		
suối La Hó	TV	xã Ka Lăng	H. Mường Tè			22° 35' 18"	102° 24' 55"	22° 34' 06"	102° 25' 05"	F-48-25-B F-48-25-D		
suối Lăn	TV	xã Ka Lăng	H. Mường Tè			22° 38' 35"	102° 33' 04"	22° 33' 34"	102° 28' 09"	F-48-25-D,B, F-48-26-C,A		
nậm Lẹ	TV	xã Ka Lăng	H. Mường Tè			22° 35' 18"	102° 29' 53"		102° 21' 12"	F-48-25-D,B, F-48-25-D,B		
bản Lé Ma	DC	xã Ka Lăng	H. Mường Tè	22° 35' 18"	102° 29' 53"					F-48-25-D,B		
bản Lò Ma	DC	xã Ka Lăng	H. Mường Tè	22° 38' 25"	102° 27' 26"					F-48-25-D,B		
suối Lò Nhì	TV	xã Ka Lăng	H. Mường Tè			22° 37' 54"	102° 26' 41"	22° 39' 27"	102° 26' 40"	F-48-25-D,B, F-48-25-D,B		
bản Mé Gióng	DC	xã Ka Lăng	H. Mường Tè	22° 38' 06"	102° 26' 22"					F-48-25-D,B F-48-26-C,A		
kềng Mun	TV	xã Ka Lăng	H. Mường Tè					22° 33' 34"	102° 30' 52"	F-48-26-C,A F-48-25-D,B		
suối Na Ni Lô So	TV	xã Ka Lăng	H. Mường Tè			22° 35' 21"	102° 26' 42"	22° 34' 04"	102° 26' 35"	F-48-25-D,B, F-48-25-D,B		
nậm Nạ Pi	TV	xã Ka Lăng	H. Mường Tè			22° 39' 31"	102° 25' 38"	22° 38' 36"	102° 24' 20"	F-48-25-D,B, F-48-26-C,A		
suối Nậm Lẹ	TV	xã Ka Lăng	H. Mường Tè			22° 36' 40"	102° 32' 16"	22° 34' 23"	102° 30' 52"	F-48-26-C,A F-48-26-C,A		
suối Nhóm Pó	TV	xã Ka Lăng	H. Mường Tè			22° 41' 43"	102° 34' 40"	22° 41' 52"	102° 35' 50"	F-48-26-C,A F-48-26-C,A		
bản Nhủ Cả	DC	xã Ka Lăng	H. Mường Tè	22° 37' 11"	102° 30' 52"					F-48-25-D,B, F-48-25-D,B		
suối Phi Ma	TV	xã Ka Lăng	H. Mường Tè	22° 39' 12"	102° 27' 58"			22° 38' 08"	102° 24' 44"	F-48-25-D,B F-48-25-D,B		
bản Tạ Phu	DC	xã Ka Lăng	H. Mường Tè	22° 31' 35"	102° 28' 35"					F-48-25-D,B F-48-38-A		
Đồn Biên phòng 315	KX	xã Mù Cả	H. Mường Tè	22° 28' 17"	102° 31' 06"					F-48-37-B F-48-37-B		
núi Ban Si Ngai	SV	xã Mù Cả	H. Mường Tè	22° 28' 35"	102° 25' 29"					F-48-25-D,B F-48-25-D,B		
bản Cừ Xá	DC	xã Mù Cả	H. Mường Tè			22° 25' 57"	102° 28' 55"	22° 27' 04"	102° 28' 28"	F-48-37-B F-48-25-D,B		
suối Cừ Xá	TV	xã Mù Cả	H. Mường Tè			22° 33' 29"	102° 19' 05"	22° 33' 34"	102° 28' 09"	F-48-37-B F-48-37-B		
sông Đà	TV	xã Mù Cả	H. Mường Tè			22° 29' 02"	102° 28' 14"	22° 30' 04"	102° 27' 05"	F-48-37-B F-48-37-B, 25-D,B, 26-C,A		
suối E Ma	TV	xã Mù Cả	H. Mường Tè			22° 23' 38"	102° 24' 11"	22° 34' 21"	102° 30' 45"	F-48-37-B F-48-37-B		
nậm Gạ Ủ	TV	xã Mù Cả	H. Mường Tè			22° 27' 08"	102° 25' 53"			F-48-37-B F-48-37-B		
bản Gia Tè	DC	xã Mù Cả	H. Mường Tè	22° 27' 08"	102° 25' 53"					F-48-37-B F-48-37-B		
bản Gò Cừ	DC	xã Mù Cả	H. Mường Tè	22° 25' 36"	102° 24' 29"			22° 27' 09"	102° 26' 46"	F-48-37-B F-48-37-B		
suối Gò Cừ	TV	xã Mù Cả	H. Mường Tè			22° 25' 34"	102° 27' 01"	22° 27' 09"	102° 26' 46"	F-48-37-B F-48-37-B		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Hu Ma Mò Ga	SV	xã Mù Cá	H. Mường Tè	22° 25' 14"	102° 26' 34"							F-48-37-B
núi Khà Hủ Lo Po	SV	xã Mù Cá	H. Mường Tè	22° 30' 22"	102° 25' 12"							F-48-25-D,B
suối Kha Ủ	TV	xã Mù Cá	H. Mường Tè			22° 27' 02"	102° 30' 29"	22° 26' 53"	102° 35' 51"			F-48-38-A
núi Kông Phên	SV	xã Mù Cá	H. Mường Tè	22° 33' 23"	102° 23' 49"							F-48-25-D,B
bản Mả Kỳ	DC	xã Mù Cá	H. Mường Tè	22° 30' 35"	102° 27' 12"							F-48-25-D,B
núi Mạ Lù Thàng	SV	xã Mù Cá	H. Mường Tè	22° 23' 43"	102° 25' 14"							F-48-37-B
suối Ma Ủ	TV	xã Mù Cá	H. Mường Tè			22° 27' 52"	102° 23' 42"	22° 28' 30"	102° 25' 34"			F-48-37-B
núi Mỏ Ly Khó Tú	SV	xã Mù Cá	H. Mường Tè	22° 28' 54"	102° 29' 05"							F-48-37-B
nậm Mỏ Su	TV	xã Mù Cá	H. Mường Tè			22° 29' 45"	102° 23' 07"	22° 29' 53"	102° 25' 24"			F-48-25-D,B, 37-B
núi Mỏ Xu	SV	xã Mù Cá	H. Mường Tè	22° 31' 31"	102° 25' 20"							F-48-25-D,B
bản Mù Cá	DC	xã Mù Cá	H. Mường Tè	22° 30' 36"	102° 28' 12"							F-48-25-D,B
suối Nệ Ló	TV	xã Mù Cá	H. Mường Tè			22° 32' 20"	102° 28' 17"	22° 32' 08"	102° 28' 54"			F-48-38-A
suối Nhù Ma	TV	xã Mù Cá	H. Mường Tè			22° 28' 32"	102° 32' 14"	22° 29' 22"	102° 34' 31"			F-48-25-D,B
nậm Pá Pe	TV	xã Mù Cá	H. Mường Tè			22° 31' 32"	102° 26' 25"	22° 30' 53"	102° 27' 07"			F-48-25-D,B
suối Phi Ma	TV	xã Mù Cá	H. Mường Tè			22° 28' 118"	102° 29' 05"	22° 27' 20"	102° 26' 16"			F-48-37-B
bản Phìn Khò	DC	xã Mù Cá	H. Mường Tè	22° 24' 18"	102° 24' 37"							F-48-37-B
suối Phìn Khò	TV	xã Mù Cá	H. Mường Tè			22° 22' 12"	102° 27' 30"	22° 24' 17"	102° 24' 33"			F-48-37-B
núi Sà Sỉ Ta	SV	xã Mù Cá	H. Mường Tè	22° 28' 23"	102° 27' 29"							F-48-25-D,B
núi Sa Thành	SV	xã Mù Cá	H. Mường Tè	22° 33' 15"	102° 30' 03"							F-48-25-D,B
núi Sang Thàng	SV	xã Mù Cá	H. Mường Tè	22° 32' 37"	102° 28' 33"							F-48-25-D,B
bản Si Nê	DC	xã Mù Cá	H. Mường Tè	22° 32' 01"	102° 30' 12"							F-48-26-A,C
phủ Sỳ Ngòi	SV	xã Mù Cá	H. Mường Tè	22° 29' 31"	102° 28' 25"							F-48-37-B
suối Tả Lỏ Phi Ma	TV	xã Mù Cá	H. Mường Tè			22° 29' 54"	102° 20' 44"	22° 33' 29"	102° 19' 05"			F-48-25-D,B
suối Thè Ma	TV	xã Mù Cá	H. Mường Tè			22° 32' 28"	102° 22' 19"	22° 34' 09"	102° 21' 28"			F-48-25-D,B
bản Tó Khò	DC	xã Mù Cá	H. Mường Tè	22° 34' 10"	102° 30' 48"							F-48-26-A,C
núi Vui Cha	SV	xã Mù Cá	H. Mường Tè	22° 27' 05"	102° 31' 42"							F-48-38-A
suối Xi Nê	TV	xã Mù Cá	H. Mường Tè			22° 32' 12"	102° 30' 27"	22° 32' 31"	102° 30' 12"			F-48-26-A,C
suối Xỏ Pá	TV	xã Mù Cá	H. Mường Tè			22° 29' 13"	102° 26' 57"	22° 28' 28"	102° 25' 38"			F-48-37-B
bản Bó	DC	xã Mường Tè	H. Mường Tè	22° 29' 14"	102° 37' 17"							F-48-38-A
pu Chi	SV	xã Mường Tè	H. Mường Tè	22° 29' 45"	102° 39' 23"							F-48-38-A
nậm Cùm	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 33' 43"	102° 37' 04"	22° 28' 48"	102° 36' 38"			F-48-26-C,A F-48-38-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
sông Đà	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 34' 20"	102° 30' 52"	22° 26' 58"	102° 37' 39"	F-48-26-C,A F-48-38-A		
bản Đơn Lạt	DC	xã Mường Tè	H. Mường Tè	22° 27' 39"	102° 37' 39"					F-48-38-A		
bản Giảng	DC	xã Mường Tè	H. Mường Tè	22° 30' 04"	102° 37' 33"					F-48-26-C,A		
nậm Hân	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 30' 52"	102° 42' 00"	22° 28' 08"	102° 40' 44"	F-48-38-A, F-48-26-C,A		
bản Hát Hin	DC	xã Mường Tè	H. Mường Tè	22° 32' 22"	102° 32' 56"					F-48-26-C,A		
huổi lít	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 28' 35"	102° 39' 29"	22° 27' 58"	102° 39' 19"	F-48-38-A		
nậm Kha Á	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 26' 53"	102° 35' 51"	22° 27' 09"	102° 37' 26"	F-48-38-A		
nậm Lăn	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 30' 40"	102° 39' 39"	22° 30' 12"	102° 37' 25"	F-48-26-C,A		
nậm Lẻ	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 36' 40"	102° 32' 16"	22° 34' 22"	102° 30' 52"	F-48-26-C,A		
huổi Lương	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 29' 35"	102° 40' 12"	22° 28' 03"	102° 40' 08"	F-48-38-A		
nậm Luông Ma	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 29' 22"	102° 34' 31"	22° 29' 44"	102° 35' 40"	F-48-38-A		
pu Ma	SV	xã Mường Tè	H. Mường Tè	22° 30' 52"	102° 38' 38"					F-48-26-C,A		
nậm Ma Nội	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 31' 26"	102° 38' 45"	22° 30' 41"	102° 37' 28"	F-48-26-C,A		
bản Mường Tè	DC	xã Mường Tè	H. Mường Tè	22° 28' 22"	102° 37' 10"					F-48-38-A		
bản Nậm Cùm	DC	xã Mường Tè	H. Mường Tè	22° 29' 04"	102° 36' 41"					F-48-38-A		
bản Nậm Hân	DC	xã Mường Tè	H. Mường Tè	22° 27' 33"	102° 38' 10"					F-48-38-A		
ghềnh Nậm Hân	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè	22° 27' 04"	102° 37' 24"					F-48-38-A		
bản Nậm Phìn	DC	xã Mường Tè	H. Mường Tè	22° 28' 28"	102° 40' 11"					F-48-38-A		
nậm Nga	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 36' 03"	102° 34' 43"	22° 33' 57"	102° 31' 36"	F-48-26-C,A		
bản Pắc Ma	DC	xã Mường Tè	H. Mường Tè	22° 34' 17"	102° 31' 05"					F-48-26-C,A		
nậm Pặm	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 33' 44"	102° 34' 10"	22° 33' 10"	102° 31' 41"	F-48-26-C,A		
nậm Pòm Pố	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 30' 39"	102° 35' 58"	22° 30' 36"	102° 37' 26"	F-48-26-C,A		
pu Ta Na	SV	xã Mường Tè	H. Mường Tè	22° 32' 34"	102° 34' 23"					F-48-26-C,A		
pu Tạng Thùm	SV	xã Mường Tè	H. Mường Tè	22° 31' 13"	102° 36' 40"					F-48-26-C,A		
huổi Thè	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 30' 24"	102° 41' 18"	22° 28' 14"	102° 40' 47"	F-48-26-C,A F-48-38-A		
nậm Thín	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 28' 48"	102° 34' 47"	22° 28' 46"	102° 36' 34"	F-48-38-A		
huổi Vai	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 29' 33"	102° 39' 25"	22° 27' 58"	102° 38' 30"	F-48-38-A		
huổi Văng Po	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 32' 04"	102° 37' 56"	22° 31' 15"	102° 37' 19"	F-48-26-C,A		
nậm Viêng	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 29' 24"	102° 38' 40"	22° 28' 04"	102° 37' 26"	F-48-38-A		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
huổi Xa	TV	xã Mường Tè	H. Mường Tè			22° 33' 37"	102° 35' 41"	22° 32' 44"	102° 35' 46"	F-48-26-C,A		
suối A Lông	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè			22° 25' 12"	102° 38' 51"	22° 25' 53"	102° 39' 47"	F-48-38-A		
sông Đà	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè			22° 26' 58"	102° 37' 39"	22° 23' 08"	102° 43' 56"	F-48-38-A		
huổi Đa Nưm	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè			22° 29' 03"	102° 41' 39"	22° 28' 35"	102° 41' 41"	F-48-38-A		
suối Hân Lím	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè			22° 26' 20"	102° 40' 53"	22° 25' 31"	102° 40' 12"	F-48-38-A		
huổi Hồ Cang	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè			22° 27' 23"	102° 41' 35"	22° 27' 33"	102° 40' 02"	F-48-38-A		
suối Hối Làng	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè			22° 26' 52"	102° 41' 59"	22° 25' 13"	102° 40' 47"	F-48-38-A		
núi Huổi Đứng	SV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè	22° 29' 34"	102° 44' 28"			22° 27' 16"	102° 37' 43"	F-48-38-A		
suối Huổi Khu	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè							F-48-38-A		
bản Huổi Tát	DC	xã Nậm Khao	H. Mường Tè	22° 26' 14"	102° 39' 22"					F-48-38-A		
núi Khao	SV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè	22° 29' 38"	102° 43' 37"					F-48-38-A		
suối Khao Ủ	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè					22° 25' 00"	102° 36' 42"	102° 38' 30"	F-48-38-A	
suối Láng Phiếu	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè					22° 24' 43"	102° 38' 32"	102° 40' 37"	F-48-38-A	
suối Nậm Hân	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè					22° 29' 15"	102° 44' 28"	102° 40' 45"	F-48-38-A	
bản Nậm Khao	DC	xã Nậm Khao	H. Mường Tè	22° 25' 04"	102° 40' 38"						F-48-38-A	
bản Nậm Pục	DC	xã Nậm Khao	H. Mường Tè	22° 24' 34"	102° 42' 24"						F-48-38-A	
suối Nhù Xăng	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè					22° 23' 26"	102° 41' 02"	102° 42' 09"	F-48-38-A	
suối Rừng Tén	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè					22° 23' 49"	102° 40' 37"	102° 41' 14"	F-48-38-A	
huổi Sáng	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè					22° 26' 25"	102° 40' 16"	102° 39' 44"	F-48-38-A	
khe Sơ Phiếu	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè					22° 25' 34"	102° 38' 50"	102° 39' 32"	F-48-38-A	
suối Tà Phìn	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè					22° 25' 49"	102° 43' 36"	102° 43' 20"	F-48-38-A	
huổi Tát	TV	xã Nậm Khao	H. Mường Tè					22° 26' 53"	102° 40' 15"	102° 39' 33"	F-48-38-A	
Đồn Biên phòng 309	KX	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 34' 13"	102° 39' 45"						F-48-26-C,A	
bản Cờ Lò 1	DC	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 31' 56"	102° 41' 42"						F-48-26-C,A	
bản Cờ Lò 2	DC	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 31' 35"	102° 42' 03"						F-48-26-C,A	
núi Há Lót	SV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 32' 09"	102° 43' 05"						F-48-26-C,A	
suối Hà Né	TV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè					22° 39' 35"	102° 44' 33"	22° 38' 14"	102° 42' 15"	F-48-26-C,A
bản Hà Xi	DC	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 38' 43"	102° 42' 25"							F-48-26-C,A
suối Hà Xi	TV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè					22° 40' 03"	102° 42' 40"	22° 38' 14"	102° 42' 15"	F-48-26-C,A
suối Khe Lò	TV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè					22° 32' 43"	102° 44' 38"	22° 35' 18"	102° 42' 36"	F-48-26-C,A
suối Khò Lơ	TV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè					22° 35' 18"	102° 42' 36"	22° 36' 52"	102° 42' 42"	F-48-26-C,A
suối Khò Ma	TV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè					22° 41' 18"	102° 38' 28"	22° 40' 38"	102° 37' 38"	F-48-26-C,A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)							
suối Khô Ma	TV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè			22° 37' 44"	102° 36' 29"	22° 33' 50"	102° 37' 15"	F-48-26-C,A		
suối Lô Sa	TV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè			22° 42' 39"	102° 36' 27"	22° 42' 20"	102° 36' 04"	F-48-26-C,A		
bản Mỏ Chi	DC	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 32' 18"	102° 39' 39"					F-48-26-C,A		
suối Nậm Cùm	TV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè			22° 37' 35"	102° 40' 55"	22° 33' 44"	102° 37' 05"	F-48-26-C,A		
suối Nậm Ma Nội	TV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè			22° 32' 49"	102° 41' 49"	22° 31' 26"	102° 38' 45"	F-48-26-C,A		
núi Nậm Sáu	SV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 41' 58"	102° 38' 49"					F-48-26-C,A		
suối Nậm Sáu	TV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè			22° 42' 19"	102° 37' 53"	22° 39' 43"	102° 37' 38"	F-48-26-C,A		
núi Nhó Pó	SV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 41' 19"	102° 36' 04"					F-48-26-C,A		
bản Nhú Ma	DC	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 36' 33"	102° 38' 38"					F-48-26-C,A		
bản Pa Ủ	DC	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 33' 49"	102° 40' 40"					F-48-26-C,A		
suối Pa Ủ	TV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè			22° 33' 48"	102° 40' 37"	22° 33' 25"	102° 40' 18"	F-48-26-C,A		
bản Pha Bu	DC	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 34' 58"	102° 37' 31"			22° 34' 54"	102° 37' 30"	F-48-26-C,A		
suối Pha Bu	TV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè			22° 36' 18"	102° 37' 39"			F-48-26-D		
núi Phu Sĩ Lùng	SV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 37' 38"	102° 47' 07"					F-48-26-C,A		
núi Pí Be Khô	SV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 41' 52"	102° 42' 03"					F-48-26-C,A		
núi Pờ Mừ Khô	SV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 40' 09"	102° 44' 33"					F-48-26-D		
núi Sĩ Lùng	SV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 37' 19"	102° 46' 53"					F-48-26-C,A		
bản Tân Biên	DC	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 34' 13"	102° 39' 40"					F-48-26-C,A		
bản Thâm Pa	DC	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 35' 15"	102° 39' 02"					F-48-26-C,A		
bản Trà Ké	DC	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 33' 52"	102° 38' 28"					F-48-26-C,A		
bản Ư Ma	DC	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 38' 52"	102° 39' 43"					F-48-26-C,A		
bản Xà Hồ	DC	xã Pa Ủ	H. Mường Tè	22° 35' 12"	102° 41' 24"					F-48-26-C,A		
suối Xà Hồ	TV	xã Pa Ủ	H. Mường Tè			22° 33' 46"	102° 42' 09"	22° 37' 16"	102° 41' 37"	F-48-26-C,A		
Đồn Biên phòng 307	KX	xã Pa Vệ Sừ	H. Mường Tè	22° 26' 51"	102° 50' 59"					F-48-38-B		
bản A Mại	DC	xã Pa Vệ Sừ	H. Mường Tè	22° 27' 09"	102° 51' 02"					F-48-38-B		
núi A Mại	SV	xã Pa Vệ Sừ	H. Mường Tè	22° 28' 08"	102° 52' 10"					F-48-38-B		
phủ Đen Đin	SV	xã Pa Vệ Sừ	H. Mường Tè	22° 36' 53"	102° 50' 23"					F-48-26-D		
suối Dền Thàng	TV	xã Pa Vệ Sừ	H. Mường Tè			22° 32' 24"	102° 48' 29"	22° 32' 05"	102° 50' 15"	F-48-26-D		
núi Huổi Đung	SV	xã Pa Vệ Sừ	H. Mường Tè	22° 29' 34"	102° 44' 28"					F-48-38-A		
núi Khao	SV	xã Pa Vệ Sừ	H. Mường Tè	22° 29' 38"	102° 43' 37"					F-48-38-A		
bản Khoang Thên	DC	xã Pa Vệ Sừ	H. Mường Tè	22° 28' 57"	102° 50' 31"					F-48-38-B		
bản Pá Cùm	DC	xã Pa Vệ Sừ	H. Mường Tè	22° 26' 38"	102° 51' 36"					F-48-38-B		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
suối Pá Hạ	TV	xã Pa Vê Sừ	H. Mường Tè			22° 28' 54"	102° 54' 47"	22° 28' 43"	102° 50' 43"	F-48-38-B		
bản Phi Chỉ A	DC	xã Pa Vê Sừ	H. Mường Tè	22° 26' 50"	102° 50' 26"					F-48-38-B		
bản Phi Chỉ B	DC	xã Pa Vê Sừ	H. Mường Tè	22° 26' 29"	102° 49' 41"					F-48-38-B		
bản Sả Phìn	DC	xã Pa Vê Sừ	H. Mường Tè	22° 31' 26"	102° 50' 41"					F-48-26-D		
nậm Sả Phìn	TV	xã Pa Vê Sừ	H. Mường Tè			22° 32' 50"	102° 52' 55"	22° 32' 47"	102° 50' 41"	F-48-26-D		
phủ San Cang	SV	xã Pa Vê Sừ	H. Mường Tè	22° 26' 03"	102° 50' 34"					F-48-38-B		
bản Seo Thên B	DC	xã Pa Vê Sừ	H. Mường Tè	22° 29' 41"	102° 50' 57"					F-48-38-B		
bản Sín Chải A	DC	xã Pa Vê Sừ	H. Mường Tè	22° 32' 53"	102° 51' 44"					F-48-26-D		
bản Sín Chải B	DC	xã Pa Vê Sừ	H. Mường Tè	22° 33' 38"	102° 51' 45"					F-48-26-D		
bản Sín Chải C	DC	xã Pa Vê Sừ	H. Mường Tè	22° 33' 01"	102° 49' 43"					F-48-26-D		
bản Thò Ma	DC	xã Pa Vê Sừ	H. Mường Tè	22° 30' 49"	102° 50' 54"					F-48-26-D		
suối Thò Ma	TV	xã Pa Vê Sừ	H. Mường Tè			22° 31' 07"	102° 53' 55"	22° 30' 53"	102° 50' 45"	F-48-26-D		
suối A Phu	TV	xã Tá Bạ	H. Mường Tè			22° 41' 27"	102° 31' 55"	22° 41' 51"	102° 31' 11"	F-48-26-C,A		
bản Là Pẻ 1	DC	xã Tá Bạ	H. Mường Tè	22° 39' 25"	102° 31' 35"					F-48-26-C,A		
bản Là Pẻ 2	DC	xã Tá Bạ	H. Mường Tè	22° 38' 40"	102° 31' 28"					F-48-26-C,A		
bản Là Si	DC	xã Tá Bạ	H. Mường Tè	22° 41' 37"	102° 30' 49"					F-48-26-C,A		
suối Là Si	TV	xã Tá Bạ	H. Mường Tè			22° 41' 49"	102° 30' 35"	22° 39' 31"	102° 25' 38"	F-48-25-D,B, F-48-26-C,A		
bản Lê Giảng	DC	xã Tá Bạ	H. Mường Tè	22° 40' 43"	102° 30' 52"					F-48-26-C,A		
bản Lô Mé	DC	xã Tá Bạ	H. Mường Tè	22° 39' 39"	102° 29' 09"					F-48-25-D,B		
suối Lô Sa	TV	xã Tá Bạ	H. Mường Tè			22° 43' 16"	102° 35' 49"	22° 43' 03"	102° 35' 25"	F-48-26-C,A		
bản Nhóm Pó	DC	xã Tá Bạ	H. Mường Tè	22° 40' 09"	102° 35' 32"					F-48-26-C,A		
bản Pạ Pù	DC	xã Tá Bạ	H. Mường Tè	22° 42' 02"	102° 35' 47"					F-48-26-C,A		
suối Pạ Pù	TV	xã Tá Bạ	H. Mường Tè			22° 41' 11"	102° 35' 29"	22° 39' 57"	102° 36' 20"	F-48-26-C,A		
nậm Sau	TV	xã Tá Bạ	H. Mường Tè			22° 43' 32"	102° 35' 16"	22° 41' 56"	102° 35' 50"	F-48-26-C,A		
suối Si Lú	TV	xã Tá Bạ	H. Mường Tè			22° 42' 47"	102° 32' 31"	22° 41' 47"	102° 30' 34"	F-48-26-C,A		
bản Tá Bạ	DC	xã Tá Bạ	H. Mường Tè	22° 38' 02"	102° 33' 34"					F-48-38-A		
bản A Mé	DC	xã Tá Tổng	H. Mường Tè	22° 20' 21"	102° 33' 36"					F-48-38-A		
nậm A Mé	TV	xã Tá Tổng	H. Mường Tè			22° 18' 16"	102° 36' 14"	22° 20' 42"	102° 34' 15"	F-48-38-A		
suối Cao Chải	TV	xã Tá Tổng	H. Mường Tè			22° 18' 59"	102° 43' 32"	22° 20' 11"	102° 42' 28"	F-48-38-A		
núi Chuông Gờ	SV	xã Tá Tổng	H. Mường Tè	22° 21' 43"	102° 42' 30"					F-48-38-A		
bản Có Lô Hồ	DC	xã Tá Tổng	H. Mường Tè	22° 22' 05"	102° 37' 28"					F-48-38-A		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				VT độ		Kinh độ		VT độ		Kinh độ		
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)			
núi Cô Lô Hồ	SV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 22' 26"	102° 38' 58"							F-48-38-A
suối Cô Lô Hồ	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè			22° 23' 11"	102° 36' 35"	22° 24' 45"	102° 36' 19"			F-48-38-A
núi Đẻ Đa Dòn	SV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 23' 00"	102° 28' 20"							F-48-37-B
nậm Dừa Và Xi	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè			22° 21' 40"	102° 39' 04"	22° 19' 57"	102° 40' 34"			F-48-38-A
bản Giảng Lý Cha	DC	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 22' 01"	102° 42' 43"							F-48-38-A
núi Kha Ủ	SV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 17' 32"	102° 32' 20"							F-48-38-A
suối Kha Ủ	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè					22° 15' 22"	102° 32' 03"	22° 25' 00"	102° 36' 42"	F-48-38-A
nậm Khao Á	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè					22° 25' 13"	102° 29' 37"	22° 25' 41"	102° 34' 12"	F-48-37-B, F-48-38-A
nậm Lai	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè					22° 18' 46"	102° 38' 29"	22° 20' 00"	102° 39' 38"	F-48-38-A
nậm Le	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè					22° 18' 13"	102° 41' 55"	22° 19' 48"	102° 41' 15"	F-48-38-A
suối Lũ Né	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè					22° 23' 42"	102° 38' 08"	22° 25' 00"	102° 36' 42"	F-48-38-A
bản Nậm Dinh	DC	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 17' 11"	102° 32' 52"							F-48-38-A
bản Nậm Khung	DC	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 15' 31"	102° 41' 10"							F-48-38-A
suối Nậm Luông	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè					22° 18' 46"	102° 38' 29"	22° 19' 55"	102° 41' 28"	F-48-38-A
suối Nậm Mý	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè					22° 12' 12"	102° 38' 26"	22° 13' 34"	102° 41' 15"	F-48-38-C
bản Nậm Ngà	DC	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 16' 09"	102° 39' 18"							F-48-38-C
núi Nậm Ngà	SV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 16' 34"	102° 37' 30"							F-48-38-A
núi Nậm Nạ	SV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 16' 54"	102° 39' 56"							F-48-38-A
nậm Ngà	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè					22° 15' 48"	102° 40' 31"	22° 12' 29"	102° 45' 07"	F-48-38-A, F-48-38-C, F-48-38-D
bản Ngà Chồ	DC	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 22' 36"	102° 41' 17"							F-48-38-A
suối Ông Ma	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè			22° 16' 53"	102° 36' 10"	22° 17' 07"	102° 31' 38"			F-48-38-A
bản Pa Tét	DC	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 11' 39"	102° 39' 29"							F-48-38-C
núi Pa Tét	SV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 11' 16"	102° 38' 04"							F-48-38-C
núi Phư Ma	SV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 24' 19"	102° 30' 13"							F-48-38-A
nậm Pù	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè			22° 19' 55"	102° 41' 28"	22° 22' 39"	102° 44' 02"			F-48-38-A
huổi Púng Chư	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè			22° 21' 30"	102° 36' 30"	22° 20' 37"	102° 35' 22"			F-48-38-A
huổi Sin Hồ	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè			22° 20' 45"	102° 37' 02"	22° 20' 05"	102° 35' 49"			F-48-38-A
bản Tà Tổng	DC	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 22' 41"	102° 39' 11"							F-48-38-A
suối Thư Lư	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè			22° 18' 01"	102° 34' 58"	22° 17' 28"	102° 31' 54"			F-48-38-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản U Ma	DC	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 16' 47"	102° 40' 19"			22° 20' 48"	102° 38' 11"			F-48-38-C
suối Xá Xưa Hù	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè					22° 20' 00"	102° 39' 38"			F-48-38-A
nậm Xé Ma	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè					22° 20' 28"	102° 29' 01"	22° 18' 21"	102° 31' 53"	F-48-37-B, F-48-38-A
suối Xi Né	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè					22° 18' 15"	102° 34' 33"	22° 18' 00"	102° 32' 08"	F-48-38-A
suối Xứ Oi	TV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè					22° 18' 46"	102° 34' 41"	22° 19' 09"	102° 32' 36"	F-48-38-A
núi Xứ Trống	SV	xã Tà Tổng	H. Mường Tè	22° 23' 22"	102° 38' 13"							F-48-38-A
Đồn Biên phòng 313	KX	xã Thu Lùm	H. Mường Tè	22° 42' 21"	102° 27' 18"							F-48-25-D,B
núi Cò Cú Sà Kha	SV	xã Thu Lùm	H. Mường Tè	22° 41' 15"	102° 24' 38"							F-48-25-D,B
bản Coong Khà	DC	xã Thu Lùm	H. Mường Tè	22° 43' 59"	102° 28' 58"							F-48-25-D,B
bản Gò Khà	DC	xã Thu Lùm	H. Mường Tè	22° 41' 42"	102° 27' 20"							F-48-25-D,B
núi Khú Tú Thu Lùm	SV	xã Thu Lùm	H. Mường Tè	22° 44' 00"	102° 27' 16"							F-48-25-D,B
núi Là Phơ	SV	xã Thu Lùm	H. Mường Tè	22° 46' 14"	102° 28' 31"			22° 43' 26"	102° 29' 14"	22° 39' 31"	102° 25' 40"	F-48-25-D,B
suối Là Pơ	TV	xã Thu Lùm	H. Mường Tè									F-48-26-C,A
núi Là Si	SV	xã Thu Lùm	H. Mường Tè	22° 45' 10"	102° 32' 12"							F-48-26-C,A
suối Là Si	TV	xã Thu Lùm	H. Mường Tè									F-48-25-D,B
bản Lò Na	DC	xã Thu Lùm	H. Mường Tè	22° 43' 34"	102° 28' 25"							F-48-25-D,B
suối Lò Na Lò Khà	TV	xã Thu Lùm	H. Mường Tè					22° 40' 55"	102° 25' 23"	22° 39' 32"	102° 25' 25"	F-48-26-C,A
núi Mo Tho Cò	SV	xã Thu Lùm	H. Mường Tè	22° 45' 49"	102° 31' 34"							F-48-25-D,B
suối Nga Khí Lò Khà	TV	xã Thu Lùm	H. Mường Tè					22° 39' 55"	102° 24' 48"	22° 39' 26"	102° 24' 54"	F-48-25-D,B
bản Pa Thảng	DC	xã Thu Lùm	H. Mường Tè	22° 41' 07"	102° 26' 08"							F-48-25-D,B
suối Pu Lò Pà	TV	xã Thu Lùm	H. Mường Tè					22° 45' 40"	102° 28' 04"	22° 42' 14"	102° 29' 16"	F-48-25-D,B
bản Thu Lùm	DC	xã Thu Lùm	H. Mường Tè	22° 42' 06"	102° 27' 41"							F-48-26-C,A
bản U Ma Tu Khoang	DC	xã Thu Lùm	H. Mường Tè	22° 45' 23"	102° 30' 19"							F-48-38-B
huối Chán	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè					22° 20' 37"	102° 50' 59"	22° 21' 25"	102° 51' 14"	F-48-38-B
huối Co Mì	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè					22° 20' 52"	102° 53' 15"	22° 20' 32"	102° 53' 03"	F-48-38-B
huối Cuồng	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè					22° 20' 51"	102° 49' 19"	22° 21' 41"	102° 50' 37"	F-48-38-B
huối Đán Đón	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè					22° 19' 07"	102° 53' 52"	22° 19' 53"	102° 54' 16"	F-48-38-B
bản Đán Đồn	DC	xã Vàng San	H. Mường Tè	22° 19' 31"	102° 51' 40"							F-48-38-B
huối Đương	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè					22° 20' 07"	102° 52' 21"	22° 20' 03"	102° 52' 34"	F-48-38-B
huối Hiêm	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè					22° 20' 00"	102° 52' 48"	22° 20' 22"	102° 53' 21"	F-48-38-B
huối Lạp	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè					22° 21' 03"	102° 50' 15"	22° 21' 40"	102° 50' 37"	F-48-38-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Kinh độ (độ, phút, giây)		Vĩ độ (độ, phút, giây)		Vĩ độ (độ, phút, giây)			Kinh độ (độ, phút, giây)	
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Nà Phầy	DC	xã Vàng San	H. Mường Tè	22° 21' 48"	102° 50' 39"						F-48-38-B	
núi Nậm Pồng	SV	xã Vàng San	H. Mường Tè	22° 21' 10"	102° 58' 55"						F-48-38-B	
bản Nậm Sẻ	DC	xã Vàng San	H. Mường Tè	22° 18' 41"	102° 57' 16"						F-48-38-B	
suối Nậm Sẻ	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 18' 06"	102° 58' 26"	22° 19' 21"	102° 56' 49"		F-48-38-B	
bản Nậm Suồng	DC	xã Vàng San	H. Mường Tè	22° 19' 54"	102° 57' 38"						F-48-38-B	
huối Nhà	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 21' 23"	102° 49' 23"	22° 21' 57"	102° 50' 29"		F-48-38-B	
nậm Nhọ	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 19' 20"	102° 58' 21"	22° 22' 09"	102° 50' 37"		F-48-38-B	
nậm Pạ	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 20' 38"	102° 54' 26"	22° 20' 16"	102° 53' 32"		F-48-38-B	
bản Pắc Pạ	DC	xã Vàng San	H. Mường Tè	22° 20' 07"	102° 53' 35"						F-48-38-B	
huối Phầy	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 20' 15"	102° 52' 01"	22° 20' 40"	102° 52' 30"		F-48-38-B	
nậm Pồng	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 21' 26"	102° 57' 44"	22° 19' 44"	102° 54' 55"		F-48-38-B	
huối Pú	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 20' 42"	102° 51' 11"	22° 21' 16"	102° 51' 35"		F-48-38-B	
huối Sá Phử	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 18' 40"	102° 55' 23"	22° 19' 12"	102° 55' 41"		F-48-38-B	
bản Sang Sui	DC	xã Vàng San	H. Mường Tè	22° 19' 11"	102° 55' 36"						F-48-38-B	
huối Sang Sui	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 18' 27"	102° 54' 22"	22° 19' 40"	102° 54' 47"		F-48-38-B	
nậm Suồng	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 20' 48"	102° 58' 07"	22° 19' 21"	102° 56' 49"		F-48-38-B	
huối Tum	TV	xã Vàng San	H. Mường Tè			22° 20' 02"	102° 51' 17"	22° 20' 52"	102° 52' 22"		F-48-38-B	
bản Vàng San	DC	xã Vàng San	H. Mường Tè	22° 20' 38"	102° 52' 24"						F-48-38-B	
đường tỉnh 127	KX	TT. Nậm Nhùn	H. Nậm Nhùn			22° 08' 29"	102° 55' 44"	22° 06' 14"	103° 06' 04"		F-48-38-D, F-48-39-C	
sông Đà	TV	TT. Nậm Nhùn	H. Nậm Nhùn			22° 08' 26"	102° 55' 41"	22° 06' 09"	103° 06' 02"		F-48-39-C, F-48-38-D	
nậm Hàng	TV	TT. Nậm Nhùn	H. Nậm Nhùn			22° 11' 48"	103° 02' 03"	22° 08' 22"	103° 01' 05"		F-48-39-C	
bản Huối Héo	DC	TT. Nậm Nhùn	H. Nậm Nhùn	22° 07' 50"	103° 00' 02"						F-48-39-C	
bản Nậm Hàng	DC	TT. Nậm Nhùn	H. Nậm Nhùn	22° 08' 35"	103° 00' 49"						F-48-39-C	
ghềnh Nậm Nhạt	TV	TT. Nậm Nhùn	H. Nậm Nhùn	22° 08' 19"	102° 59' 25"						F-48-38-D	
suối Nậm Nhạt	TV	TT. Nậm Nhùn	H. Nậm Nhùn			22° 07' 34"	102° 59' 90"	22° 08' 20"	102° 59' 23"		F-48-38-D	
bản Nậm Nhùn	DC	TT. Nậm Nhùn	H. Nậm Nhùn	22° 09' 48"	102° 59' 25"						F-48-38-D	
suối Nậm Nhùn	TV	TT. Nậm Nhùn	H. Nậm Nhùn			22° 14' 28"	103° 00' 25"	22° 08' 30"	102° 59' 40"		F-48-39-C, F-48-38-D	
Đồn Biên phòng 305	KX	xã Hua Bưm	H. Nậm Nhùn	22° 23' 43"	102° 58' 34"						F-48-38-B	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
nậm Bùm	TV	xã Hua Bùm	H. Nậm Nhùn					22° 26' 32"	103° 00' 45"	22° 23' 29"	102° 55' 09"	F-48-38-B, F-48-39-A
huổi Chá Cừ	TV	xã Hua Bùm	H. Nậm Nhùn					22° 22' 32"	102° 58' 47"	22° 23' 49"	102° 58' 15"	F-48-38-B
bản Chang Chao Pá	DC	xã Hua Bùm	H. Nậm Nhùn	22° 23' 48"	102° 58' 30"							F-48-38-B
nậm Cuối	TV	xã Hua Bùm	H. Nậm Nhùn					22° 19' 19"	103° 00' 28"	22° 17' 12"	103° 06' 03"	F-48-39-A
nậm Dền Thàng	TV	xã Hua Bùm	H. Nậm Nhùn					22° 28' 07"	102° 58' 20"	22° 24' 20"	102° 58' 54"	F-48-38-B
huổi Hu Khù	TV	xã Hua Bùm	H. Nậm Nhùn					22° 22' 47"	102° 58' 09"	22° 23' 42"	102° 57' 49"	F-48-38-B
nậm Lơn	TV	xã Hua Bùm	H. Nậm Nhùn					22° 20' 26"	103° 05' 15"	22° 17' 38"	103° 04' 29"	F-48-39-A
suối Mỹ Đừ Lô Khả	TV	xã Hua Bùm	H. Nậm Nhùn					22° 21' 35"	102° 59' 15"	22° 22' 25"	103° 02' 52"	F-48-38-B, F-48-39-A
bản Nậm Ngệ	DC	xã Hua Bùm	H. Nậm Nhùn	22° 25' 29"	102° 57' 36"							F-48-38-B
núi Nậm Nhà	SV	xã Hua Bùm	H. Nậm Nhùn	22° 26' 27"	102° 55' 11"							F-48-38-B
núi Nậm Sẻ	SV	xã Hua Bùm	H. Nậm Nhùn	22° 22' 48"	103° 00' 13"							F-48-39-A
nậm Ngệ	TV	xã Hua Bùm	H. Nậm Nhùn					22° 28' 37"	102° 57' 13"	22° 23' 42"	102° 56' 42"	F-48-38-B
bản Pa Cheo	DC	xã Hua Bùm	H. Nậm Nhùn	22° 24' 55"	102° 59' 36"							F-48-38-B
núi Pá Đon	SV	xã Hua Bùm	H. Nậm Nhùn	22° 16' 12"	103° 03' 03"							F-48-39-A
bản Pa Mu	DC	xã Hua Bùm	H. Nậm Nhùn	22° 23' 59"	102° 55' 30"							F-48-38-B
nậm Sào	TV	xã Hua Bùm	H. Nậm Nhùn					22° 26' 02"	102° 59' 42"	22° 24' 26"	102° 59' 36"	F-48-38-B
nậm Sập	TV	xã Hua Bùm	H. Nậm Nhùn					22° 15' 30"	103° 02' 05"	22° 16' 51"	103° 06' 32"	F-48-39-A
huổi Tỳ	TV	xã Hua Bùm	H. Nậm Nhùn					22° 23' 36"	102° 56' 02"	22° 23' 26"	102° 55' 52"	F-48-38-B
huổi Ước Pu Nó Khả	TV	xã Hua Bùm	H. Nậm Nhùn					22° 23' 19"	102° 59' 18"	22° 23' 53"	102° 58' 19"	F-48-38-B
quốc lộ 12	KX	xã Lê Lợi	H. Nậm Nhùn					22° 06' 44"	103° 10' 31"	22° 04' 34"	103° 10' 40"	F-48-39-C
đường tỉnh 127	KX	xã Lê Lợi	H. Nậm Nhùn					22° 05' 52"	103° 07' 10"	22° 05' 07"	103° 09' 44"	F-48-39-C
bản Chang	DC	xã Lê Lợi	H. Nậm Nhùn	22° 04' 17"	103° 08' 39"							F-48-39-C
bản Chợ	DC	xã Lê Lợi	H. Nậm Nhùn	22° 06' 18"	103° 09' 36"			22° 07' 14"	103° 09' 14"	22° 04' 13"	103° 08' 27"	F-48-39-C
nậm Đoong	TV	xã Lê Lợi	H. Nậm Nhùn									F-48-39-C
cầu Hang Tôm	KX	xã Lê Lợi	H. Nậm Nhùn	22° 04' 44"	103° 10' 21"							F-48-39-C
suối Huổi Đồ	TV	xã Lê Lợi	H. Nậm Nhùn					22° 07' 08"	103° 09' 45"	22° 06' 21"	103° 10' 06"	F-48-39-C
bản Huổi Sáng	DC	xã Lê Lợi	H. Nậm Nhùn	22° 07' 03"	103° 09' 17"							F-48-39-C
cầu Lai Hà	KX	xã Lê Lợi	H. Nậm Nhùn	22° 05' 57"	103° 09' 51"							F-48-39-C
bia Lê Lợi	KX	xã Lê Lợi	H. Nậm Nhùn	22° 05' 42"	103° 07' 30"							F-48-39-C
bản Pá Cuối	DC	xã Lê Lợi	H. Nậm Nhùn	22° 05' 41"	103° 08' 55"							F-48-39-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Phiêng Ban bản Phiêng Ến đường tỉnh 127 sông Đà pu Đen Đin bản Giăng huổi Hạ nậm Hải nậm Hinh Luông nậm Hong núi Huổi Tung nậm Khăn nậm Khao bản Km 41 pu Kỏi nậm Mỏ bản Mường Mỏ núi Nậm suối Nậm Khăn núi Nậm Lọ bản Pá Khao cầu Pá Khao bản Pa Mỏ nậm Phin Luông nậm Phin Nọi huổi Pổng huổi Sai Luông huổi Tông bản Tông Pít huổi Xạng	DC	xã Lê Lợi	H. Nậm Nhùn	22° 06' 03"	103° 10' 00"					F-48-39-C
	DC	xã Lê Lợi	H. Nậm Nhùn	22° 06' 03"	103° 11' 05"					F-48-39-C
	KX	xã Mường Mỏ	H. Nậm Nhùn			22° 13' 01"	102° 49' 41"	22° 08' 29"	102° 55' 44"	F-48-38-D
	TV	xã Mường Mỏ	H. Nậm Nhùn			22° 14' 41"	102° 48' 49"	22° 07' 56"	102° 56' 26"	F-48-38-D
	SV	xã Mường Mỏ	H. Nậm Nhùn	22° 17' 15"	102° 54' 07"					F-48-38-B
	DC	xã Mường Mỏ	H. Nậm Nhùn	22° 13' 53"	102° 55' 39"					F-48-38-D
	TV	xã Mường Mỏ	H. Nậm Nhùn			22° 13' 34"	102° 57' 21"	22° 12' 55"	102° 56' 33"	F-48-38-D
	TV	xã Mường Mỏ	H. Nậm Nhùn			22° 11' 24"	102° 56' 57"	22° 12' 26"	102° 55' 11"	F-48-38-D
	TV	xã Mường Mỏ	H. Nậm Nhùn			22° 08' 55"	102° 47' 49"	22° 09' 34"	102° 47' 48"	F-48-38-D
	TV	xã Mường Mỏ	H. Nậm Nhùn			22° 10' 22"	102° 52' 13"	22° 11' 46"	102° 51' 43"	F-48-38-D
	SV	xã Mường Mỏ	H. Nậm Nhùn	22° 08' 35"	102° 53' 02"					F-48-38-D
	TV	xã Mường Mỏ	H. Nậm Nhùn			22° 12' 55"	102° 56' 33"	22° 12' 25"	102° 54' 42"	F-48-38-D
	TV	xã Mường Mỏ	H. Nậm Nhùn			22° 13' 34"	102° 53' 02"	22° 12' 32"	102° 53' 24"	F-48-38-D
	DC	xã Mường Mỏ	H. Nậm Nhùn	22° 10' 08"	102° 55' 08"					F-48-38-D
	SV	xã Mường Mỏ	H. Nậm Nhùn	22° 09' 03"	102° 51' 44"					F-48-38-D
	TV	xã Mường Mỏ	H. Nậm Nhùn			22° 17' 01"	102° 55' 34"	22° 12' 38"	102° 55' 26"	F-48-38-B F-48-38-D
	DC	xã Mường Mỏ	H. Nậm Nhùn	22° 12' 47"	102° 55' 27"					F-48-38-D
	SV	xã Mường Mỏ	H. Nậm Nhùn	22° 06' 19"	102° 49' 18"					F-48-38-D
	TV	xã Mường Mỏ	H. Nậm Nhùn			22° 16' 51"	102° 58' 14"	22° 16' 18"	102° 55' 55"	F-48-38-B F-48-38-D
	SV	xã Mường Mỏ	H. Nậm Nhùn	22° 14' 02"	102° 51' 22"					F-48-38-D
DC	xã Mường Mỏ	H. Nậm Nhùn	22° 13' 44"	102° 53' 15"					F-48-38-D	
KX	xã Mường Mỏ	H. Nậm Nhùn	22° 12' 33"	102° 53' 24"					F-48-38-D	
DC	xã Mường Mỏ	H. Nậm Nhùn	22° 12' 27"	102° 54' 38"					F-48-38-D	
TV	xã Mường Mỏ	H. Nậm Nhùn			22° 08' 58"	102° 54' 02"	22° 10' 21"	102° 54' 41"	F-48-38-D	
TV	xã Mường Mỏ	H. Nậm Nhùn			22° 09' 27"	102° 52' 59"	22° 10' 24"	102° 54' 49"	F-48-38-D	
TV	xã Mường Mỏ	H. Nậm Nhùn			22° 13' 09"	102° 51' 50"	22° 12' 02"	102° 52' 06"	F-48-38-D	
TV	xã Mường Mỏ	H. Nậm Nhùn			22° 10' 12"	102° 55' 39"	22° 10' 09"	102° 55' 03"	F-48-38-D	
TV	xã Mường Mỏ	H. Nậm Nhùn			22° 11' 14"	102° 55' 26"	22° 10' 27"	102° 54' 57"	F-48-38-D	
DC	xã Mường Mỏ	H. Nậm Nhùn	22° 10' 02"	102° 54' 00"					F-48-38-D	
TV	xã Mường Mỏ	H. Nậm Nhùn			22° 13' 31"	102° 56' 42"	22° 12' 53"	102° 55' 54"	F-48-38-D	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
nậm Xuân	TV	xã Mường Mò	H. Nậm Nhùn			22° 16' 13"	102° 54' 04"	22° 12' 13"	102° 54' 30"	F-48-38-B, F-48-38-D		
bản Hua Păng	DC	xã Nậm Ban	H. Nậm Nhùn	22° 24' 18"	103° 04' 50"					F-48-39-A		
suối Nậm Ban	TV	xã Nậm Ban	H. Nậm Nhùn			22° 23' 57"	103° 02' 12"	22° 19' 47"	103° 09' 57"	F-48-39-A		
suối Nậm Bông	TV	xã Nậm Ban	H. Nậm Nhùn			22° 21' 54"	103° 05' 15"	22° 22' 35"	103° 08' 23"	F-48-39-A		
suối Nậm Chè	TV	xã Nậm Ban	H. Nậm Nhùn			22° 20' 11"	103° 05' 51"	22° 16' 57"	103° 07' 05"	F-48-39-A		
suối Nậm Họ	TV	xã Nậm Ban	H. Nậm Nhùn			22° 18' 38"	103° 07' 42"	22° 19' 07"	103° 09' 42"	F-48-39-A		
suối Nậm Hon	TV	xã Nậm Ban	H. Nậm Nhùn			22° 26' 13"	103° 04' 34"	22° 25' 36"	103° 04' 05"	F-48-39-A		
bản Nậm Nó 1	DC	xã Nậm Ban	H. Nậm Nhùn	22° 21' 43"	103° 08' 33"					F-48-39-A		
bản Nậm Nó 2	DC	xã Nậm Ban	H. Nậm Nhùn	22° 21' 07"	103° 09' 56"					F-48-39-A		
bản Nậm Vạc 1	DC	xã Nậm Ban	H. Nậm Nhùn	22° 19' 56"	103° 08' 03"					F-48-39-A		
bản Nậm Vạc 2	DC	xã Nậm Ban	H. Nậm Nhùn	22° 18' 57"	103° 09' 17"					F-48-39-A		
suối Nậm Vàng	TV	xã Nậm Ban	H. Nậm Nhùn					22° 22' 05"	103° 02' 43"	F-48-39-A		
bản Pa Păng	DC	xã Nậm Ban	H. Nậm Nhùn	22° 24' 11"	103° 05' 15"				103° 04' 09"	F-48-39-A		
nậm Chà	TV	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn					22° 10' 07"	102° 51' 56"	F-48-38-D		
bản Hát Mé	DC	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn	22° 06' 37"	102° 53' 49"					F-48-38-D		
suối Hát Trại	TV	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn					22° 09' 03"	102° 48' 41"	F-48-38-D		
nậm Hinh Nọi	TV	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn					22° 10' 09"	102° 46' 12"	F-48-38-D		
bản Huổi Linh	DC	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn	22° 05' 13"	102° 51' 23"					F-48-38-D		
bản Huổi Mẩn A	DC	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn	22° 05' 56"	102° 54' 17"					F-48-38-D		
bản Huổi Xó	DC	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn	22° 10' 38"	102° 50' 35"					F-48-38-D		
huổi Lẩn	TV	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn			22° 09' 56"	102° 50' 33"	22° 09' 22"	102° 49' 25"	F-48-38-D		
bản Nậm Chà	DC	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn	22° 06' 45"	102° 48' 30"					F-48-38-D		
nậm Ngà	TV	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn			22° 12' 29"	102° 45' 07"	22° 10' 07"	102° 48' 26"	F-48-38-D		
huổi Nhặt	TV	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn			22° 08' 59"	102° 56' 03"	22° 08' 27"	102° 55' 41"	F-48-38-D		
nậm Nhặt	TV	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn			22° 05' 43"	102° 51' 56"	22° 08' 25"	102° 55' 36"	F-48-38-D		
nậm Nhé	TV	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn			22° 07' 48"	102° 44' 46"	22° 10' 07"	102° 48' 26"	F-48-38-D		
bản Phiêng Lẩn	DC	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn	22° 09' 20"	102° 51' 32"					F-48-38-C		
huổi Sầu	TV	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn			22° 05' 03"	102° 49' 16"	22° 05' 43"	102° 51' 24"	F-48-38-D		
bản Táng Ngà	DC	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn	22° 10' 37"	102° 48' 16"					F-48-38-D		
nậm Va	TV	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn			22° 04' 08"	102° 48' 52"	22° 03' 55"	102° 51' 42"	F-48-38-D		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
nậm Vằng	TV	xã Nậm Chà	H. Nậm Nhùn			22° 05' 37"	102° 55' 27"	22° 04' 50"	102° 52' 39"	F-48-38-D		
nậm Bắc	TV	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn			22° 10' 03"	103° 01' 28"	22° 08' 22"	103° 01' 09"	F-48-39-C		
phủ Đạo	SV	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn	22° 12' 00"	103° 02' 15"					F-48-39-C		
nậm Dòn	TV	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn			22° 10' 11"	103° 01' 53"	22° 08' 42"	103° 01' 49"	F-48-39-C		
bản Huổi Đanh	DC	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn	22° 09' 45"	102° 57' 19"					F-48-38-D		
bản Huổi Pét	DC	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn	22° 09' 23"	103° 02' 22"					F-48-39-C		
bản Huổi Van I	DC	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn	22° 13' 02"	102° 59' 17"					F-48-38-D		
bản Huổi Van II	DC	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn	22° 12' 59"	102° 59' 14"					F-48-38-D		
huổi Kếp	TV	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn			22° 10' 31"	103° 02' 53"	22° 08' 03"	103° 02' 13"	F-48-39-C		
huổi Lai	TV	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn			22° 07' 11"	103° 06' 10"	22° 06' 10"	103° 06' 02"	F-48-39-C		
bản Lồng Ngải	DC	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn	22° 14' 02"	103° 04' 04"					F-48-38-D		
bản Nậm Cây	DC	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn	22° 11' 05"	102° 59' 18"					F-48-38-D		
suối Nậm Cây	TV	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn			22° 11' 39"	102° 59' 58"	22° 11' 00"	102° 59' 10"	F-48-39-C		
bản Nậm Lay	DC	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn	22° 14' 47"	103° 03' 54"					F-48-38-D		
bản Nậm Ty	DC	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn	22° 07' 11"	103° 04' 24"					F-48-39-C		
bản Pa Kéo	DC	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn	22° 08' 28"	103° 01' 24"					F-48-39-C		
bản Phiêng Luông I	DC	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn	22° 08' 26"	103° 02' 08"					F-48-39-C		
bản Phiêng Luông II	DC	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn	22° 08' 39"	103° 02' 47"					F-48-39-C		
nậm Tạo	TV	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn			22° 09' 24"	103° 03' 54"	22° 08' 23"	103° 02' 02"	F-48-39-C		
huổi Tung	TV	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn			22° 08' 59"	102° 57' 15"	22° 07' 58"	102° 56' 45"	F-48-38-D		
nậm Ty	TV	xã Nậm Hàng	H. Nậm Nhùn			22° 08' 41"	103° 05' 39"	22° 07' 31"	103° 03' 43"	F-48-39-C		
thác Cạnh Mỏ	TV	xã Nậm Mạnh	H. Nậm Nhùn	22° 08' 18"	103° 00' 10"					F-48-39-C		
sông Đà	TV	xã Nậm Mạnh	H. Nậm Nhùn			22° 08' 26"	102° 55' 41"	22° 06' 09"	103° 06' 02"	F-48-39-C, F-48-38-D		
suối Huổi Bì	TV	xã Nậm Mạnh	H. Nậm Nhùn			22° 05' 36"	102° 57' 26"	22° 06' 19"	102° 58' 28"	F-48-38-D		
suối Huổi Chát	TV	xã Nậm Mạnh	H. Nậm Nhùn			22° 04' 44"	102° 59' 33"	22° 06' 19"	102° 58' 28"	F-48-38-D		
bản Huổi Chát 1	DC	xã Nậm Mạnh	H. Nậm Nhùn	22° 06' 41"	102° 57' 57"					F-48-38-D		
bản Huổi Chát 2	DC	xã Nậm Mạnh	H. Nậm Nhùn	22° 06' 11"	102° 58' 55"					F-48-38-D		
suối Huổi Vắn	TV	xã Nậm Mạnh	H. Nậm Nhùn			22° 07' 19"	102° 55' 39"	22° 07' 54"	102° 56' 25"	F-48-38-D		
đồi Kiu Hán	SV	xã Nậm Mạnh	H. Nậm Nhùn	22° 04' 43"	103° 01' 24"					F-48-38-D		
bản Nậm Mạnh	DC	xã Nậm Mạnh	H. Nậm Nhùn	22° 08' 02"	103° 02' 00"					F-48-39-C		
suối Nậm Mạnh	TV	xã Nậm Mạnh	H. Nậm Nhùn			22° 04' 48"	103° 00' 10"	22° 08' 08"	103° 01' 48"	F-48-39-C		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nậm Nàn	DC	xã Nậm Mạnh	H. Nậm Nhùn	22° 04' 58"	102° 56' 40"					F-48-38-D
núi Nậm Nàn	SV	xã Nậm Mạnh	H. Nậm Nhùn	22° 06' 55"	102° 57' 13"					F-48-38-D
suối Nậm Nàn	TV	xã Nậm Mạnh	H. Nậm Nhùn			22° 03' 40"	102° 58' 31"	22° 08' 19"	102° 59' 22"	F-48-38-D
suối Nậm Pồ	TV	xã Nậm Mạnh	H. Nậm Nhùn			22° 04' 09"	103° 01' 36"	22° 06' 21"	103° 05' 05"	F-48-39-C
nậm Đắc	TV	xã Nậm Pì	H. Nậm Nhùn							
nậm Hị	TV	xã Nậm Pì	H. Nậm Nhùn							
suối Huổi Bía	TV	xã Nậm Pì	H. Nậm Nhùn			22° 17' 52"	103° 07' 40"	22° 16' 55"	103° 07' 28"	F-48-39-A
suối Nậm Cỏi	TV	xã Nậm Pì	H. Nậm Nhùn			22° 16' 55"	103° 07' 28"	22° 18' 09"	103° 09' 31"	F-48-39-A
bản Nậm Pì	DC	xã Nậm Pì	H. Nậm Nhùn	22° 10' 48"	103° 09' 12"			22° 14' 04"	103° 09' 32"	F-48-39-C
suối Nậm Vời	TV	xã Nậm Pì	H. Nậm Nhùn							F-48-39-C
bản Pẻ Ngải 2	DC	xã Nậm Pì	H. Nậm Nhùn	22° 14' 59"	103° 05' 25"					F-48-39-C
nậm Pì	TV	xã Nậm Pì	H. Nậm Nhùn							
núi Pu Lông	SV	xã Nậm Pì	H. Nậm Nhùn	22° 10' 01"	103° 09' 04"					F-48-39-C
đường tỉnh 127	KX	xã Pú Đao	H. Nậm Nhùn			22° 06' 14"	103° 06' 04"	22° 05' 52"	103° 07' 10"	F-48-39-C
nậm Đắc	TV	xã Pú Đao	H. Nậm Nhùn			22° 07' 58"	103° 07' 25"	22° 10' 24"	103° 08' 46"	F-48-39-C
nậm Đẳng	TV	xã Pú Đao	H. Nậm Nhùn			22° 08' 15"	103° 09' 07"	22° 07' 26"	103° 09' 20"	F-48-39-C
nậm Đưng	TV	xã Pú Đao	H. Nậm Nhùn			22° 07' 44"	103° 07' 45"	22° 07' 14"	103° 09' 14"	F-48-39-C
bản Hồng Ngải	DC	xã Pú Đao	H. Nậm Nhùn	22° 08' 10"	103° 09' 32"			22° 11' 11"	103° 08' 16"	F-48-39-C
nậm Khao	TV	xã Pú Đao	H. Nậm Nhùn			22° 10' 36"	103° 04' 49"	22° 11' 10"	103° 08' 16"	F-48-39-C
nậm Long	TV	xã Pú Đao	H. Nậm Nhùn	22° 08' 38"	103° 07' 03"					F-48-39-C
bản Nậm Đắc	DC	xã Pú Đao	H. Nậm Nhùn	22° 07' 13"	103° 07' 28"					F-48-39-C
bản Nậm Đơng	DC	xã Pú Đao	H. Nậm Nhùn	22° 11' 59"	103° 07' 22"					F-48-39-C
bản Nậm Pì	DC	xã Pú Đao	H. Nậm Nhùn	22° 11' 25"	103° 06' 07"					F-48-39-C
núi Nậm Pì	SV	xã Pú Đao	H. Nậm Nhùn	22° 07' 06"	103° 07' 07"					F-48-39-C
núi Pú Đao	SV	xã Pú Đao	H. Nậm Nhùn	22° 23' 12"	103° 09' 47"					F-48-39-A
bản Chung Trại 1	DC	xã Trung Chải	H. Nậm Nhùn	22° 24' 13"	103° 10' 29"					F-48-39-A
bản Chung Trại 2	DC	xã Trung Chải	H. Nậm Nhùn			22° 22' 52"	103° 09' 28"	22° 22' 38"	103° 10' 25"	F-48-39-A
suối Kênh Va	TV	xã Trung Chải	H. Nậm Nhùn			22° 25' 49"	103° 11' 28"	22° 18' 23"	103° 09' 51"	F-48-39-A
suối Nậm Na	TV	xã Trung Chải	H. Nậm Nhùn							F-48-39-A
bản Nậm Ó	DC	xã Trung Chải	H. Nậm Nhùn	22° 23' 49"	103° 07' 22"					F-48-39-A
bản Nậm Sáo 2	DC	xã Trung Chải	H. Nậm Nhùn	22° 25' 22"	103° 10' 54"					F-48-39-A
đội 5	DC	TT. Phong Thổ	H. Phong Thổ	22° 33' 12"	103° 16' 35"					F-48-27-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
quốc lộ 12	KX	T.T. Phong Thổ	H. Phong Thổ									F-48-27-D
quốc lộ 4D	KX	T.T. Phong Thổ	H. Phong Thổ									F-48-27-D
núi Nà Ngáo	SV	T.T. Phong Thổ	H. Phong Thổ	22° 32' 01"	103° 19' 55"							F-48-27-D
sông Nậm Na	TV	T.T. Phong Thổ	H. Phong Thổ									F-48-27-D
thôn Nậm Pây	DC	T.T. Phong Thổ	H. Phong Thổ	22° 30' 34"	103° 15' 54"							F-48-27-D
suối Nậm Pây	TV	T.T. Phong Thổ	H. Phong Thổ									F-48-27-D, F-48-39-B
sông Nậm So	TV	T.T. Phong Thổ	H. Phong Thổ									F-48-27-D
thôn Pa So	DC	T.T. Phong Thổ	H. Phong Thổ									F-48-27-D
cầu Pa So	KX	T.T. Phong Thổ	H. Phong Thổ	22° 32' 41"	103° 17' 13"							F-48-27-D
thôn Thẩm Bú	DC	T.T. Phong Thổ	H. Phong Thổ	22° 31' 41"	103° 19' 33"							F-48-27-D
thôn Thèn Chồ	DC	T.T. Phong Thổ	H. Phong Thổ	22° 32' 53"	103° 16' 37"							F-48-27-D
thôn Vàng Bó	DC	T.T. Phong Thổ	H. Phong Thổ	22° 31' 50"	103° 19' 13"							F-48-27-D
thôn Vàng Khon	DC	T.T. Phong Thổ	H. Phong Thổ	22° 31' 31"	103° 19' 28"							F-48-27-D
đường tỉnh 132	KX	xã Bản Lang	H. Phong Thổ			22° 37' 39"	103° 21' 15"	22° 34' 11"	103° 21' 56"			F-48-27-D
núi Hồ Sao Chải	SV	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 35' 53"	103° 21' 07"							F-48-27-D
bản Lang 1	DC	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 35' 33"	103° 22' 46"							F-48-27-D
bản Lang 2	DC	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 35' 18"	103° 22' 28"							F-48-27-D
suối Ma Can	TV	xã Bản Lang	H. Phong Thổ					22° 37' 55"	103° 26' 56"			F-48-27-D
bản Má Nghé	DC	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 35' 10"	103° 21' 28"							F-48-27-D
bản Má Tiễn	DC	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 37' 37"	103° 20' 58"							F-48-27-D
núi Mỏ Quạ	SV	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 37' 53"	103° 25' 06"							F-48-27-D
bản Nà Cúng	DC	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 35' 52"	103° 22' 53"							F-48-27-D
bản Nà Đơng	DC	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 35' 51"	103° 27' 08"							F-48-27-D
bản Nà Giang	DC	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 36' 19"	103° 24' 46"							F-48-27-D
bản Nà Vàng	DC	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 34' 33"	103° 21' 51"							F-48-27-D
suối Nậm Lòn	TV	xã Bản Lang	H. Phong Thổ					22° 35' 41"	103° 24' 47"			F-48-27-D
suối Nậm Lùn	TV	xã Bản Lang	H. Phong Thổ					22° 35' 01"	103° 22' 36"			F-48-27-D
bản Nậm Lùng	DC	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 36' 27"	103° 22' 13"							F-48-27-D
núi Pụ Khu Luông	SV	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 36' 51"	103° 27' 10"							F-48-27-D
núi Pụ Ngừu San	SV	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 37' 31"	103° 26' 15"							F-48-27-D
bản Sàng Giang	DC	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 34' 25"	103° 24' 28"							F-48-27-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Tả Lềng Sung	DC	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 36' 17"	103° 21' 11"							F-48-27-D
bản Thèn Thầu	DC	xã Bản Lang	H. Phong Thổ	22° 35' 11"	103° 24' 03"							F-48-27-D
đường tỉnh 132	KX	xã Dào San	H. Phong Thổ			22° 40' 56"	103° 21' 33"	22° 37' 39"	103° 21' 15"			F-48-27-D
Đồn Biên phòng 281	KX	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 40' 18"	103° 21' 32"							F-48-27-D
bản Bản Pho	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 37' 33"	103° 22' 07"							F-48-27-D
suối Can	TV	xã Dào San	H. Phong Thổ			22° 41' 42"	103° 20' 36"	22° 41' 51"	103° 20' 10"			F-48-27-D
bản Cao Sín Chải	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 40' 17"	103° 20' 17"							F-48-27-D
bản Dền Sang	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 38' 36"	103° 20' 22"							F-48-27-D
bản Dền Thàng A	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 39' 45"	103° 21' 36"							F-48-27-D
bản Dền Thàng B	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 40' 09"	103° 21' 41"							F-48-27-D
bản Hà Nhì	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 40' 56"	103° 21' 47"							F-48-27-D
bản Hợp 1	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 40' 53"	103° 21' 31"							F-48-27-D
bản Hợp 2	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 40' 35"	103° 21' 37"							F-48-27-D
bản Hợp 3	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 40' 42"	103° 21' 20"							F-48-27-D
bản Lềng Chư	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 40' 34"	103° 20' 41"			22° 38' 45"	103° 26' 14"	22° 38' 29"	103° 23' 38"	F-48-27-D
nậm Lon	TV	xã Dào San	H. Phong Thổ									F-48-27-D
núi Lý Chải	SV	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 41' 03"	103° 22' 13"							F-48-27-D
bản Ma Can	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 38' 15"	103° 24' 31"							F-48-27-D
suối Sam Tra	TV	xã Dào San	H. Phong Thổ					22° 40' 18"	103° 26' 37"	22° 38' 59"	103° 25' 35"	F-48-27-D
bản Sam Tra	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 39' 13"	103° 23' 31"							F-48-27-D
bản Si Phài	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 39' 39"	103° 19' 53"							F-48-27-D
bản Sín Sàng A	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 40' 06"	103° 22' 44"							F-48-27-D
bản Sín Sàng B	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 39' 47"	103° 22' 12"							F-48-27-D
bản Xin Chải	DC	xã Dào San	H. Phong Thổ	22° 40' 28"	103° 21' 19"							F-48-27-D
quốc lộ 12	KX	xã Hoàng Thèn	H. Phong Thổ					22° 35' 42"	103° 15' 34"	22° 33' 08"	103° 16' 36"	F-48-27-D
nậm Cát	TV	xã Hoàng Thèn	H. Phong Thổ					22° 36' 00"	103° 17' 00"	22° 35' 46"	103° 15' 32"	F-48-27-D
bản Hoàng Thèn	DC	xã Hoàng Thèn	H. Phong Thổ	22° 36' 51"	103° 18' 03"							F-48-27-D
bản Huổi Luồng	DC	xã Hoàng Thèn	H. Phong Thổ	22° 33' 25"	103° 19' 46"							F-48-27-D
bản Lềng Suối Chín	DC	xã Hoàng Thèn	H. Phong Thổ	22° 35' 46"	103° 19' 30"							F-48-27-D
bản Mỏ Sỉ Cầu	DC	xã Hoàng Thèn	H. Phong Thổ	22° 34' 53"	103° 16' 56"							F-48-27-D
bản Nậm Cây	DC	xã Hoàng Thèn	H. Phong Thổ	22° 35' 39"	103° 15' 35"							F-48-27-D
bản Sàng Cài	DC	xã Hoàng Thèn	H. Phong Thổ	22° 38' 05"	103° 18' 05"							F-48-27-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Sáo Lén	DC	xã Hoang Thén	H. Phong Thổ	22° 34' 11"	103° 19' 32"			22° 35' 47"	103° 19' 10"	22° 35' 31"	103° 16' 18"	F-48-27-D
suối Sỉ Cầu	TV	xã Hoang Thén	H. Phong Thổ			22° 36' 55"	103° 19' 51"					F-48-27-D
bản Sin Chải	DC	xã Hoang Thén	H. Phong Thổ	22° 37' 32"	103° 19' 28"							F-48-27-D
bản Tả Lềng	DC	xã Hoang Thén	H. Phong Thổ	22° 34' 25"	103° 10' 22"							F-48-27-C
Trạm Biên phòng 299	KX	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 33' 50"	103° 12' 51"							F-48-27-C
bản Can Thàng	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ			22° 35' 11"	103° 11' 49"	22° 34' 03"	103° 11' 40"	22° 34' 14"	103° 12' 58"	F-48-27-C
suối Can Thàng	TV	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ			22° 35' 11"	103° 12' 31"					F-48-27-C
bản Chang Hồng 1	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 32' 43"	103° 10' 44"							F-48-27-C
bản Chang Hồng 2	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 30' 59"	103° 12' 56"							F-48-27-C
bản Hồ Thầu	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ					22° 32' 12"	103° 08' 26"	22° 30' 02"	103° 10' 50"	F-48-27-C
bản Hoàng Chử Sào	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ			22° 31' 57"	103° 11' 06"					F-48-27-C
suối Huổi Luông	TV	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 31' 06"	103° 10' 16"							F-48-27-C
bản Huổi Luông 1	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 35' 55"	103° 13' 03"							F-48-27-C
bản Huổi Luông 2	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 31' 55"	103° 13' 37"							F-48-27-C
bản La Ván	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 31' 43"	103° 15' 49"							F-48-27-D
bản Làng Vây 1	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 32' 58"	103° 14' 52"							F-48-27-C
bản Làng Vây 2	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 34' 04"	103° 11' 07"							F-48-27-C
bản Làng Vây 3	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 34' 30"	103° 11' 13"							F-48-27-C
bản Ma Lù Thàng 1	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ					22° 34' 14"	103° 12' 58"	22° 34' 22"	103° 15' 47"	F-48-27-C
bản Ma Lù Thàng 2	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ					22° 32' 37"	103° 08' 57"	22° 33' 39"	103° 10' 52"	F-48-39-A
suối Nậm Hàng	TV	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ					22° 32' 38"	103° 12' 01"	22° 29' 46"	103° 11' 32"	F-48-27-C
suối Nậm Lé	TV	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ									F-48-39-A
suối Nậm Mạ	TV	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ					22° 35' 59"	103° 09' 29"	22° 28' 40"	103° 12' 49"	F-48-27-C
sông Nậm Na	TV	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ									F-48-27-C
núi Nậm Sa	SV	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 35' 17"	103° 10' 17"							F-48-27-C
suối Nậm Thén	TV	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 33' 15"	103° 14' 32"			22° 32' 00"	103° 10' 47"	22° 30' 20"	103° 10' 47"	F-48-27-C
bản Ngải Chồ	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 32' 13"	103° 13' 23"							F-48-27-C
bản Nhiều Sáng	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ									F-48-27-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Pô Tô	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 33' 10"	103° 11' 20"							F-48-27-C
bản Thèn Thầu	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 36' 52"	103° 11' 06"							F-48-27-C
bản U Gia	DC	xã Huổi Luông	H. Phong Thổ	22° 36' 01"	103° 13' 43"							F-48-27-C
bản Bản Cang	DC	xã Khổng Lào	H. Phong Thổ	22° 32' 09"	103° 21' 18"							F-48-27-D
bản Bản Đớ	DC	xã Khổng Lào	H. Phong Thổ	22° 32' 51"	103° 20' 42"							F-48-27-D
bản Chi Bú	DC	xã Khổng Lào	H. Phong Thổ	22° 32' 21"	103° 21' 06"							F-48-27-D
bản Ho Sao Chải	DC	xã Khổng Lào	H. Phong Thổ	22° 35' 08"	103° 20' 33"							F-48-27-D
bản Huổi Lông	DC	xã Khổng Lào	H. Phong Thổ	22° 32' 35"	103° 21' 46"							F-48-27-D
bản Huổi Nả	DC	xã Khổng Lào	H. Phong Thổ	22° 33' 03"	103° 20' 24"							F-48-27-D
bản Huổi Phặc	DC	xã Khổng Lào	H. Phong Thổ	22° 33' 15"	103° 20' 05"							F-48-27-D
bản Nậm Khay	DC	xã Khổng Lào	H. Phong Thổ	22° 34' 08"	103° 20' 45"							F-48-27-D
nậm Nậm Khay	TV	xã Khổng Lào	H. Phong Thổ					22° 35' 23"	103° 20' 22"	22° 33' 38"	103° 21' 36"	F-48-27-D
nậm Nậm Lùm	TV	xã Khổng Lào	H. Phong Thổ					22° 34' 10"	103° 21' 57"	22° 32' 03"	103° 21' 20"	F-48-27-D
sườn Nậm Phe	TV	xã Khổng Lào	H. Phong Thổ					22° 33' 16"	103° 23' 18"	22° 32' 27"	103° 22' 15"	F-48-27-D
bản Phai Cát I	DC	xã Khổng Lào	H. Phong Thổ	22° 32' 56"	103° 21' 44"							F-48-27-D
bản Phai Cát II	DC	xã Khổng Lào	H. Phong Thổ	22° 32' 45"	103° 21' 46"							F-48-27-D
quốc lộ 4D	KX	xã Lăn Nhì Thàng	H. Phong Thổ					22° 30' 13"	103° 20' 16"	22° 25' 37"	103° 24' 52"	F-48-39-B
khu Can Tỷ	DC	xã Lăn Nhì Thàng	H. Phong Thổ	22° 28' 24"	103° 20' 36"							F-48-39-B
khu Chăn Nuôi	DC	xã Lăn Nhì Thàng	H. Phong Thổ	22° 27' 39"	103° 25' 07"							F-48-39-B
núi Chiêu Pao	SV	xã Lăn Nhì Thàng	H. Phong Thổ	22° 29' 32"	103° 22' 11"							F-48-39-B
bản Cung Mu Phìn	DC	xã Lăn Nhì Thàng	H. Phong Thổ	22° 29' 40"	103° 18' 29"							F-48-39-B
bản Hồng Thu	DC	xã Lăn Nhì Thàng	H. Phong Thổ	22° 26' 02"	103° 24' 41"							F-48-39-B
bản Hồng Thu Mán	DC	xã Lăn Nhì Thàng	H. Phong Thổ	22° 26' 31"	103° 23' 44"							F-48-39-B
bản Lăn Nhì Thàng	DC	xã Lăn Nhì Thàng	H. Phong Thổ	22° 27' 54"	103° 22' 06"							F-48-39-B
bản Lũng Cù - Sáo Pá	DC	xã Lăn Nhì Thàng	H. Phong Thổ	22° 26' 10"	103° 25' 08"							F-48-39-B
núi Nhiều Sáng	SV	xã Lăn Nhì Thàng	H. Phong Thổ	22° 28' 17"	103° 25' 17"							F-48-39-B
bản Sáo Siên Pho	DC	xã Lăn Nhì Thàng	H. Phong Thổ	22° 27' 19"	103° 22' 52"							F-48-39-B
bản Sĩ Lềng Chải	DC	xã Lăn Nhì Thàng	H. Phong Thổ	22° 28' 30"	103° 22' 07"							F-48-39-B
bản Sín Chải	DC	xã Lăn Nhì Thàng	H. Phong Thổ	22° 29' 54"	103° 20' 33"							F-48-39-B
bản Tô Y Phìn	DC	xã Lăn Nhì Thàng	H. Phong Thổ	22° 27' 30"	103° 23' 54"							F-48-39-B
sườn Là Hu Sĩ	TV	xã Ma Ly Chải	H. Phong Thổ					22° 44' 37"	103° 18' 22"	22° 43' 41"	103° 18' 56"	F-48-27-D
bản Mới	DC	xã Ma Ly Chải	H. Phong Thổ	22° 43' 45"	103° 17' 56"							F-48-27-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Sín Chải	DC	xã Ma Ly Chải	H. Phong Thổ	22° 44' 27"	103° 17' 50"							F-48-27-D
bản Tả Chải	DC	xã Ma Ly Chải	H. Phong Thổ	22° 44' 10"	103° 17' 53"							F-48-27-D
sông Tả Páo Sung	TV	xã Ma Ly Chải	H. Phong Thổ			22° 44' 50"	103° 17' 33"	22° 42' 31"	103° 17' 09"			F-48-27-D
bản Tý Phù	DC	xã Ma Ly Chải	H. Phong Thổ	22° 43' 56"	103° 17' 47"							F-48-27-D
quốc lộ 12	KX	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ			22° 36' 31"	103° 09' 48"	22° 35' 42"	103° 15' 34"			F-48-27-C, F-48-27-D
Trạm Biên phòng Cửa khẩu Ma Lù Thàng nằm Cúm	KX	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ	22° 36' 27"	103° 09' 50"							F-48-27-C
cầu Hữu nghị Việt -Trung	TV	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ			22° 36' 31"	103° 09' 48"					F-48-27-C
	KX	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ	22° 36' 31"	103° 09' 48"							F-48-27-C
bản Ma Ly Pho	DC	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ	22° 38' 12"	103° 12' 18"							F-48-27-C
suối Ma Ly Pho	TV	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ			22° 37' 24"	103° 14' 23"	22° 36' 24"	103° 13' 47"			F-48-27-C
núi Ma Quai Thang	SV	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ	22° 38' 21"	103° 13' 53"							F-48-27-C
cầu Nậm Cáy	KX	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ	22° 35' 42"	103° 15' 34"							F-48-27-D
bản Pa Nậm Cúm	DC	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ	22° 36' 17"	103° 09' 50"							F-48-27-C
suối Pơ Ma Hồ	TV	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ			22° 38' 10"	103° 15' 19"	22° 36' 05"	103° 15' 00"			F-48-27-D
bản Pờ Ma Hồ	DC	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ	22° 37' 45"	103° 15' 31"							F-48-27-D
bản Sòn Thầu I	DC	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ	22° 37' 00"	103° 15' 12"							F-48-27-D
bản Sòn Thầu II	DC	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ	22° 36' 53"	103° 12' 43"							F-48-27-C
bản Tả Phìn	DC	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ	22° 37' 32"	103° 16' 44"							F-48-27-D
bản Thên Xin	DC	xã Ma Ly Pho	H. Phong Thổ	22° 37' 55"	103° 14' 53"							F-48-27-C
suối Chu Sáo Tỷ	TV	xã Mỏ Sỉ San	H. Phong Thổ			22° 44' 28"	103° 20' 30"	22° 44' 32"	103° 19' 55"			F-48-27-D
bản Mỏ Sỉ San	DC	xã Mỏ Sỉ San	H. Phong Thổ	22° 44' 33"	103° 21' 13"							F-48-27-D
bản Seo Hồ Thầu	DC	xã Mỏ Sỉ San	H. Phong Thổ	22° 44' 58"	103° 21' 11"							F-48-27-D
suối Sáo Hồ Thầu	TV	xã Mỏ Sỉ San	H. Phong Thổ			22° 44' 17"	103° 21' 32"	22° 44' 05"	103° 19' 34"			F-48-27-D
suối Tả Hồ Thầu	TV	xã Mỏ Sỉ San	H. Phong Thổ			22° 45' 34"	103° 23' 05"	22° 45' 41"	103° 22' 27"			F-48-27-B
suối Tả Páo Hồ	TV	xã Mỏ Sỉ San	H. Phong Thổ			22° 45' 24"	103° 25' 24"	22° 45' 05"	103° 24' 59"			F-48-27-B
bản Tân Sáo Phìn	DC	xã Mỏ Sỉ San	H. Phong Thổ	22° 44' 52"	103° 20' 54"							F-48-27-D
bản Tô Y Phìn	DC	xã Mỏ Sỉ San	H. Phong Thổ	22° 44' 41"	103° 21' 00"							F-48-27-D
bản Cang Chu Dao	DC	xã Mù Sang	H. Phong Thổ	22° 38' 58"	103° 17' 10"							F-48-27-D
bản Khoa San	DC	xã Mù Sang	H. Phong Thổ	22° 39' 08"	103° 17' 40"							F-48-27-D
bản Lăng Thang	DC	xã Mù Sang	H. Phong Thổ	22° 38' 34"	103° 16' 36"							F-48-27-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Lũng Than	DC	xã Mù Sang	H. Phong Thổ	22° 40' 40"	103° 17' 15"			22° 40' 03"	103° 17' 26"	22° 40' 46"	103° 17' 20"	F-48-27-D
suối Lũng Than	TV	xã Mù Sang	H. Phong Thổ									F-48-27-D
bản Mù Sang	DC	xã Mù Sang	H. Phong Thổ	22° 39' 02"	103° 16' 07"							F-48-27-D
núi Mù Sang	SV	xã Mù Sang	H. Phong Thổ	22° 39' 23"	103° 15' 19"							F-48-27-D
bản Xin Chải	DC	xã Mù Sang	H. Phong Thổ	22° 39' 07"	103° 18' 09"							F-48-27-D
núi Hang Dơi	SV	xã Mường So	H. Phong Thổ	22° 31' 05"	103° 19' 46"							F-48-27-D
bản Hồi Bảo	DC	xã Mường So	H. Phong Thổ	22° 31' 49"	103° 22' 15"							F-48-27-D
bản Hồi Ến	DC	xã Mường So	H. Phong Thổ	22° 31' 35"	103° 22' 37"							F-48-27-D
bản Huổi Sen	DC	xã Mường So	H. Phong Thổ	22° 32' 39"	103° 22' 18"							F-48-27-D
bản Nà Củng	DC	xã Mường So	H. Phong Thổ	22° 31' 15"	103° 22' 11"							F-48-27-D
bản Nậm Cung	DC	xã Mường So	H. Phong Thổ	22° 31' 03"	103° 20' 35"			22° 32' 03"	103° 21' 20"	22° 31' 24"	103° 20' 02"	F-48-27-D
suối Nậm Lùm	TV	xã Mường So	H. Phong Thổ					22° 32' 16"	103° 23' 53"	22° 31' 39"	103° 23' 22"	F-48-39-B
suối Nậm Nhip	TV	xã Mường So	H. Phong Thổ					22° 31' 21"	103° 23' 36"	22° 32' 41"	103° 17' 00"	F-48-27-D
suối Nậm So	TV	xã Mường So	H. Phong Thổ									F-48-27-D
bản Phiêng Đanh	DC	xã Mường So	H. Phong Thổ	22° 31' 16"	103° 20' 24"							F-48-27-D
cầu Phiêng Đanh	KX	xã Mường So	H. Phong Thổ	22° 31' 19"	103° 20' 35"							F-48-27-D
thôn Tây An	DC	xã Mường So	H. Phong Thổ	22° 31' 56"	103° 21' 41"							F-48-27-D
thôn Tây Nguyên	DC	xã Mường So	H. Phong Thổ	22° 31' 52"	103° 21' 13"							F-48-27-D
thôn Tây Sơn	DC	xã Mường So	H. Phong Thổ	22° 31' 51"	103° 20' 59"							F-48-27-D
bản Vàng Bàu	DC	xã Mường So	H. Phong Thổ	22° 31' 09"	103° 23' 22"							F-48-27-D
bản Vàng Phèo	DC	xã Mường So	H. Phong Thổ	22° 31' 40"	103° 21' 14"							F-48-27-D
Đồn Biên phòng 277	KX	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 31' 19"	103° 26' 38"							F-48-27-D
suối Bản Mầu	TV	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ					22° 34' 19"	103° 27' 57"	22° 33' 25"	103° 26' 50"	F-48-27-D
suối Cản Cầu	TV	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ					22° 36' 18"	103° 29' 48"	22° 35' 56"	103° 29' 26"	F-48-39-B
bản Dền Thàng	DC	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 29' 37"	103° 25' 51"							F-48-27-D
bản Hoàng Liên Sơn 1	DC	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 33' 31"	103° 25' 01"							F-48-27-D
bản Hoàng Liên Sơn 2	DC	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 33' 49"	103° 26' 09"							F-48-27-D
núi Khăn To	SV	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 31' 37"	103° 27' 28"							F-48-27-D
núi Khang Chu Ván	SV	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 34' 00"	103° 32' 25"							F-48-28-C,A
pu Kho Luồng	SV	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 36' 12"	103° 28' 43"							F-48-27-D
bản Mẩn 1	DC	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 30' 53"	103° 24' 26"							F-48-27-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Mán 2	DC	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 30' 27"	103° 24' 43"					F-48-27-D
bản Màu	DC	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 31' 06"	103° 26' 43"					F-48-27-D
bản Mỏ	DC	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 31' 09"	103° 27' 07"					F-48-27-D
bản Nậm Xe	DC	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 31' 00"	103° 28' 09"					F-48-27-D
bản Ngải Trò	DC	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 32' 23"	103° 24' 09"					F-48-27-D
bản Pà Chải	DC	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 31' 41"	103° 24' 42"	22° 32' 22"	103° 29' 26"	22° 31' 01"	103° 27' 04"	F-48-27-D
nậm Pát	TV	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ							F-48-27-D
bản Po Chà	DC	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 32' 37"	103° 26' 24"					F-48-27-D
bản San Di	DC	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 33' 17"	103° 23' 38"					F-48-27-D
suối Van Hồ	TV	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ			22° 35' 10"	103° 30' 02"	22° 32' 22"	103° 29' 26"	F-48-28-C,A F-48-27-D
bản Van Hồ 2	DC	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 29' 33"	103° 27' 53"					F-48-39-B
bản Vàng Thẳm	DC	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ	22° 30' 59"	103° 25' 27"					F-48-27-D
nậm Xe	TV	xã Nậm Xe	H. Phong Thổ			22° 30' 15"	103° 28' 43"	22° 30' 53"	103° 28' 07"	F-48-27-D
bản Chung Chải	DC	xã Pa Vây Sừ	H. Phong Thổ	22° 43' 30"	103° 21' 27"					F-48-27-D
bản Hàng É	DC	xã Pa Vây Sừ	H. Phong Thổ	22° 43' 46"	103° 21' 41"					F-48-27-D
bản Khu Chu Lin	DC	xã Pa Vây Sừ	H. Phong Thổ	22° 43' 18"	103° 20' 55"					F-48-27-D
bản Ngải Thầu	DC	xã Pa Vây Sừ	H. Phong Thổ	22° 42' 57"	103° 22' 33"					F-48-27-D
suối Páo Hồ	TV	xã Pa Vây Sừ	H. Phong Thổ			22° 45' 05"	103° 24' 59"	22° 44' 36"	103° 24' 13"	F-48-27-D
bản Pờ Xa	DC	xã Pa Vây Sừ	H. Phong Thổ	22° 44' 15"	103° 23' 09"					F-48-27-D
bản Sín Chải	DC	xã Pa Vây Sừ	H. Phong Thổ	22° 42' 45"	103° 22' 29"					F-48-27-D
suối Thèn Thèo Hồ	TV	xã Pa Vây Sừ	H. Phong Thổ			22° 44' 09"	103° 24' 07"	22° 42' 25"	103° 21' 02"	F-48-27-D
Đồn Biên phòng 289	KX	xã Si Lờ Lầu	H. Phong Thổ	22° 44' 37"	103° 18' 36"					F-48-27-D
suối Chàng Ngây Hồ	TV	xã Si Lờ Lầu	H. Phong Thổ			22° 46' 43"	103° 21' 58"	22° 45' 49"	103° 21' 11"	F-48-27-B
bản Gia Khẩu	DC	xã Si Lờ Lầu	H. Phong Thổ	22° 46' 01"	103° 19' 24"					F-48-27-B
bản Lả Nhì Thành	DC	xã Si Lờ Lầu	H. Phong Thổ	22° 46' 25"	103° 21' 07"					F-48-27-B
bản Lao Chải	DC	xã Si Lờ Lầu	H. Phong Thổ	22° 46' 06"	103° 19' 46"					F-48-27-B
suối Mu Khi Hồ	TV	xã Si Lờ Lầu	H. Phong Thổ			22° 45' 54"	103° 18' 28"	22° 45' 11"	103° 17' 56"	F-48-27-B
suối Na Mu Chu Hồ	TV	xã Si Lờ Lầu	H. Phong Thổ			22° 46' 43"	103° 18' 40"	22° 45' 54"	103° 18' 28"	F-48-27-B
suối Pèn Ngải Hồ	TV	xã Si Lờ Lầu	H. Phong Thổ			22° 47' 37"	103° 21' 28"	22° 46' 57"	103° 20' 34"	F-48-27-B
bản Phố Váy	DC	xã Si Lờ Lầu	H. Phong Thổ	22° 44' 38"	103° 19' 18"					F-48-27-D
suối Tả Páo Sừng	TV	xã Si Lờ Lầu	H. Phong Thổ			22° 46' 11"	103° 19' 04"	22° 45' 26"	103° 19' 52"	F-48-27-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình		
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Thà Giảng	DC	xã Sĩ Lờ Lầu	H. Phong Thổ	22° 45' 09"	103° 18' 38"			22° 47' 36"	103° 19' 49"	22° 46' 53"	103° 20' 13"	F-48-27-B
suối Xéo Phìn Hồ	TV	xã Sĩ Lờ Lầu	H. Phong Thổ									F-48-27-B
bản Xin Chải	DC	xã Sĩ Lờ Lầu	H. Phong Thổ	22° 45' 24"	103° 18' 51"							F-48-27-B
bản Căn Cầu	DC	xã Sin Súi Hồ	H. Phong Thổ	22° 28' 49"	103° 29' 20"							F-48-39-B
núi Can Hồ	SV	xã Sin Súi Hồ	H. Phong Thổ	22° 30' 15"	103° 29' 50"							F-48-27-D
bản Chí Sáng	DC	xã Sin Súi Hồ	H. Phong Thổ	22° 30' 05"	103° 30' 43"							F-48-28-C,A
bản Chí Sáng Thầu	DC	xã Sin Súi Hồ	H. Phong Thổ	22° 30' 13"	103° 30' 53"							F-48-28-C,A
bản Dền Sung	DC	xã Sin Súi Hồ	H. Phong Thổ	22° 31' 15"	103° 30' 40"							F-48-28-C,A
suối Dền Sung	TV	xã Sin Súi Hồ	H. Phong Thổ			22° 31' 08"	103° 33' 46"	22° 31' 03"	103° 32' 01"	22° 35' 44"	103° 31' 42"	F-48-28-C,A
suối Hồng Ngải	TV	xã Sin Súi Hồ	H. Phong Thổ			22° 36' 21"	103° 30' 17"					F-48-40-A
núi Pan Khèo	SV	xã Sin Súi Hồ	H. Phong Thổ	22° 27' 56"	103° 31' 12"							F-48-40-A
bản Sân Bay	DC	xã Sin Súi Hồ	H. Phong Thổ	22° 29' 29"	103° 30' 45"							F-48-28-C,A
bản Sàng Mào Phò	DC	xã Sin Súi Hồ	H. Phong Thổ	22° 32' 16"	103° 33' 10"							F-48-28-C,A
suối Sèo Lèng	TV	xã Sin Súi Hồ	H. Phong Thổ	22° 29' 08"	103° 29' 36"			22° 31' 50"	103° 33' 03"	22° 31' 03"	103° 32' 01"	F-48-39-B
bản Sĩ Cha Chải	DC	xã Sin Súi Hồ	H. Phong Thổ	22° 30' 53"	103° 31' 22"							F-48-28-C,A
bản Trung Hồ	DC	xã Sin Súi Hồ	H. Phong Thổ									F-48-39-B
suối Vạn Hồ	TV	xã Sin Súi Hồ	H. Phong Thổ			22° 28' 49"	103° 31' 14"	22° 28' 52"	103° 30' 00"			F-48-28-C,A
bản Căng Há	DC	xã Tung Qua Lin	H. Phong Thổ	22° 41' 34"	103° 22' 02"							F-48-27-D
bản Căng Ký	DC	xã Tung Qua Lin	H. Phong Thổ	22° 41' 35"	103° 22' 27"							F-48-27-D
núi Dốc Đá	SV	xã Tung Qua Lin	H. Phong Thổ	22° 41' 29"	103° 24' 57"							F-48-27-D
bản Hà Nhì	DC	xã Tung Qua Lin	H. Phong Thổ	22° 41' 11"	103° 22' 24"							F-48-27-D
bản Hờ Mèo	DC	xã Tung Qua Lin	H. Phong Thổ	22° 41' 25"	103° 22' 10"							F-48-27-D
suối Hủy Hao	TV	xã Tung Qua Lin	H. Phong Thổ			22° 41' 07"	103° 24' 02"	22° 39' 57"	103° 23' 34"			F-48-27-D
bản Khẩu Đào	DC	xã Tung Qua Lin	H. Phong Thổ	22° 41' 22"	103° 22' 27"							F-48-27-D
núi Ma Căng	SV	xã Tung Qua Lin	H. Phong Thổ	22° 40' 54"	103° 22' 42"							F-48-27-D
suối Panh Hồ	TV	xã Tung Qua Lin	H. Phong Thổ			22° 41' 59"	103° 23' 29"	22° 42' 38"	103° 21' 22"			F-48-27-D
bản Khoa San	DC	xã Vàng Ma Chải	H. Phong Thổ	22° 41' 49"	103° 18' 16"							F-48-27-D
suối Lũng Thàn	TV	xã Vàng Ma Chải	H. Phong Thổ			22° 40' 40"	103° 17' 58"	22° 40' 52"	103° 16' 35"			F-48-27-D
bản Nhóm I	DC	xã Vàng Ma Chải	H. Phong Thổ	22° 42' 57"	103° 20' 16"							F-48-27-D
bản Nhóm II	DC	xã Vàng Ma Chải	H. Phong Thổ	22° 42' 48"	103° 19' 28"							F-48-27-D
bản Nhóm III	DC	xã Vàng Ma Chải	H. Phong Thổ	22° 42' 43"	103° 19' 46"							F-48-27-D
suối Sèo Hồ Thầu	TV	xã Vàng Ma Chải	H. Phong Thổ			22° 42' 31"	103° 17' 09"	22° 40' 52"	103° 16' 35"			F-48-27-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)							
bản Sĩ Choang	DC	xã Vàng Ma Chải	H. Phong Thổ	22° 42' 13"	103° 19' 08"					F-48-27-D		
bản Tá Chu Phụng	DC	xã Vàng Ma Chải	H. Phong Thổ	22° 41' 33"	103° 18' 09"					F-48-27-D		
bản Tá Ô	DC	xã Vàng Ma Chải	H. Phong Thổ	22° 41' 47"	103° 17' 46"					F-48-27-D		
suối Tá Páo Hồ	TV	xã Vàng Ma Chải	H. Phong Thổ			22° 44' 05"	103° 19' 34"	22° 42' 31"	103° 17' 09"	F-48-27-D		
suối Thên Thèo Hồ	TV	xã Vàng Ma Chải	H. Phong Thổ			22° 42' 25"	103° 21' 02"	22° 40' 40"	103° 17' 58"	F-48-27-D		
khu 1	DC	TT. Sin Hồ	H. Sin Hồ	22° 20' 59"	103° 14' 57"					F-48-39-B		
khu 2	DC	TT. Sin Hồ	H. Sin Hồ	22° 21' 23"	103° 14' 46"					F-48-39-A		
khu 3	DC	TT. Sin Hồ	H. Sin Hồ	22° 21' 33"	103° 14' 58"					F-48-39-A		
khối 4	DC	TT. Sin Hồ	H. Sin Hồ	22° 21' 32"	103° 14' 42"					F-48-39-A		
khu 5	DC	TT. Sin Hồ	H. Sin Hồ	22° 21' 41"	103° 14' 50"					F-48-39-A		
khu 6	DC	TT. Sin Hồ	H. Sin Hồ	22° 21' 43"	103° 14' 59"					F-48-39-A		
bản Hoàng Hồ	DC	TT. Sin Hồ	H. Sin Hồ	22° 21' 33"	103° 15' 24"					F-48-39-B		
suối Hoàng Hồ	TV	TT. Sin Hồ	H. Sin Hồ			22° 20' 08"	103° 14' 34"	22° 21' 59"	103° 15' 21"	F-48-39-A, F-48-39-B		
suối Hồng Hồ	TV	TT. Sin Hồ	H. Sin Hồ			22° 20' 56"	103° 14' 19"	22° 21' 30"	103° 15' 13"	F-48-39-A, F-48-39-B		
suối Sin Hồ	TV	TT. Sin Hồ	H. Sin Hồ			22° 21' 24"	103° 14' 13"	22° 22' 15"	103° 14' 51"	F-48-39-A		
bản Sin Hồ Dao	DC	TT. Sin Hồ	H. Sin Hồ	22° 21' 30"	103° 14' 48"					F-48-39-A		
bản Sin Hồ Vây	DC	TT. Sin Hồ	H. Sin Hồ	22° 21' 57"	103° 14' 44"					F-48-39-A		
bản Cấn Co	DC	xã Cấn Co	H. Sin Hồ	22° 09' 16"	103° 27' 36"					F-48-39-D		
suối Cấn Co	TV	xã Cấn Co	H. Sin Hồ			22° 09' 44"	103° 28' 52"	22° 10' 26"	103° 26' 49"	F-48-39-D		
suối Cuối	TV	xã Cấn Co	H. Sin Hồ			22° 07' 34"	103° 27' 37"	22° 11' 59"	103° 25' 24"	F-48-39-D		
sông Đà	TV	xã Cấn Co	H. Sin Hồ			22° 07' 34"	103° 24' 14"	22° 05' 30"	103° 24' 46"	F-48-39-D		
bản Là Cuối	DC	xã Cấn Co	H. Sin Hồ	22° 12' 26"	103° 26' 22"					F-48-39-D		
bản Lao Hu San	DC	xã Cấn Co	H. Sin Hồ	22° 10' 06"	103° 25' 05"					F-48-39-D		
bản Nậm Bành	DC	xã Cấn Co	H. Sin Hồ	22° 12' 27"	103° 25' 40"					F-48-39-D		
bản Nậm Kinh	DC	xã Cấn Co	H. Sin Hồ	22° 06' 54"	103° 26' 14"					F-48-39-D		
suối Nậm Kinh	TV	xã Cấn Co	H. Sin Hồ			22° 06' 52"	103° 26' 18"	22° 07' 04"	103° 27' 18"	F-48-39-D		
bản Nậm Ngã	DC	xã Cấn Co	H. Sin Hồ	22° 08' 39"	103° 27' 13"					F-48-39-D		
suối Nậm Ngã	TV	xã Cấn Co	H. Sin Hồ			22° 08' 29"	103° 28' 53"	22° 08' 37"	103° 27' 16"	F-48-39-D		
bản Nậm Phìn 1	DC	xã Cấn Co	H. Sin Hồ	22° 08' 22"	103° 25' 00"					F-48-39-D		
bản Nậm Phìn 2	DC	xã Cấn Co	H. Sin Hồ	22° 08' 47"	103° 24' 57"					F-48-39-D		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)							
suối Nậm Pung	TV	xã Cấn Co	H. Sin Hồ					22° 09' 04"	103° 26' 23"	22° 11' 05"	103° 25' 19"	F-48-39-D
suối Nậm Suôn	TV	xã Cấn Co	H. Sin Hồ									
bản Ngại Thầu	DC	xã Cấn Co	H. Sin Hồ									
quốc lộ 12	KX	xã Chấn Nưa	H. Sin Hồ			22° 09' 20"	103° 26' 18"			22° 07' 34"	103° 27' 37"	F-48-39-D
bản Cại	DC	xã Chấn Nưa	H. Sin Hồ									
nậm Cây	TV	xã Chấn Nưa	H. Sin Hồ									
bản Chiềng Chấn	DC	xã Chấn Nưa	H. Sin Hồ	22° 10' 57"	103° 10' 26"							F-48-39-C
bản Chiềng Nưa	DC	xã Chấn Nưa	H. Sin Hồ	22° 10' 25"	103° 10' 03"							F-48-39-C
sông Đà	TV	xã Chấn Nưa	H. Sin Hồ					22° 04' 14"	103° 11' 20"	22° 03' 42"	103° 13' 34"	F-48-39-C
ghềnh Hát Pí	TV	xã Chấn Nưa	H. Sin Hồ	22° 11' 28"	103° 09' 17"							F-48-39-C
suối Huổi Ên	TV	xã Chấn Nưa	H. Sin Hồ					22° 06' 32"	103° 11' 46"	22° 06' 45"	103° 10' 28"	F-48-39-C
bản Nậm Cầy	DC	xã Chấn Nưa	H. Sin Hồ	22° 13' 03"	103° 10' 04"							F-48-39-C
suối Nậm Khăm	TV	xã Chấn Nưa	H. Sin Hồ					22° 10' 24"	103° 08' 46"	22° 10' 48"	103° 09' 19"	F-48-39-C
cầu Nậm Mỏ	KX	xã Chấn Nưa	H. Sin Hồ	22° 10' 55"	103° 10' 31"							F-48-39-C
suối Nậm Mỏ	TV	xã Chấn Nưa	H. Sin Hồ					22° 11' 38"	103° 12' 03"	22° 10' 31"	103° 10' 28"	F-48-39-C
sông Nậm Na	TV	xã Chấn Nưa	H. Sin Hồ					22° 18' 23"	103° 09' 51"	22° 06' 47"	103° 10' 24"	F-48-39-A F-48-39-C
bản Nậm Vời	DC	xã Chấn Nưa	H. Sin Hồ	22° 14' 34"	103° 06' 48"							F-48-39-C
bản Pẻ Ngại	DC	xã Chấn Nưa	H. Sin Hồ	22° 15' 22"	103° 08' 59"							F-48-39-A
bản Phi Ên	DC	xã Chấn Nưa	H. Sin Hồ	22° 05' 59"	103° 11' 47"							F-48-39-C
núi Phu San Sao	SV	xã Chấn Nưa	H. Sin Hồ	22° 07' 49"	103° 13' 55"							F-48-39-C
bản Pu Kay	DC	xã Chấn Nưa	H. Sin Hồ	22° 13' 50"	103° 08' 16"							F-48-39-C
núi Pu Kay	SV	xã Chấn Nưa	H. Sin Hồ	22° 13' 06"	103° 08' 04"							F-48-39-C
núi Pu Pầu	SV	xã Chấn Nưa	H. Sin Hồ	22° 12' 11"	103° 09' 35"							F-48-39-C
núi Pu Tre	SV	xã Chấn Nưa	H. Sin Hồ	22° 11' 32"	103° 09' 42"							F-48-39-C
nậm Ta Na	TV	xã Chấn Nưa	H. Sin Hồ									
bản Tân Hưng	DC	xã Chấn Nưa	H. Sin Hồ									
huổi Vai	TV	xã Chấn Nưa	H. Sin Hồ									
quốc lộ 12	KX	xã Hồng Thu	H. Sin Hồ					22° 25' 49"	103° 11' 31"	22° 22' 28"	103° 10' 37"	F-48-39-A
bản Hồng Thu	DC	xã Hồng Thu	H. Sin Hồ	22° 25' 16"	103° 13' 20"							F-48-39-A
bản Hồng Thu Chỗ 1	DC	xã Hồng Thu	H. Sin Hồ	22° 26' 08"	103° 13' 00"							F-48-39-A
bản Hồng Thu Chỗ 2	DC	xã Hồng Thu	H. Sin Hồ	22° 25' 55"	103° 12' 40"							F-48-39-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Kinh độ (độ, phút, giây)		Vĩ độ (độ, phút, giây)		Kinh độ (độ, phút, giây)		Vĩ độ (độ, phút, giây)		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Làng Xăng	DC	xã Hồng Thu	H. Sin Hồ	22° 23' 27"	103° 13' 46"							F-48-39-A
bản Lò Tỏ Phìn	DC	xã Hồng Thu	H. Sin Hồ	22° 24' 11	103° 15' 10"							F-48-39-B
suối Mầu Leng	TV	xã Hồng Thu	H. Sin Hồ			22° 22' 09"	103° 11' 29"	22° 22' 29"	103° 10' 26"			F-48-39-A
bản Nả Ké 1	DC	xã Hồng Thu	H. Sin Hồ	22° 25' 40"	103° 15' 11"							F-48-39-B
bản Nả Ké 2	DC	xã Hồng Thu	H. Sin Hồ	22° 25' 20"	103° 15' 10"							F-48-39-B
bản Nả Ké 3	DC	xã Hồng Thu	H. Sin Hồ	22° 26' 08"	103° 14' 58"							F-48-39-A
suối Nậm Củng	TV	xã Hồng Thu	H. Sin Hồ			22° 26' 16"	103° 15' 51"	22° 24' 48"	103° 16' 38"			F-48-39-B
bản Pa Chao Ở	DC	xã Hồng Thu	H. Sin Hồ	22° 22' 46"	103° 13' 05"							F-48-39-A
bản Pẻ Cờ	DC	xã Hồng Thu	H. Sin Hồ	22° 25' 15"	103° 16' 10"							F-48-39-B
bản Phìn Than	DC	xã Hồng Thu	H. Sin Hồ	22° 26' 14"	103° 14' 05"							F-48-39-A
bản Phong Ngáo	DC	xã Hồng Thu	H. Sin Hồ	22° 24' 05"	103° 13' 39"							F-48-39-A
bản Sa Chải	DC	xã Hồng Thu	H. Sin Hồ	22° 24' 20"	103° 16' 40"							F-48-39-B
bản Sin Chải	DC	xã Hồng Thu	H. Sin Hồ	22° 23' 05"	103° 13' 39"							F-48-39-A
bản Tả Thàng	DC	xã Hồng Thu	H. Sin Hồ	22° 24' 39"	103° 13' 48"							F-48-39-A
bản Tung Xung A	DC	xã Hồng Thu	H. Sin Hồ	22° 25' 05"	103° 14' 59"							F-48-39-B
nậm Cầu	TV	xã Làng Mỏ	H. Sin Hồ			22° 13' 39"	103° 19' 02"	22° 12' 20"	103° 20' 09"			F-48-39-D
bản Cha Pa Phòng	DC	xã Làng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 14' 46"	103° 14' 42"							F-48-39-C
bản Chính Chu Phìn	DC	xã Làng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 11' 07"	103° 17' 33"							F-48-39-D
pu Chủ Phìn	SV	xã Làng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 11' 13"	103° 17' 13"							F-48-39-D
bản Dìn Thàng	DC	xã Làng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 14' 19"	103° 18' 43"							F-48-39-D
núi Hối Ván La	SV	xã Làng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 13' 33"	103° 12' 10"							F-48-39-C
nậm Hy	TV	xã Làng Mỏ	H. Sin Hồ			22° 10' 47"	103° 14' 29"	22° 10' 26"	103° 12' 42"			F-48-39-C
nậm In	TV	xã Làng Mỏ	H. Sin Hồ			22° 12' 38"	103° 14' 45"	22° 11' 38"	103° 12' 03"			F-48-39-C
bản Làng Mỏ	DC	xã Làng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 13' 42"	103° 14' 14"							F-48-39-A
đèo Làng Mỏ	SV	xã Làng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 15' 18"	103° 14' 15"							F-48-39-D
bản Lù Suối Tổng	DC	xã Làng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 12' 01"	103° 16' 03"							F-48-39-D
bản Nậm Chấn	DC	xã Làng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 14' 26"	103° 18' 11"							F-48-39-D
suối Nậm Cỏi	TV	xã Làng Mỏ	H. Sin Hồ			22° 14' 50"	103° 14' 02"	22° 13' 36"	103° 10' 30"			F-48-39-C
suối Nậm Dón	TV	xã Làng Mỏ	H. Sin Hồ			22° 11' 25"	103° 18' 55"	22° 10' 52"	103° 20' 06"			F-48-39-D
suối Nậm Ta Na	TV	xã Làng Mỏ	H. Sin Hồ			22° 13' 43"	103° 13' 43"	22° 12' 45"	103° 11' 26"			F-48-39-C
nậm Nguyên	TV	xã Làng Mỏ	H. Sin Hồ			22° 15' 23"	103° 17' 59"	22° 14' 43"	103° 20' 01"			F-48-39-B, F-48-39-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Nhiều Sáng 1	DC	xã Lăng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 13' 19"	103° 15' 12"							F-48-39-D
bản Nhiều Sáng 2	DC	xã Lăng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 12' 48"	103° 15' 13"							F-48-39-D
bản Pẻ Si Ngai	DC	xã Lăng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 13' 47"	103° 15' 57"							F-48-39-D
nậm Sam	TV	xã Lăng Mỏ	H. Sin Hồ			22° 12' 39"	103° 16' 22"	22° 13' 02"	103° 17' 04"			F-48-39-D
bản Sang Sóng Hồ	DC	xã Lăng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 12' 22"	103° 15' 26"							F-48-39-D
bản Tả San 1	DC	xã Lăng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 13' 28"	103° 16' 43"							F-48-39-D
bản Tả San 2	DC	xã Lăng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 13' 58"	103° 18' 20"							F-48-39-D
bản Tô Cù Nhè	DC	xã Lăng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 14' 15"	103° 13' 55"							F-48-39-C
bản Tù Cù Phìn	DC	xã Lăng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 11' 06"	103° 15' 30"							F-48-39-D
bản Can Hồ	DC	xã Lăng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 21' 17"	103° 19' 45"							F-48-39-B
suối Chi Van	TV	xã Lăng Mỏ	H. Sin Hồ			22° 20' 23"	103° 17' 33"	22° 21' 31"	103° 19' 05"			F-48-39-B
bản Co Coóc	DC	xã Lăng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 19' 49"	103° 21' 13"			22° 21' 05"	103° 21' 08"			F-48-39-B
nậm Cù	TV	xã Lăng Mỏ	H. Sin Hồ			22° 23' 10"	103° 22' 07"					F-48-39-B
núi Gió Ma Hồ	SV	xã Lăng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 18' 16"	103° 19' 59"							F-48-39-B
bản Háng Lía	DC	xã Lăng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 17' 44"	103° 18' 44"							F-48-39-B
nậm Lúc	TV	xã Lăng Mỏ	H. Sin Hồ			22° 21' 58"	103° 18' 21"	22° 19' 08"	103° 21' 39"			F-48-39-B
bản Lùng Cù	DC	xã Lăng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 21' 23"	103° 21' 13"							F-48-39-B
bản Lùng Thắng	DC	xã Lăng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 21' 29"	103° 19' 03"							F-48-39-B
bản Nậm Bó	DC	xã Lăng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 19' 20"	103° 19' 38"							F-48-39-B
suối Nậm Bó	TV	xã Lăng Mỏ	H. Sin Hồ			22° 19' 01"	103° 18' 27"	22° 20' 28"	103° 20' 29"			F-48-39-B
suối Nậm Ho	TV	xã Lăng Mỏ	H. Sin Hồ			22° 22' 01"	103° 22' 35"	22° 21' 24"	103° 21' 20"			F-48-39-B
suối Nậm Mạ	TV	xã Lăng Mỏ	H. Sin Hồ			22° 25' 42"	103° 18' 26"	22° 19' 08"	103° 21' 39"			F-48-39-B
bản Pá Pao	DC	xã Lăng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 20' 30"	103° 19' 14"							F-48-39-B
núi Pá Pao	SV	xã Lăng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 20' 03"	103° 18' 40"							F-48-39-B
núi Sai	SV	xã Lăng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 19' 44"	103° 19' 02"							F-48-39-B
núi Seo Thèn	SV	xã Lăng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 19' 47"	103° 19' 53"							F-48-39-B
bản Thà Giảng Chải	DC	xã Lăng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 18' 55"	103° 17' 44"							F-48-39-B
bản Vàng Bon	DC	xã Lăng Mỏ	H. Sin Hồ	22° 20' 21"	103° 20' 47"							F-48-39-B
bản Can Tỷ 1	DC	xã Ma Quai	H. Sin Hồ	22° 26' 01"	103° 19' 40"							F-48-39-B
bản Can Tỷ 2	DC	xã Ma Quai	H. Sin Hồ	22° 26' 38"	103° 20' 58"							F-48-39-B
núi Công Lầu Sần	SV	xã Ma Quai	H. Sin Hồ	22° 25' 19"	103° 17' 38"							F-48-39-B
bản Đin Đanh	DC	xã Ma Quai	H. Sin Hồ	22° 23' 22"	103° 19' 43"							F-48-39-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)							
suối Hoàng Hồ	TV	xã Ma Quai	H. Sin Hồ			22° 24' 22"	103° 20' 30"	22° 23' 44"	103° 19' 02"	F-48-39-B		
suối Khù Khò	TV	xã Ma Quai	H. Sin Hồ			22° 24' 42"	103° 19' 55"	22° 23' 54"	103° 18' 57"	F-48-39-B		
bản Ma Quai Thàng	DC	xã Ma Quai	H. Sin Hồ							F-48-39-B		
suối Nậm Cứng	TV	xã Ma Quai	H. Sin Hồ	22° 23' 52"	103° 17' 38"					F-48-39-B		
nậm Nậm Khăm	TV	xã Ma Quai	H. Sin Hồ			22° 25' 44"	103° 19' 10"	22° 25' 08"	103° 18' 26"	F-48-39-B		
bản Nậm Mạ Thái	DC	xã Ma Quai	H. Sin Hồ	22° 24' 29"	103° 18' 57"					F-48-39-B		
bản Phin Hồ	DC	xã Ma Quai	H. Sin Hồ	22° 23' 57"	103° 18' 48"					F-48-39-B		
bản Song Cón	DC	xã Ma Quai	H. Sin Hồ	22° 22' 34"	103° 20' 24"					F-48-39-B		
núi Tả Cao	SV	xã Ma Quai	H. Sin Hồ	22° 23' 53"	103° 22' 18"					F-48-39-B		
bản Thang Kỳ Hồ	DC	xã Ma Quai	H. Sin Hồ	22° 24' 43"	103° 16' 59"					F-48-39-B		
suối Thang Kỳ Hồ	TV	xã Ma Quai	H. Sin Hồ			22° 24' 59"	103° 17' 10"	22° 22' 27"	103° 18' 22"	F-48-39-B		
suối Bá Trắng	TV	xã Nậm Cha	H. Sin Hồ			22° 12' 44"	103° 22' 26"	22° 10' 59"	103° 22' 07"	F-48-39-D		
núi Đá Đỏ	SV	xã Nậm Cha	H. Sin Hồ	22° 11' 49"	103° 21' 04"					F-48-39-D		
bản Lũng Khoai	DC	xã Nậm Cha	H. Sin Hồ	22° 11' 17"	103° 22' 17"					F-48-39-D		
nậm Mạ	TV	xã Nậm Cha	H. Sin Hồ			22° 14' 09"	103° 22' 10"	22° 14' 53"	103° 23' 28"	F-48-39-D		
bản Nậm Cha	DC	xã Nậm Cha	H. Sin Hồ	22° 12' 09"	103° 24' 56"					F-48-39-D		
suối Nậm Cha	TV	xã Nậm Cha	H. Sin Hồ			22° 13' 05"	103° 22' 48"	22° 11' 57"	103° 25' 19"	F-48-39-D		
suối Nậm Chu	TV	xã Nậm Cha	H. Sin Hồ			22° 15' 39"	103° 22' 14"	22° 14' 53"	103° 23' 28"	F-48-39-B, F-48-39-D		
suối Nậm Khăm	TV	xã Nậm Cha	H. Sin Hồ			22° 14' 43"	103° 20' 05"	22° 11' 30"	103° 20' 40"	F-48-39-D		
suối Nậm Mạ	TV	xã Nậm Cha	H. Sin Hồ			22° 15' 23"	103° 24' 37"	22° 10' 39"	103° 23' 19"	F-48-39-B, F-48-39-D		
bản Nậm Ngập Đạo	DC	xã Nậm Cha	H. Sin Hồ	22° 14' 09"	103° 23' 42"					F-48-39-D		
bản Nậm Pẻ	DC	xã Nậm Cha	H. Sin Hồ	22° 13' 09"	103° 20' 37"					F-48-39-D		
pu Nam Tông	SV	xã Nậm Cha	H. Sin Hồ	22° 14' 01"	103° 21' 40"					F-48-39-D		
bản Nậm Trắng	DC	xã Nậm Cha	H. Sin Hồ	22° 12' 55"	103° 22' 30"					F-48-39-D		
bản Ngải Trỏ	DC	xã Nậm Cha	H. Sin Hồ	22° 11' 20"	103° 21' 44"					F-48-39-D		
bản Riêng Thàng	DC	xã Nậm Cha	H. Sin Hồ	22° 11' 00"	103° 24' 06"					F-48-39-D		
bản Seo Phin	DC	xã Nậm Cha	H. Sin Hồ	22° 14' 52"	103° 21' 36"					F-48-39-D		
huổi Chạng	TV	xã Nậm Cuối	H. Sin Hồ			22° 10' 30"	103° 31' 04"	22° 10' 24"	103° 30' 12"	F-48-40-C		
hwa Cọ	TV	xã Nậm Cuối	H. Sin Hồ			22° 07' 53"	103° 31' 46"	22° 06' 35"	103° 29' 22"	F-48-40-C, F-48-39-D		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
nậm Cuối	TV	xã Nậm Cuối	H. Sin Hồ			22° 09' 39"	103° 33' 27"	22° 07' 53"	103° 31' 46"	F-48-40-C		
suối Cuối	TV	xã Nậm Cuối	H. Sin Hồ			22° 04' 13"	103° 31' 29"	22° 07' 34"	103° 27' 37"	F-48-40-C, F-48-39-D		
bản Cuối Nưa	DC	xã Nậm Cuối	H. Sin Hồ	22° 06' 44"	103° 29' 22"					F-48-39-D		
bản Cuối Tở 1	DC	xã Nậm Cuối	H. Sin Hồ	22° 06' 59"	103° 29' 00"					F-48-39-D		
bản Cuối Tở 2	DC	xã Nậm Cuối	H. Sin Hồ	22° 07' 07"	103° 29' 31"					F-48-39-D		
nậm Đo	TV	xã Nậm Cuối	H. Sin Hồ			22° 04' 59"	103° 31' 46"	22° 06' 10"	103° 29' 57"	F-48-40-C, F-48-39-D		
bản Hua Cuối	DC	xã Nậm Cuối	H. Sin Hồ	22° 07' 43"	103° 31' 01"					F-48-40-C		
nậm Nà	TV	xã Nậm Cuối	H. Sin Hồ			22° 08' 21"	103° 30' 59"	22° 08' 29"	103° 28' 53"	F-48-40-C, F-48-39-D		
bản Nà Lạnh	DC	xã Nậm Cuối	H. Sin Hồ	22° 06' 40"	103° 29' 40"					F-48-39-D		
núi Nậm Cai	SV	xã Nậm Cuối	H. Sin Hồ	22° 06' 02"	103° 28' 46"					F-48-39-D		
bản Nậm Cọ	DC	xã Nậm Cuối	H. Sin Hồ	22° 08' 56"	103° 32' 13"					F-48-40-C		
bản Nậm Coóng 1	DC	xã Nậm Cuối	H. Sin Hồ	22° 09' 32"	103° 30' 49"					F-48-40-C		
bản Nậm Coóng 2	DC	xã Nậm Cuối	H. Sin Hồ	22° 09' 29"	103° 31' 03"					F-48-40-C		
bản Phiêng Phai	DC	xã Nậm Cuối	H. Sin Hồ	22° 06' 37"	103° 29' 15"					F-48-39-D		
bản Can Ma	DC	xã Nậm Hăn	H. Sin Hồ	22° 03' 41"	103° 30' 10"					F-48-40-C		
nậm Chất	TV	xã Nậm Hăn	H. Sin Hồ			22° 01' 47"	103° 31' 08"	22° 01' 34"	103° 28' 02"	F-48-40-C, F-48-39-D		
bản Co Săn	DC	xã Nậm Hăn	H. Sin Hồ	22° 03' 24"	103° 28' 40"					F-48-39-D		
sông Đà	TV	xã Nậm Hăn	H. Sin Hồ			22° 05' 30"	103° 24' 46"	21° 58' 14"	103° 29' 42"	F-48-39-D, F-48-51-B		
bản Đo Luông	DC	xã Nậm Hăn	H. Sin Hồ	22° 04' 48"	103° 29' 12"					F-48-39-D		
bản Đo Nội	DC	xã Nậm Hăn	H. Sin Hồ	22° 04' 57"	103° 28' 42"					F-48-39-D		
bản Hua Pha	DC	xã Nậm Hăn	H. Sin Hồ	22° 04' 01"	103° 27' 52"					F-48-39-D		
bản Huổi Lá	DC	xã Nậm Hăn	H. Sin Hồ	21° 58' 52"	103° 28' 42"					F-48-51-B		
suối Huổi Pha	TV	xã Nậm Hăn	H. Sin Hồ			21° 59' 20"	103° 29' 41"	21° 58' 17"	103° 29' 43"	F-48-51-B		
bản Huổi Pha I	DC	xã Nậm Hăn	H. Sin Hồ	21° 58' 38"	103° 29' 42"					F-48-51-B		
bản Nậm Chất Đạo	DC	xã Nậm Hăn	H. Sin Hồ	22° 01' 03"	103° 28' 11"					F-48-39-D		
bản Nậm Chất Thái	DC	xã Nậm Hăn	H. Sin Hồ	22° 01' 07"	103° 28' 54"					F-48-39-D		
suối Nậm Đo	TV	xã Nậm Hăn	H. Sin Hồ			22° 04' 49"	103° 29' 16"	22° 05' 40"	103° 27' 19"	F-48-39-D		

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Nậm Hăn	TV	xã Nậm Hăn	H. Sin Hồ			22° 02' 25"	103° 31' 54"	22° 02' 02"	103° 27' 55"	F-48-40-C, F-48-39-D
bản Nậm Kha	DC	xã Nậm Hăn	H. Sin Hồ	22° 05' 00"	103° 26' 15"					F-48-39-D
bản Nậm Lót	DC	xã Nậm Hăn	H. Sin Hồ	22° 05' 24"	103° 25' 47"					F-48-39-D
bản Pá Hăn I	DC	xã Nậm Hăn	H. Sin Hồ	22° 02' 14"	103° 28' 11"					F-48-39-D
bản Pá Pha	DC	xã Nậm Hăn	H. Sin Hồ	22° 03' 01"	103° 27' 30"					F-48-39-D
suối Pá Pha	TV	xã Nậm Hăn	H. Sin Hồ			22° 04' 29"	103° 27' 48"	22° 03' 00"	103° 27' 24"	F-48-39-D
bản Co Đớ	DC	xã Nậm Mạ	H. Sin Hồ	22° 09' 36"	103° 23' 20"					F-48-39-D
bản Co Lẹ	DC	xã Nậm Mạ	H. Sin Hồ	22° 08' 46"	103° 23' 55"					F-48-39-D
sông Đà	TV	xã Nậm Mạ	H. Sin Hồ			22° 09' 15"	103° 19' 50"	22° 07' 34"	103° 24' 14"	F-48-39-D
bản Huổi Ca	DC	xã Nậm Mạ	H. Sin Hồ	22° 09' 27"	103° 23' 55"					F-48-39-D
suối Nậm Khăn	TV	xã Nậm Mạ	H. Sin Hồ			22° 11' 30"	103° 20' 40"	22° 09' 19"	103° 19' 52"	F-48-39-D
bản Nậm Mạ	DC	xã Nậm Mạ	H. Sin Hồ	22° 09' 50"	103° 23' 17"			22° 09' 24"	103° 23' 24"	F-48-39-D
suối Nậm Săm	TV	xã Nậm Mạ	H. Sin Hồ	22° 16' 49"	103° 23' 18"			22° 17' 21"	103° 23' 23"	F-48-39-B
bản Bản Pậu	DC	xã Nậm Tăm	H. Sin Hồ			22° 19' 54"	103° 24' 51"			F-48-39-B
nậm Kinh	TV	xã Nậm Tăm	H. Sin Hồ	22° 17' 50"	103° 24' 15"					F-48-39-B
bản Nà Tăm 1	DC	xã Nậm Tăm	H. Sin Hồ	22° 16' 26"	103° 24' 54"					F-48-39-B
bản Nà Tăm 2	DC	xã Nậm Tăm	H. Sin Hồ	22° 19' 18"	103° 27' 49"					F-48-39-B
bản Nà Tăm 3	DC	xã Nậm Tăm	H. Sin Hồ	22° 18' 02"	103° 23' 59"					F-48-39-B
bản Nậm Kinh	SV	xã Nậm Tăm	H. Sin Hồ	22° 19' 14"	103° 25' 54"					F-48-39-B
núi Nậm Kinh	DC	xã Nậm Tăm	H. Sin Hồ	22° 18' 37"	103° 21' 22"	22° 19' 08"	103° 21' 39"	22° 15' 11"	103° 24' 34"	F-48-39-B
bản Nậm Lò	TV	xã Nậm Tăm	H. Sin Hồ							F-48-39-B
suối Nậm Mạ	DC	xã Nậm Tăm	H. Sin Hồ	22° 15' 51"	103° 23' 03"	22° 20' 10"	103° 23' 27"	22° 18' 19"	103° 21' 55"	F-48-39-B
bản Nậm Nghập	TV	xã Nậm Tăm	H. Sin Hồ			22° 17' 39"	103° 26' 20"	22° 15' 50"	103° 24' 18"	F-48-39-B
suối Nậm Ớt	TV	xã Nậm Tăm	H. Sin Hồ			22° 14' 53"	103° 23' 28"	22° 15' 07"	103° 24' 35"	F-48-39-D
suối Nậm Tăm	TV	xã Nậm Tăm	H. Sin Hồ							F-48-39-B
nậm Ngập	DC	xã Nậm Tăm	H. Sin Hồ	22° 18' 01"	103° 23' 08"					F-48-39-B
bản Pá Khôm 1	DC	xã Nậm Tăm	H. Sin Hồ	22° 18' 07"	103° 23' 20"					F-48-39-B
bản Pá Khôm 2	TV	xã Nậm Tăm	H. Sin Hồ			22° 16' 50"	103° 22' 48"	22° 17' 04"	103° 23' 35"	F-48-39-B
nậm Pậu	SV	xã Nậm Tăm	H. Sin Hồ	22° 16' 15"	103° 22' 19"					F-48-39-B
núi Pha Bò	SV	xã Nậm Tăm	H. Sin Hồ	22° 15' 47"	103° 21' 11"					F-48-39-B
núi Pha Nam Đàn		xã Nậm Tăm	H. Sin Hồ							

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Phiêng Chá	DC	xã Nậm Tâm	H. Sin Hồ	22° 17' 53"	103° 24' 01"							F-48-39-B
	DC	xã Nậm Tâm	H. Sin Hồ	22° 17' 43"	103° 23' 51"							F-48-39-B
bản Tả Tú 1	DC	xã Nậm Tâm	H. Sin Hồ	22° 18' 59"	103° 22' 01"							F-48-39-B
	DC	xã Nậm Tâm	H. Sin Hồ	22° 18' 54"	103° 21' 40"							F-48-39-B
nậm Tham	TV	xã Nậm Tâm	H. Sin Hồ			22° 18' 32"	103° 28' 43"	22° 17' 39"	103° 26' 20"			F-48-39-B
	DC	xã Noong Hẻo	H. Sin Hồ	22° 12' 08"	103° 27' 59"							F-48-39-D
bản Nà Đóm	DC	xã Noong Hẻo	H. Sin Hồ	22° 11' 08"	103° 28' 39"							F-48-39-D
	TV	xã Noong Hẻo	H. Sin Hồ			22° 12' 02"	103° 28' 03"	22° 13' 07"	103° 27' 04"			F-48-39-D
suối Nậm Cống	TV	xã Noong Hẻo	H. Sin Hồ			22° 10' 05"	103° 29' 52"	22° 12' 02"	103° 28' 03"			F-48-39-D
	TV	xã Noong Hẻo	H. Sin Hồ			22° 12' 32"	103° 29' 59"	22° 12' 02"	103° 28' 03"			F-48-39-D
suối Nậm Đầu	DC	xã Noong Hẻo	H. Sin Hồ	22° 11' 22"	103° 28' 54"							F-48-39-D
	TV	xã Noong Hẻo	H. Sin Hồ			22° 11' 56"	103° 31' 04"	22° 11' 19"	103° 28' 16"			F-48-40-C, F-48-39-D
bản Nậm Há	DC	xã Noong Hẻo	H. Sin Hồ	22° 12' 32"	103° 28' 26"							F-48-39-D
	DC	xã Noong Hẻo	H. Sin Hồ	22° 13' 02"	103° 27' 43"							F-48-39-D
bản Pẩn Ngòi	DC	xã Noong Hẻo	H. Sin Hồ	22° 11' 58"	103° 28' 10"							F-48-39-D
	DC	xã Noong Hẻo	H. Sin Hồ	22° 10' 52"	103° 29' 23"							F-48-39-D
bản Phiêng Chạng	TV	xã Noong Hẻo	H. Sin Hồ			22° 10' 24"	103° 30' 12"	22° 10' 21"	103° 29' 24"			F-48-40-C, F-48-39-D
	DC	xã Noong Hẻo	H. Sin Hồ	22° 12' 48"	103° 25' 22"							F-48-39-D
bản Phiêng Ến	TV	xã Noong Hẻo	H. Sin Hồ			22° 13' 05"	103° 28' 57"	22° 13' 01"	103° 27' 13"			F-48-39-D
	DC	xã Noong Hẻo	H. Sin Hồ	22° 12' 40"	103° 27' 49"							F-48-39-D
bản Ta Đanh	DC	xã Noong Hẻo	H. Sin Hồ	22° 12' 40"	103° 28' 58"							F-48-39-D
	DC	xã Noong Hẻo	H. Sin Hồ	22° 11' 30"	103° 28' 12"							F-48-39-D
bản Ta Pả	DC	xã Noong Hẻo	H. Sin Hồ	22° 12' 51"	103° 27' 50"							F-48-39-D
	DC	xã Noong Hẻo	H. Sin Hồ	22° 13' 25"	103° 25' 16"							F-48-39-D
bản Hồng Quảng 1	DC	xã Pa Khóa	H. Sin Hồ	22° 14' 56"	103° 24' 53"							F-48-39-D
	DC	xã Pa Khóa	H. Sin Hồ	22° 15' 53"	103° 24' 53"							F-48-39-B
bản Hua Ná	TV	xã Pa Khóa	H. Sin Hồ			22° 15' 59"	103° 27' 46"	22° 15' 23"	103° 24' 37"			F-48-39-B
	DC	xã Pa Khóa	H. Sin Hồ	22° 13' 02"	103° 25' 53"							F-48-39-D
bản Phiêng Phai	KX	xã Pa Tân	H. Sin Hồ	22° 27' 59"	103° 11' 45"							F-48-39-A
	DC	xã Pa Tân	H. Sin Hồ	22° 26' 41"	103° 11' 32"							F-48-39-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nậm Le	TV	xã Pa Tàn	H. Sin Hồ			22° 30' 54"	103° 09' 21"	22° 29' 45"	103° 10' 15"	F-48-27-C, F-48-39-A
nậm Mạ	TV	xã Pa Tàn	H. Sin Hồ			22° 29' 46"	103° 11' 32"	22° 29' 08"	103° 11' 40"	F-48-39-A
bản Nậm Sào	DC	xã Pa Tàn	H. Sin Hồ	22° 26' 33"	103° 10' 27"					F-48-39-A
bản Nậm Tân Móng 1	DC	xã Pa Tàn	H. Sin Hồ	22° 30' 45"	103° 06' 31"					F-48-27-C
bản Nậm Tân Móng 2	DC	xã Pa Tàn	H. Sin Hồ	22° 30' 08"	103° 06' 42"					F-48-27-C
suối Nậm Tiến	TV	xã Pa Tàn	H. Sin Hồ			22° 27' 40"	103° 09' 10"	22° 29' 00"	103° 11' 39"	F-48-39-A
bản Nậm Tiến 1	DC	xã Pa Tàn	H. Sin Hồ	22° 27' 25"	103° 08' 24"					F-48-39-A
bản Nậm Tiến 2	DC	xã Pa Tàn	H. Sin Hồ	22° 29' 08"	103° 08' 27"					F-48-39-A
bản Pa Tàn 1	DC	xã Pa Tàn	H. Sin Hồ	22° 28' 06"	103° 11' 47"					F-48-39-A
bản Pa Tàn 2	DC	xã Pa Tàn	H. Sin Hồ	22° 27' 55"	103° 11' 40"					F-48-39-A
bản Pa Tàn 3	DC	xã Pa Tàn	H. Sin Hồ	22° 27' 47"	103° 11' 38"					F-48-39-A
bản Pho 1	DC	xã Pa Tàn	H. Sin Hồ	22° 28' 57"	103° 10' 50"					F-48-39-A
bản Pho 2	DC	xã Pa Tàn	H. Sin Hồ	22° 28' 32"	103° 10' 19"			22° 27' 23"	103° 11' 37"	F-48-39-A
nậm Tàn	TV	xã Pa Tàn	H. Sin Hồ							F-48-39-B
bản Nậm Lúc 1	DC	xã Phăng Xô Lin	H. Sin Hồ	22° 21' 21"	103° 17' 18"					F-48-39-B
bản Nậm Lúc 2	DC	xã Phăng Xô Lin	H. Sin Hồ	22° 21' 50"	103° 17' 17"					F-48-39-A
bản Phăng Xô Lin 1	DC	xã Phăng Xô Lin	H. Sin Hồ	22° 22' 31"	103° 14' 01"					F-48-39-A
bản Phăng Xô Lin 2	DC	xã Phăng Xô Lin	H. Sin Hồ	22° 22' 23"	103° 14' 06"					F-48-39-A
bản Sang Tăng Ngai 1	DC	xã Phăng Xô Lin	H. Sin Hồ	22° 23' 47"	103° 14' 41"					F-48-39-A
bản Sang Tăng Ngai 2	DC	xã Phăng Xô Lin	H. Sin Hồ	22° 23' 35"	103° 14' 36"					F-48-39-A
bản Tà Sử Trỏ	DC	xã Phăng Xô Lin	H. Sin Hồ	22° 22' 03"	103° 13' 58"					F-48-39-A
núi Tầm Trong	SV	xã Phăng Xô Lin	H. Sin Hồ	22° 23' 25"	103° 14' 50"					F-48-39-A
quốc lộ 12	KX	xã Phìn Hồ	H. Sin Hồ			22° 30' 10"	103° 15' 31"	22° 28' 24"	103° 12' 24"	F-48-27-D, F-48-27-C, F-48-39-A
bản Nậm Mạ Đạo	DC	xã Phìn Hồ	H. Sin Hồ	22° 26' 44"	103° 18' 40"					F-48-39-B
bản Ngải Chỏ	DC	xã Phìn Hồ	H. Sin Hồ	22° 29' 15"	103° 16' 32"					F-48-39-B
bản Pao Phang I	DC	xã Phìn Hồ	H. Sin Hồ	22° 28' 26"	103° 14' 43"					F-48-39-A
bản Pao Phang II	DC	xã Phìn Hồ	H. Sin Hồ	22° 29' 04"	103° 13' 53"					F-48-39-A
bản Phìn Hồ	DC	xã Phìn Hồ	H. Sin Hồ	22° 27' 34"	103° 14' 34"					F-48-39-A
bản Seo Lăng I	DC	xã Phìn Hồ	H. Sin Hồ	22° 27' 11"	103° 15' 47"					F-48-39-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Seo Làng II	DC	xã Phìn Hồ	H. Sin Hồ	22° 27' 25"	103° 15' 39"							F-48-39-B
núi Tả Cua Di	SV	xã Phìn Hồ	H. Sin Hồ	22° 28' 18"	103° 19' 06"							F-48-39-B
bản Tả Ghênh	DC	xã Phìn Hồ	H. Sin Hồ	22° 27' 08"	103° 17' 47"							F-48-39-B
bản Nà Phán	DC	xã Pu Sam Cáp	H. Sin Hồ	22° 14' 29'	103° 28' 58"							F-48-39-D
suối Nà Phán	TV	xã Pu Sam Cáp	H. Sin Hồ			22° 15' 02"	103° 29' 32"	22° 13' 36"	103° 27' 59"			F-48-39-B, F-48-39-D
suối Nậm Béo	TV	xã Pu Sam Cáp	H. Sin Hồ			22° 14' 02"	103° 32' 25"	22° 12' 48"	103° 29' 11"			F-48-40-C, F-48-39-D
suối Nậm Pun	TV	xã Pu Sam Cáp	H. Sin Hồ			22° 13' 36"	103° 27' 59"	22° 13' 39"	103° 27' 25"			F-48-39-D
nậm Cây	TV	xã Tả Ngáo	H. Sin Hồ			22° 18' 07"	103° 15' 24"	22° 13' 36"	103° 10' 30"			F-48-39-A, F-48-39-B, F-48-39-C
bản Hải Hồ	DC	xã Tả Ngáo	H. Sin Hồ	22° 17' 20"	103° 14' 41"							F-48-39-A
núi Hồng Ngài	SV	xã Tả Ngáo	H. Sin Hồ	22° 16' 09"	103° 20' 15"							F-48-39-B
bản Ka Sin Chải	DC	xã Tả Ngáo	H. Sin Hồ	22° 16' 34"	103° 17' 08"							F-48-39-B
nậm Khảm	TV	xã Tả Ngáo	H. Sin Hồ			22° 17' 15"	103° 17' 52"	22° 14' 43"	103° 20' 05"			F-48-39-B, F-48-39-D
bản Lào Lử Đê	DC	xã Tả Ngáo	H. Sin Hồ	22° 15' 34"	103° 18' 01"							F-48-39-B
bản Lòng Sừ Phìn	DC	xã Tả Ngáo	H. Sin Hồ	22° 17' 41"	103° 15' 19"							F-48-39-B
bản Nậm Khảm I	DC	xã Tả Ngáo	H. Sin Hồ	22° 16' 54"	103° 18' 36"							F-48-39-B
bản Sáng Tùng	DC	xã Tả Ngáo	H. Sin Hồ	22° 17' 24"	103° 17' 47"							F-48-39-B
bản Seo Sáng	DC	xã Tả Ngáo	H. Sin Hồ	22° 16' 08"	103° 15' 29"							F-48-39-B
bản Thàng Giàng Chải	DC	xã Tả Ngáo	H. Sin Hồ	22° 16' 08"	103° 14' 26"							F-48-39-A
bản Bánh Phán	DC	xã Tả Phìn	H. Sin Hồ	22° 21' 43"	103° 13' 02"							F-48-39-A
Công ty liên doanh Đá đen Lai Châu	KX	xã Tả Phìn	H. Sin Hồ	22° 19' 09"	103° 09' 56"							F-48-39-A
cầu Hát Sum 1	KX	xã Tả Phìn	H. Sin Hồ	22° 20' 28"	103° 10' 05"							F-48-39-A
bản Liều Chải	DC	xã Tả Phìn	H. Sin Hồ	22° 21' 17"	103° 11' 52"							F-48-39-A
bản Sin Thàng	DC	xã Tả Phìn	H. Sin Hồ	22° 21' 36"	103° 13' 15"							F-48-39-A
suối Sù Tổng	TV	xã Tả Phìn	H. Sin Hồ			22° 20' 58"	103° 12' 28"	22° 19' 53"	103° 09' 59"			F-48-39-A
bản Suối Sù Tổng	DC	xã Tả Phìn	H. Sin Hồ	22° 20' 43"	103° 11' 25"							F-48-39-A
bản Tả Phìn	DC	xã Tả Phìn	H. Sin Hồ	22° 21' 30"	103° 13' 04"							F-48-39-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Tâm Choong	DC	xã Tả Phìn	H. Sin Hồ	22° 21' 18"	103° 13' 04"						F-48-39-A	
	DC	xã Tả Phìn	H. Sin Hồ	22° 21' 24"	103° 13' 17"						F-48-39-A	
suối Chủ Hồ	TV	xã Tủa Sin Chải	H. Sin Hồ			22° 06' 49"	103° 15' 35"	22° 06' 27"	103° 16' 56"		F-48-39-D	
	TV	xã Tủa Sin Chải	H. Sin Hồ			22° 02' 32"	103° 17' 11"	22° 09' 15"	103° 19' 50"		F-48-39-D	
bản Há chá	DC	xã Tủa Sin Chải	H. Sin Hồ	22° 09' 20"	103° 15' 50"						F-48-39-D	
	DC	xã Tủa Sin Chải	H. Sin Hồ	22° 09' 17"	103° 17' 24"						F-48-39-D	
bản Há Vú Chử	DC	xã Tủa Sin Chải	H. Sin Hồ	22° 10' 07"	103° 18' 52"						F-48-39-D	
	SV	xã Tủa Sin Chải	H. Sin Hồ	22° 10' 43"	103° 19' 14"						F-48-39-D	
pu La Hồ	TV	xã Tủa Sin Chải	H. Sin Hồ			22° 10' 59"	103° 18' 53"	22° 10' 13"	103° 19' 39"		F-48-39-D	
	TV	xã Tủa Sin Chải	H. Sin Hồ			22° 05' 20"	103° 15' 24"	22° 04' 30"	103° 16' 14"		F-48-39-D	
suối Lừ Pá	TV	xã Tủa Sin Chải	H. Sin Hồ								F-48-39-D	
	DC	xã Tủa Sin Chải	H. Sin Hồ	22° 06' 31"	103° 15' 06"						F-48-39-D	
bản Phi Yên	DC	xã Tủa Sin Chải	H. Sin Hồ	22° 09' 52"	103° 17' 25"						F-48-39-D	
	DC	xã Tủa Sin Chải	H. Sin Hồ	22° 09' 36"	103° 15' 43"						F-48-39-D	
bản San Sưa Hồ	DC	xã Tủa Sin Chải	H. Sin Hồ	22° 08' 09"	103° 17' 44"						F-48-39-D	
	DC	xã Tủa Sin Chải	H. Sin Hồ	22° 09' 46"	103° 18' 51"						F-48-39-D	
bản Thà Giảng Phó	DC	xã Tủa Sin Chải	H. Sin Hồ	22° 08' 38"	103° 15' 58"						F-48-39-D	
	DC	xã Tủa Sin Chải	H. Sin Hồ			22° 18' 51"	103° 10' 03"	22° 14' 33"	103° 09' 42"		F-48-39-A, F-48-39-C	
quốc lộ 12	KX	xã Xà Dề Phìn	H. Sin Hồ								F-48-39-A	
bản Can Hồ	DC	xã Xà Dề Phìn	H. Sin Hồ	22° 17' 50"	103° 13' 30"						F-48-39-A	
	DC	xã Xà Dề Phìn	H. Sin Hồ	22° 16' 04"	103° 10' 18"						F-48-39-A	
bản Chang	TV	xã Xà Dề Phìn	H. Sin Hồ			22° 18' 39"	103° 12' 54"	22° 17' 04"	103° 09' 29"		F-48-39-A	
	DC	xã Xà Dề Phìn	H. Sin Hồ	22° 18' 35"	103° 14' 40"			22° 17' 00"	103° 09' 38"		F-48-39-A	
bản Mao Sao Phìn	TV	xã Xà Dề Phìn	H. Sin Hồ								F-48-39-A	
	DC	xã Xà Dề Phìn	H. Sin Hồ	22° 18' 24"	103° 14' 10"						F-48-39-A	
bản Săng Phìn	DC	xã Xà Dề Phìn	H. Sin Hồ	22° 18' 40"	103° 13' 58"						F-48-39-A	
	DC	xã Xà Dề Phìn	H. Sin Hồ			22° 20' 31"	103° 36' 58"	22° 19' 19"	103° 36' 55"		F-48-40-A	
bản Tia Cua Y	TV	TT. Tam Đường	H. Tam Đường								F-48-40-A	
	DC	TT. Tam Đường	H. Tam Đường	22° 19' 15"	103° 37' 39"						F-48-40-A	
bản Cò Lá	DC	TT. Tam Đường	H. Tam Đường	22° 19' 38"	103° 37' 00"						F-48-40-A	
	DC	TT. Tam Đường	H. Tam Đường	22° 19' 04"	103° 37' 29"						F-48-40-A	
bản Mường Cầu	DC	TT. Tam Đường	H. Tam Đường			22° 19' 59"	103° 34' 35"	22° 18' 49"	103° 35' 33"		F-48-40-A	
	TV	TT. Tam Đường	H. Tam Đường			22° 20' 20"	103° 35' 51"	22° 19' 27"	103° 36' 34"		F-48-40-A	
sông Nậm Mu	TV	TT. Tam Đường	H. Tam Đường								F-48-40-A	
	TV	TT. Tam Đường	H. Tam Đường								F-48-40-A	
suối Nậm Tường	TV	TT. Tam Đường	H. Tam Đường								F-48-40-A	
	DC	TT. Tam Đường	H. Tam Đường	22° 20' 48"	103° 37' 02"						F-48-40-A	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Tiên Bình	DC	TT. Tam Đường	H. Tam Đường	22° 19' 59"	103° 36' 02"						F-48-40-A	
	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 16' 11"	103° 40' 14"						F-48-40-A	
bản Cò Nọt Mông	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 17' 49"	103° 40' 40"						F-48-40-A	
	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 15' 57"	103° 42' 08"						F-48-40-A	
bản Cốc Phát	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 16' 29"	103° 41' 31"						F-48-40-A	
	SV	xã Bản Bo	H. Tam Đường			22° 19' 27"	103° 43' 22"	22° 18' 16"	103° 46' 24"		F-48-40-B	
dãy Hoàng Liên Sơn	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 16' 41"	103° 40' 43"						F-48-40-A	
	SV	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 17' 14"	103° 40' 15"						F-48-40-A	
bản Hưng Phong	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 13' 58"	103° 40' 26"						F-48-40-C	
	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 14' 16"	103° 40' 24"						F-48-40-C	
bản Nà Khương	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 15' 44"	103° 40' 28"						F-48-40-A	
	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 16' 20"	103° 40' 12"						F-48-40-A	
bản Nà Khuy	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 16' 53"	103° 40' 42"						F-48-40-A	
	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 14' 25"	103° 41' 27"						F-48-40-C	
bản Nà Ly	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 16' 56"	103° 41' 09"			22° 18' 44"	103° 43' 34"	22° 16' 22"	103° 40' 35"	F-48-40-A
	TV	xã Bản Bo	H. Tam Đường								F-48-40-A	
bản Nậm Sắng	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 16' 06"	103° 41' 14"						F-48-40-A	
	TV	xã Bản Bo	H. Tam Đường					22° 18' 29"	103° 46' 14"	22° 15' 39"	103° 40' 02"	F-48-40-A
bản Nậm Tàng	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 13' 45"	103° 40' 46"						F-48-40-C	
	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 14' 53"	103° 40' 13"						F-48-40-C	
bản Phiêng Hoi	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 15' 19"	103° 40' 01"						F-48-40-A	
	DC	xã Bản Bo	H. Tam Đường	22° 20' 38"	103° 29' 52"						F-48-39-B	
bản Phiêng Pằng	DC	xã Bản Giang	H. Tam Đường	22° 19' 42"	103° 31' 32"						F-48-40-A	
	DC	xã Bản Giang	H. Tam Đường	22° 20' 43"	103° 31' 03"						F-48-40-A	
bản Phiêng Tiên	DC	xã Bản Giang	H. Tam Đường	22° 18' 37"	103° 31' 21"						F-48-40-A	
	DC	xã Bản Giang	H. Tam Đường	22° 19' 40"	103° 30' 55"						F-48-40-A	
bản Coóc Pa	TV	xã Bản Giang	H. Tam Đường					22° 19' 03"	103° 31' 16"	22° 20' 06"	103° 32' 29"	F-48-40-A
	DC	xã Bản Giang	H. Tam Đường	22° 18' 29"	103° 30' 52"						F-48-40-A	
bản Sin Chải	DC	xã Bản Giang	H. Tam Đường	22° 19' 16"	103° 30' 14"						F-48-40-A	
	DC	xã Bản Giang	H. Tam Đường	22° 18' 48"	103° 31' 50"						F-48-40-A	
bản Suối Thầu	DC	xã Bản Giang	H. Tam Đường	22° 19' 11"	103° 32' 31"						F-48-40-A	
	DC	xã Bản Hòn	H. Tam Đường	22° 17' 37"	103° 35' 28"						F-48-40-A	
bản Tân Phú Nhiều	DC	xã Bản Hòn	H. Tam Đường								F-48-40-A	
	DC	xã Bản Hòn	H. Tam Đường								F-48-40-A	
bản Bái Trầu	DC	xã Bản Hòn	H. Tam Đường								F-48-40-A	
	DC	xã Bản Hòn	H. Tam Đường								F-48-40-A	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
núi Châu Sơn	SV	xã Bản Hòn	H. Tam Đường	22° 16' 47"	103° 33' 07"							F-48-40-A
bản Đông Pao	DC	xã Bản Hòn	H. Tam Đường	22° 17' 36"	103° 34' 29"							F-48-40-A
bản Hoa Di Hồ	DC	xã Bản Hòn	H. Tam Đường	22° 17' 14"	103° 32' 28"							F-48-40-A
nằm Hòn	TV	xã Bản Hòn	H. Tam Đường			22° 18' 30"	103° 33' 34"	22° 20' 02"	103° 32' 57"			F-48-40-A
huổi lĩ	TV	xã Bản Hòn	H. Tam Đường			22° 16' 48"	103° 34' 34"	22° 17' 32"	103° 35' 49"			F-48-40-A
bản Nà Khum	DC	xã Bản Hòn	H. Tam Đường	22° 19' 26"	103° 33' 05"							F-48-40-A
bản Thẩm	DC	xã Bản Hòn	H. Tam Đường	22° 18' 35"	103° 33' 28"							F-48-40-A
quốc lộ 4D	KX	xã Bình Lự	H. Tam Đường			22° 19' 14"	103° 38' 02"	22° 19' 03"	103° 39' 36"			F-48-40-A, F-48-40-B
bản Ba Be	DC	xã Bình Lự	H. Tam Đường	22° 17' 59"	103° 37' 01"							F-48-40-A
nậm Dê	TV	xã Bình Lự	H. Tam Đường			22° 20' 06"	103° 39' 21"	22° 17' 23"	103° 36' 37"			F-48-40-A
bản Km2	DC	xã Bình Lự	H. Tam Đường	22° 19' 10"	103° 38' 11"							F-48-40-A
bản Nà Cà	DC	xã Bình Lự	H. Tam Đường	22° 17' 07"	103° 36' 45"							F-48-40-A
bản Nà Hum	DC	xã Bình Lự	H. Tam Đường	22° 17' 34"	103° 36' 49"							F-48-40-A
bản Nà Khan	DC	xã Bình Lự	H. Tam Đường	22° 19' 40"	103° 36' 20"							F-48-40-A
bản Nà Om	DC	xã Bình Lự	H. Tam Đường	22° 18' 42"	103° 37' 38"							F-48-40-A
bản Nà Phát	DC	xã Bình Lự	H. Tam Đường	22° 18' 55"	103° 36' 43"							F-48-40-A
bản Nà San	DC	xã Bình Lự	H. Tam Đường	22° 18' 46"	103° 38' 06"							F-48-40-A
nậm Pe	TV	xã Bình Lự	H. Tam Đường			22° 19' 00"	103° 37' 03"	22° 17' 54"	103° 37' 12"			F-48-40-A
bản Tân Bình	DC	xã Bình Lự	H. Tam Đường	22° 18' 22"	103° 36' 58"							F-48-40-A
bản Thèn Thầu	DC	xã Bình Lự	H. Tam Đường	22° 19' 26"	103° 38' 28"							F-48-40-A
động Tiên Sơn	SV	xã Bình Lự	H. Tam Đường	22° 18' 59"	103° 39' 10"							F-48-40-A
bản Vân Bình	DC	xã Bình Lự	H. Tam Đường	22° 19' 26"	103° 38' 51"							F-48-40-A
quốc lộ 4D	KX	xã Giang Ma	H. Tam Đường			22° 23' 36"	103° 30' 56"	22° 22' 47"	103° 33' 46"			F-48-40-A
bản Giang Ma	DC	xã Giang Ma	H. Tam Đường	22° 23' 38"	103° 32' 51"							F-48-40-A
đèo Giang Ma	SV	xã Giang Ma	H. Tam Đường	22° 23' 21"	103° 32' 47"							F-48-40-A
bản Mào Phó	DC	xã Giang Ma	H. Tam Đường	22° 24' 02"	103° 31' 49"							F-48-40-A
bản Sín Cầu	DC	xã Giang Ma	H. Tam Đường	22° 22' 55"	103° 32' 59"							F-48-40-A
bản Sừ Thàng	DC	xã Giang Ma	H. Tam Đường	22° 22' 56"	103° 33' 48"							F-48-40-A
bản Chũ Lìn	DC	xã Hồ Thầu	H. Tam Đường	22° 21' 10"	103° 33' 57"							F-48-40-A
bản Đội 4	DC	xã Hồ Thầu	H. Tam Đường	22° 20' 31"	103° 35' 34"							F-48-40-A
bản Gia Khẩu	DC	xã Hồ Thầu	H. Tam Đường	22° 21' 16"	103° 33' 25"							F-48-40-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
huổi lĩ bản Khèo Thầu bản Nhiều Sang nậm Pé núi Phìn Hồ bản Pho bản Si Thầu Chải suối Sừ Thàng bản Tả Chải bản Tẻ Suối Ngải bản Can Hồ bản Chùa Kheo Cao bản Chùa Kheo Thấp nậm Địch bản Lao Chải bản Ma Sa Phìn Cao bản Ma Sa Phìn Thấp bản Nậm Địch dãy núi Nậm Địch bản Nậm Pha nậm Páp nậm Pha bản Sin Chải bản Thên Thầu bản Xà Phàng Cao bản Xà Phàng Thấp bản Cốc Cuồng khe Huổi Ke bản Nà Hiền bản Nà Ít bản Nà Kiếng	TV	xã Hồ Thầu	H. Tam Đường			22° 21' 18"	103° 34' 15"	22° 19' 59"	103° 34' 35"	F-48-40-A		
	DC	xã Hồ Thầu	H. Tam Đường	22° 21' 50"	103° 34' 46"					F-48-40-A		
	DC	xã Hồ Thầu	H. Tam Đường	22° 22' 38"	103° 35' 13"					F-48-40-A		
	TV	xã Hồ Thầu	H. Tam Đường			22° 22' 48"	103° 35' 28"	22° 20' 15"	103° 35' 44"	F-48-40-A		
	SV	xã Hồ Thầu	H. Tam Đường	22° 21' 43"	103° 33' 17"					F-48-40-A		
	DC	xã Hồ Thầu	H. Tam Đường	22° 22' 18"	103° 34' 46"					F-48-40-A		
	DC	xã Hồ Thầu	H. Tam Đường	22° 21' 44"	103° 35' 58"					F-48-40-A		
	TV	xã Hồ Thầu	H. Tam Đường			22° 22' 18"	103° 33' 46"	22° 21' 09"	103° 35' 01"	F-48-40-A		
	DC	xã Hồ Thầu	H. Tam Đường	22° 23' 06"	103° 34' 05"					F-48-40-A		
	DC	xã Hồ Thầu	H. Tam Đường	22° 21' 26"	103° 36' 55"					F-48-40-C		
	DC	xã Khun Há	H. Tam Đường	22° 14' 27"	103° 36' 27"					F-48-40-C		
	DC	xã Khun Há	H. Tam Đường	22° 14' 46"	103° 36' 22"					F-48-40-C		
	DC	xã Khun Há	H. Tam Đường	22° 14' 38"	103° 36' 47"					F-48-40-A, F-48-40-C		
	TV	xã Khun Há	H. Tam Đường			22° 12' 13"	103° 34' 05"	22° 17' 27"	103° 35' 46"	F-48-40-C		
	DC	xã Khun Há	H. Tam Đường	22° 12' 57"	103° 34' 44"					F-48-40-C		
	DC	xã Khun Há	H. Tam Đường	22° 15' 52"	103° 34' 21"					F-48-40-A		
	DC	xã Khun Há	H. Tam Đường	22° 15' 08"	103° 34' 15"					F-48-40-A		
	DC	xã Khun Há	H. Tam Đường	22° 15' 49"	103° 36' 36"					F-48-40-A		
	SV	xã Khun Há	H. Tam Đường	22° 16' 24"	103° 36' 41"					F-48-40-C		
	DC	xã Khun Há	H. Tam Đường	22° 12' 36"	103° 38' 01"					F-48-40-C		
TV	xã Khun Há	H. Tam Đường			22° 11' 42"	103° 36' 12"	22° 13' 57"	103° 37' 02"	F-48-40-C			
TV	xã Khun Há	H. Tam Đường			22° 11' 50"	103° 37' 06"	22° 13' 00"	103° 39' 45"	F-48-40-C			
DC	xã Khun Há	H. Tam Đường	22° 13' 37"	103° 35' 06"					F-48-40-C			
DC	xã Khun Há	H. Tam Đường	22° 13' 11"	103° 37' 41"					F-48-40-C			
DC	xã Khun Há	H. Tam Đường	22° 15' 35"	103° 35' 55"					F-48-40-A			
DC	xã Khun Há	H. Tam Đường	22° 16' 53"	103° 35' 30"					F-48-40-A			
DC	xã Nà Tầm	H. Tam Đường	22° 16' 25"	103° 38' 13"					F-48-40-A			
TV	xã Nà Tầm	H. Tam Đường			22° 17' 42"	103° 39' 50"	22° 16' 43"	103° 39' 05"	F-48-40-A			
DC	xã Nà Tầm	H. Tam Đường	22° 16' 21"	103° 39' 31"					F-48-40-A			
DC	xã Nà Tầm	H. Tam Đường	22° 17' 27"	103° 38' 40"					F-48-40-A			
DC	xã Nà Tầm	H. Tam Đường	22° 16' 06"	103° 38' 46"					F-48-40-A			

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Nà Luông	DC	xã Nà Tăm	H. Tam Đường	22° 16' 24"	103° 39' 05"							F-48-40-A
bản Nà Tăm II	DC	xã Nà Tăm	H. Tam Đường	22° 17' 05"	103° 37' 34"							F-48-40-A
sông Nậm Mu	TV	xã Nà Tăm	H. Tam Đường			22° 16' 49"	103° 36' 59"	22° 15' 46"	103° 39' 42"			F-48-40-A
bản Phiêng Giăng	DC	xã Nà Tăm	H. Tam Đường	22° 16' 28"	103° 38' 41"							F-48-39-B
bản Chính Chu Chải	DC	xã Nùng Nàng	H. Tam Đường	22° 22' 21"	103° 25' 33"							F-48-39-B
bản Lao Tỷ Phùng	DC	xã Nùng Nàng	H. Tam Đường	22° 22' 14"	103° 27' 18"							F-48-39-B
bản Nùng Nàng	DC	xã Nùng Nàng	H. Tam Đường	22° 22' 24"	103° 26' 35"							F-48-39-B
núi Nùng Nàng	SV	xã Nùng Nàng	H. Tam Đường	22° 21' 00"	103° 25' 35"							F-48-39-B
bản Phan Chu Hoa	DC	xã Nùng Nàng	H. Tam Đường	22° 22' 37"	103° 27' 50"							F-48-39-B
bản Sáy Sang 1	DC	xã Nùng Nàng	H. Tam Đường	22° 22' 11"	103° 26' 56"							F-48-39-B
bản Sáy Sang 2	DC	xã Nùng Nàng	H. Tam Đường	22° 22' 14"	103° 26' 39"							F-48-39-B
bản Sáy Sang 3	DC	xã Nùng Nàng	H. Tam Đường	22° 22' 09"	103° 26' 30"							F-48-39-B
bản Xi Miên Khang	DC	xã Nùng Nàng	H. Tam Đường	22° 20' 36"	103° 28' 45"							F-48-39-B
quốc lộ 32	KX	xã Sơn Bình	H. Tam Đường			22° 18' 59"	103° 39' 39"	22° 17' 43"	103° 40' 03"			F-48-40-A
bản 46	DC	xã Sơn Bình	H. Tam Đường	22° 20' 24"	103° 40' 05"							F-48-40-A
quốc lộ 4D	KX	xã Sơn Bình	H. Tam Đường			22° 19' 03"	103° 39' 36"	22° 21' 14"	103° 46' 17"			F-48-40-A, F-48-40-B
bản Chu Va 12	DC	xã Sơn Bình	H. Tam Đường	22° 21' 00"	103° 41' 28"							F-48-40-A
bản Chu Va 8	DC	xã Sơn Bình	H. Tam Đường	22° 21' 08"	103° 40' 22"							F-48-40-A
bản Cò Nọt Thái	DC	xã Sơn Bình	H. Tam Đường	22° 17' 56"	103° 40' 04"							F-48-40-A
nậm Dẻ	TV	xã Sơn Bình	H. Tam Đường					22° 24' 21"	103° 44' 13"	22° 20' 06"	103° 39' 21"	F-48-40-A
huổi Hố	TV	xã Sơn Bình	H. Tam Đường			22° 22' 11"	103° 39' 21"	22° 20' 20"	103° 39' 50"			F-48-40-A
dãy núi Hoàng Liên Sơn	SV	xã Sơn Bình	H. Tam Đường	22° 22' 30"	103° 45' 49"							F-48-40-B
bản Hua Bó	DC	xã Sơn Bình	H. Tam Đường	22° 18' 13"	103° 39' 01"							F-48-40-A
bản Huổi Ke	DC	xã Sơn Bình	H. Tam Đường	22° 18' 58"	103° 40' 15"							F-48-40-B
đèo Trám Tôn	SV	xã Sơn Bình	H. Tam Đường	22° 21' 13"	103° 45' 46"							F-48-40-B
cầu Trắng	KX	xã Sơn Bình	H. Tam Đường	22° 22' 23"	103° 45' 18"							F-48-40-A
núi Trung Liên	SV	xã Sơn Bình	H. Tam Đường	22° 18' 35"	103° 41' 23"							F-48-40-A
bản Cán Cầu	DC	xã Sùng Phai	H. Tam Đường	22° 26' 20"	103° 26' 32"							F-48-39-B
bản Cư Nhà La	DC	xã Sùng Phai	H. Tam Đường	22° 24' 46"	103° 28' 35"							F-48-39-B
bản Làng Giăng	DC	xã Sùng Phai	H. Tam Đường	22° 25' 02"	103° 27' 23"							F-48-39-B
bản Sín Chải	DC	xã Sùng Phai	H. Tam Đường	22° 26' 45"	103° 25' 28"							F-48-39-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu				Tọa độ điểm cuối		
				Kinh độ		Vĩ độ		Kinh độ		Vĩ độ		
				(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	(độ, phút, giây)	
bản Sùng Phái	DC	xã Sùng Phái	H. Tam Đường	22° 26' 56"	103° 25' 44"							F-48-39-B
bản Suối Thầu	DC	xã Sùng Phái	H. Tam Đường	22° 25' 01"	103° 27' 03"							F-48-39-B
bản Tả Chải	DC	xã Sùng Phái	H. Tam Đường	22° 25' 16"	103° 26' 03"							F-48-39-B
bản Trung Chải	DC	xã Sùng Phái	H. Tam Đường	22° 25' 08"	103° 26' 30"							F-48-39-B
bản Hồ Pén	DC	xã Tả Lềng	H. Tam Đường	22° 24' 42"	103° 32' 16"							F-48-40-A
suối Lũng Than	TV	xã Tả Lềng	H. Tam Đường			22° 28' 10"	103° 32' 55"	22° 25' 59"	103° 30' 56"			F-48-40-A
bản Phìn Ngan Xin Chải	DC	xã Tả Lềng	H. Tam Đường	22° 25' 57"	103° 29' 19"							F-48-39-B
bản Pho Lao Chải	DC	xã Tả Lềng	H. Tam Đường	22° 25' 09"	103° 31' 59"							F-48-40-A
bản Pho Xin Chải	DC	xã Tả Lềng	H. Tam Đường	22° 24' 58"	103° 31' 38"							F-48-40-A
bản San Cha Mán	DC	xã Tả Lềng	H. Tam Đường	22° 24' 56"	103° 30' 37"							F-48-40-A
núi Tả Lềng	SV	xã Tả Lềng	H. Tam Đường	22° 25' 54"	103° 31' 48"							F-48-40-A
bản Tả Lềng Lao Chải	DC	xã Tả Lềng	H. Tam Đường	22° 25' 28"	103° 31' 52"							F-48-40-A
núi Tả Lũng Than	SV	xã Tả Lềng	H. Tam Đường	22° 26' 33"	103° 30' 42"							F-48-40-A
bản Thèn Pả	DC	xã Tả Lềng	H. Tam Đường	22° 24' 21"	103° 31' 07"							F-48-40-A
bản Đông Phong	DC	xã Thèn Sin	H. Tam Đường	22° 26' 33"	103° 27' 42"							F-48-39-B
bản Lở Tháng 1	DC	xã Thèn Sin	H. Tam Đường	22° 26' 16"	103° 27' 59"							F-48-39-B
bản Lở Tháng 2	DC	xã Thèn Sin	H. Tam Đường	22° 26' 10"	103° 28' 17"							F-48-39-B
huổi Lược	TV	xã Thèn Sin	H. Tam Đường			22° 27' 49"	103° 30' 49"	22° 26' 40"	103° 27' 32"			F-48-39-B, F-48-40-A
bản Na Đông	DC	xã Thèn Sin	H. Tam Đường	22° 27' 52"	103° 26' 48"							F-48-39-B
bản Pan Khèo	DC	xã Thèn Sin	H. Tam Đường	22° 27' 19"	103° 29' 06"							F-48-39-B
bản Sin Cầu	DC	xã Thèn Sin	H. Tam Đường	22° 26' 43"	103° 29' 05"							F-48-39-B
bản Thèn Sin 1	DC	xã Thèn Sin	H. Tam Đường	22° 27' 13"	103° 27' 32"							F-48-39-B
bản Thèn Sin 2	DC	xã Thèn Sin	H. Tam Đường	22° 26' 59"	103° 27' 30"							F-48-39-B
bản Tông Qua Lìn	DC	xã Thèn Sin	H. Tam Đường	22° 28' 42"	103° 28' 51"							F-48-39-B
bản Van Hồ 1	DC	xã Thèn Sin	H. Tam Đường	22° 28' 50"	103° 28' 05"							F-48-39-B
tổ dân phố 1	DC	TT. Tân Uyên	H. Tân Uyên	22° 10' 10"	103° 46' 48"							F-48-40-D
tổ dân phố 3	DC	TT. Tân Uyên	H. Tân Uyên	22° 11' 21"	103° 44' 59"							F-48-40-C, F-48-40-D
tổ dân phố 4	DC	TT. Tân Uyên	H. Tân Uyên	22° 12' 03"	103° 45' 08"							F-48-40-C
tổ dân phố 5	DC	TT. Tân Uyên	H. Tân Uyên	22° 12' 58"	103° 44' 26"							F-48-40-C
tổ dân phố 6	DC	TT. Tân Uyên	H. Tân Uyên	22° 12' 26"	103° 44' 25"							F-48-40-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
tổ dân phố 7	DC	TT. Tân Uyên	H. Tân Uyên	22° 10' 03"	103° 45' 56"							F-48-40-D
quốc lộ 32	KX	TT. Tân Uyên	H. Tân Uyên			21° 58' 21"	103° 53' 36"	21° 57' 00"	103° 52' 51"			F-48-52-B
nệm Chằng	TV	TT. Tân Uyên	H. Tân Uyên				103° 49' 17"	22° 09' 53"	103° 44' 52"			F-48-40-D, F-48-40-C
bản Nà Cóc	DC	TT. Tân Uyên	H. Tân Uyên	22° 11' 24"	103° 46' 07"							F-48-40-D
suối Nà Cóc	TV	TT. Tân Uyên	H. Tân Uyên			22° 12' 20"	103° 48' 06"	22° 10' 50"	103° 44' 25"			F-48-40-D, F-48-40-C
bản Nà Giảng	DC	TT. Tân Uyên	H. Tân Uyên	22° 09' 57"	103° 45' 21"							F-48-40-D
suối Nậm Be	TV	TT. Tân Uyên	H. Tân Uyên			22° 13' 48"	103° 46' 13"	22° 13' 17"	103° 44' 44"			F-48-40-D, F-48-40-C
bản Trám Cả	DC	TT. Tân Uyên	H. Tân Uyên	22° 11' 43"	103° 44' 33"							F-48-40-C
cầu Trám Cả	KX	TT. Tân Uyên	H. Tân Uyên	22° 11' 36"	103° 44' 38"							F-48-40-C
bản Hồ Pù	DC	xã Hồ Mít	H. Tân Uyên	22° 06' 20"	103° 51' 30"							F-48-40-D
bản Kheo Giếng	DC	xã Hồ Mít	H. Tân Uyên	22° 06' 30"	103° 50' 26"							F-48-40-D
bản Lầu	DC	xã Hồ Mít	H. Tân Uyên	22° 06' 24"	103° 52' 50"							F-48-40-D
suối Lính	TV	xã Hồ Mít	H. Tân Uyên			22° 09' 06"	103° 52' 33"	22° 06' 12"	103° 52' 06"			F-48-40-D
bản Mít Nội	DC	xã Hồ Mít	H. Tân Uyên	22° 06' 03"	103° 54' 06"							F-48-40-D
suối Nậm Mít	TV	xã Hồ Mít	H. Tân Uyên			22° 07' 52"	103° 55' 17"	22° 05' 27"	103° 51' 19"			F-48-40-D
núi Siêu Mít	SV	xã Hồ Mít	H. Tân Uyên	22° 07' 03"	103° 55' 18"							F-48-40-D
bản Suối Lính A	DC	xã Hồ Mít	H. Tân Uyên	22° 08' 11"	103° 52' 36"							F-48-40-D
bản Suối Lính B	DC	xã Hồ Mít	H. Tân Uyên	22° 05' 55"	103° 51' 54"							F-48-40-D
bản Tà Hủ	DC	xã Hồ Mít	H. Tân Uyên	22° 07' 16"	103° 53' 35"							F-48-40-D
bản Thảo	DC	xã Hồ Mít	H. Tân Uyên	22° 07' 19"	103° 54' 19"							F-48-40-D
núi Yên Ngựa	SV	xã Hồ Mít	H. Tân Uyên	22° 08' 34"	103° 55' 28"							F-48-40-D
bản Hồ Tra	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 10' 13"	103° 37' 36"							F-48-40-C
bản Mường 1	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 12' 52"	103° 42' 30"							F-48-40-C
bản Mường 2	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 12' 34"	103° 42' 20"							F-48-40-C
bản Nà An 1	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 13' 21"	103° 40' 52"							F-48-40-C
bản Nà An 2	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 13' 09"	103° 41' 04"							F-48-40-C
bản Nà Cại	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 11' 30"	103° 42' 25"							F-48-40-C
bản Nà Cỏi	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 11' 45"	103° 41' 11"							F-48-40-C
bản Nà Nghé	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 12' 31"	103° 41' 19"							F-48-40-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Nà Pè	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 12' 05"	103° 42' 47"						F-48-40-C	
	TV	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên			22° 14' 04"	103° 50' 15"	22° 11' 46"	103° 42' 25"		F-48-40-D, F-48-40-C	
suối Nậm Be	TV	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên			22° 11' 50"	103° 38' 10"	22° 11' 35"	103° 42' 03"		F-48-40-C	
	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 12' 02"	103° 39' 16"						F-48-40-C	
bản Nậm Cung 1	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 12' 01"	103° 39' 20"						F-48-40-C	
	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên			22° 13' 10	103° 40' 38"	22° 13' 00"	103° 39' 47"		F-48-40-C	
bản Nậm Cung 2	TV	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên			22° 10' 43"	103° 36' 25"	22° 11' 52"	103° 41' 10"		F-48-40-C	
	TV	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên			22° 09' 49"	103° 35' 19"	22° 09' 34"	103° 41' 18"		F-48-40-C	
suối Nậm Pha	TV	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên								F-48-40-C	
	TV	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 11' 08"	103° 42' 31"						F-48-40-C	
suối Nậm So	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 12' 04"	103° 41' 37"						F-48-40-C	
	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 10' 45"	103° 42' 15"						F-48-40-C	
bản Phiêng Hào	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 13' 13"	103° 42' 01"						F-48-40-C	
	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 12' 05"	103° 41' 55"						F-48-40-C	
bản Phiêng Khon	DC	xã Mường Khoa	H. Tân Uyên	22° 05' 19"	103° 43' 13"						F-48-40-C	
	DC	xã Nậm Cắn	H. Tân Uyên	22° 06' 22"	103° 40' 52"						F-48-40-C	
bản Phiêng Săn	DC	xã Nậm Cắn	H. Tân Uyên	22° 06' 10"	103° 39' 59"			22° 04' 19"	103° 43' 19"		F-48-40-C	
	TV	xã Nậm Cắn	H. Tân Uyên								F-48-40-C	
bản Hua Phường	DC	xã Nậm Cắn	H. Tân Uyên	22° 05' 06"	103° 41' 13"						F-48-40-C	
	DC	xã Nậm Cắn	H. Tân Uyên	22° 05' 08"	103° 39' 25"						F-48-40-C	
suối Huổi Hiền	SV	xã Nậm Cắn	H. Tân Uyên			22° 06' 55"	103° 40' 27"	22° 05' 15"	103° 41' 38"		F-48-40-C	
	TV	xã Nậm Cắn	H. Tân Uyên			22° 09' 34"	103° 41' 18"	22° 09' 17"	103° 43' 05"		F-48-40-C	
bản Nà Phát	TV	xã Nậm Cắn	H. Tân Uyên			22° 10' 20"	103° 42' 23"	22° 03' 49"	103° 44' 49"		F-48-40-C	
	TV	xã Nậm Cắn	H. Tân Uyên								F-48-40-C	
đèo Nam Ca	SV	xã Nậm Cắn	H. Tân Uyên	22° 03' 34"	103° 38' 51"						F-48-40-C	
	TV	xã Nậm Cắn	H. Tân Uyên			22° 07' 12"	103° 38' 13"	22° 05' 37"	103° 42' 35"		F-48-40-C	
suối Nậm Cắn	TV	xã Nậm Cắn	H. Tân Uyên	22° 06' 22"	103° 44' 19"						F-48-40-C	
	DC	xã Nậm Cắn	H. Tân Uyên			22° 06' 50"	103° 45' 41"	22° 05' 48"	103° 43' 46"		F-48-40-D, F-48-40-C	
bản Nậm Sát	TV	xã Nậm Cắn	H. Tân Uyên								F-48-40-C	
	DC	xã Nậm Cắn	H. Tân Uyên	22° 03' 49"	103° 44' 35"						F-48-40-C	
bản Pắc Pha	DC	xã Nậm Cắn	H. Tân Uyên	22° 07' 39"	103° 42' 47"						F-48-40-C	
	DC	xã Nậm Cắn	H. Tân Uyên	22° 08' 39"	103° 43' 16"						F-48-40-C	
bản Phiêng Ang	DC	xã Nậm Cắn	H. Tân Uyên	22° 09' 07"	103° 43' 19"						F-48-40-C	
	DC	xã Nậm Cắn	H. Tân Uyên								F-48-40-C	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Phiêng Tông	DC	xã Nậm Cắn	H. Tân Uyên	22° 08' 30"	103° 42' 56"							F-48-40-C
dốc Pú Pạ	SV	xã Nậm Cắn	H. Tân Uyên	22° 09' 52"	103° 43' 18"							F-48-40-C
bản Sài Lương	DC	xã Nậm Cắn	H. Tân Uyên	22° 04' 15"	103° 43' 33"							F-48-40-C
bản Có Tỏi	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 03' 41"	103° 38' 29"							F-48-40-C
bản Đán Tiến	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 03' 10"	103° 37' 03"							F-48-40-C
bản Hồ Ít	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 07' 09"	103° 33' 33"							F-48-40-C
khau Hòm	SV	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 01' 52"	103° 32' 37"							F-48-40-C
bản Hua Cả	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 07' 20"	103° 37' 23"							F-48-40-C
bản Hua Đanh	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 07' 18"	103° 36' 21"							F-48-40-C
bản Hua Ngò	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 05' 15"	103° 38' 27"	22° 07' 43"	103° 34' 42"	22° 05' 09"	103° 34' 45"			F-48-40-C
nậm Ít	TV	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên									F-48-40-C
bản Khăn Nọi	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 01' 05"	103° 38' 43"							F-48-40-C
bản Khau Hòm	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 02' 41"	103° 32' 44"							F-48-40-C
bản Nà Lào	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 05' 21"	103° 34' 27"							F-48-40-C
bản Nà Ngò	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 04' 44"	103° 37' 03"							F-48-40-C
bản Nà Phát	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 05' 01"	103° 35' 03"							F-48-40-C
bản Na Ui	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 01' 07"	103° 37' 27"							F-48-40-C
suối Nậm Là	TV	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên			22° 05' 53"	103° 35' 18"	22° 04' 25"	103° 35' 19"			F-48-40-C
suối Nậm Ngò	TV	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên			22° 06' 36"	103° 36' 46"	22° 03' 48"	103° 36' 41"			F-48-40-C
suối Nậm Sỏ	TV	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên			22° 08' 53"	103° 34' 47"	22° 01' 01"	103° 39' 20"			F-48-40-C
bản Nậm Sỏ 1	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 04' 23"	103° 35' 29"							F-48-40-C
bản Nậm Sỏ 2	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 04' 29"	103° 35' 22"							F-48-40-C
suối Nậm Ui	TV	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên			22° 02' 48"	103° 33' 58"	22° 01' 40"	103° 37' 54"			F-48-40-C
bản Phiêng Sỏ	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 06' 34"	103° 33' 51"							F-48-40-C
bản Tho Ló	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 03' 26"	103° 36' 50"							F-48-40-C
bản Ui Đạo	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 02' 36"	103° 34' 04"							F-48-40-C
bản Ui Thái	DC	xã Nậm Sỏ	H. Tân Uyên	22° 02' 05"	103° 34' 49"							F-48-40-C
quốc lộ 32	KX	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên			22° 06' 54"	103° 49' 03"	22° 03' 41"	103° 53' 43"			F-48-40-D
bản Bó Lun	DC	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 05' 12"	103° 50' 14"							F-48-40-D
cầu Bó Lun	KX	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 05' 32"	103° 50' 12"							F-48-40-D
bản Cang A	DC	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 05' 12"	103° 52' 37"							F-48-40-D
bản Hoàng Hà	DC	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 03' 55"	103° 52' 18"							F-48-40-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
khe Huổi Nam bản K2 cầu Mít Nọi bản Mít Nọi Dao bản Mít Nọi Thái bản Nà Sắng bản Nà Ún suối Nậm Lun suối Nậm Mít suối Nậm Mít Luồng suối Nậm Mít Nọi suối Nậm Pha suối Nậm Sắng bản Pắc Lý bản Pắc Ta cầu Pắc Ta bản Phiêng Ban bản Thanh Sơn suối Tún quốc lộ 32 bản Hồ Bon bản Hồ Ta dãy núi Hoàng Liên Sơn bản Hua Be bản Nà Khoang bản Nậm Be suối Nậm Be suối Nậm Bon	TV	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên			22° 02' 54"	103° 53' 30"	22° 03' 59"	103° 51' 57"	F-48-40-D		
	DC	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 03' 57"	103° 53' 28"					F-48-40-D		
	KX	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 03' 59"	103° 52' 19"					F-48-40-D		
	DC	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 04' 33"	103° 53' 23"					F-48-40-D		
	DC	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 04' 12"	103° 53' 18"					F-48-40-D		
	DC	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 04' 41"	103° 49' 15"					F-48-40-D		
	DC	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 04' 21"	103° 50' 29"					F-48-40-D		
	TV	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên			22° 07' 32"	103° 49' 28"	22° 04' 10"	103° 51' 03"	F-48-40-D		
	TV	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên			22° 03' 36"	103° 51' 33"	22° 02' 34"	103° 51' 25"	F-48-40-D		
	TV	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên			22° 05' 27"	103° 51' 19"	22° 02' 34"	103° 51' 25"	F-48-40-D		
	TV	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên			22° 05' 32"	103° 54' 22"	22° 03' 36"	103° 51' 33"	F-48-40-D		
	TV	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên			22° 03' 45"	103° 48' 01"	22° 04' 26"	103° 45' 55"	F-48-40-D		
	TV	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên			22° 06' 21"	103° 48' 13"	22° 04' 07"	103° 51' 10"	F-48-40-D		
	DC	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 05' 11"	103° 51' 39"					F-48-40-D		
	DC	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 04' 33"	103° 51' 03"					F-48-40-D		
	KX	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 04' 25"	103° 51' 01"					F-48-40-D		
	DC	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 05' 16"	103° 51' 33"					F-48-40-D		
	DC	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên	22° 03' 59"	103° 53' 23"	22° 05' 26"	103° 52' 14"	22° 04' 25"	103° 51' 02"	F-48-40-D		
	TV	xã Pắc Ta	H. Tân Uyên			22° 15' 48"	103° 42' 02"	22° 13' 08"	103° 44' 27"	F-48-40-A, F-48-40-C		
	KX	xã Phúc Khoa	H. Tân Uyên							F-48-40-A		
DC	xã Phúc Khoa	H. Tân Uyên	22° 15' 24"	103° 42' 12"					F-48-40-C			
DC	xã Phúc Khoa	H. Tân Uyên	22° 13' 02"	103° 44' 11"					F-48-40-B			
SV	xã Phúc Khoa	H. Tân Uyên	22° 16' 30"	103° 48' 50"					F-48-40-D			
DC	xã Phúc Khoa	H. Tân Uyên	22° 13' 51"	103° 45' 42"					F-48-40-C			
DC	xã Phúc Khoa	H. Tân Uyên	22° 13' 38"	103° 43' 54"					F-48-40-D			
DC	xã Phúc Khoa	H. Tân Uyên	22° 13' 48"	103° 45' 40"					F-48-40-D			
TV	xã Phúc Khoa	H. Tân Uyên			22° 14' 04"	103° 50' 15"	22° 11' 46"	103° 42' 25"	F-48-40-D, F-48-40-C			
TV	xã Phúc Khoa	H. Tân Uyên			22° 16' 50"	103° 46' 52"	22° 13' 21"	103° 42' 48"	F-48-40-B, F-48-40-A, F-48-40-C			

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Nậm Bon 1	DC	xã Phúc Khoa	H. Tân Uyên	22° 14' 42"	103° 42' 47"					F-48-40-C
bản Nậm Bon 2	DC	xã Phúc Khoa	H. Tân Uyên	22° 15' 32"	103° 42' 31"					F-48-40-C
bản Ngọc Lại	DC	xã Phúc Khoa	H. Tân Uyên	22° 13' 46"	103° 43' 08"					F-48-40-C
bản ít Chơm Dưới	DC	xã Tà Mít	H. Tân Uyên	22° 00' 57"	103° 40' 40"					F-48-40-C
bản ít Chơm Trên	DC	xã Tà Mít	H. Tân Uyên	22° 01' 03"	103° 40' 23"					F-48-40-C
nậm Khăn	TV	xã Tà Mít	H. Tân Uyên			21° 58' 40"	103° 39' 26"	22° 00' 37"	103° 43' 13"	F-48-40-C, F-48-52-A
bản Lông Thàng	DC	xã Tà Mít	H. Tân Uyên	22° 00' 59"	103° 41' 36"					F-48-40-C
bản Nậm Khăn	DC	xã Tà Mít	H. Tân Uyên	21° 59' 17"	103° 41' 51"					F-48-52-A
núi Nậm Khăn	SV	xã Tà Mít	H. Tân Uyên	21° 59' 38"	103° 40' 10"					F-48-52-A
sông Nậm Mu	TV	xã Tà Mít	H. Tân Uyên			22° 03' 49"	103° 44' 49"	21° 59' 23"	103° 44' 36"	F-48-40-C, F-48-52-A
bản Pác Muôn	DC	xã Tà Mít	H. Tân Uyên	22° 02' 51"	103° 44' 49"					F-48-40-C
bản Pắc Pu	DC	xã Tà Mít	H. Tân Uyên	22° 02' 15"	103° 44' 30"					F-48-40-C
nậm Sô	TV	xã Tà Mít	H. Tân Uyên			22° 01' 01"	103° 39' 20"	22° 00' 50"	103° 43' 39"	F-48-40-C
bản Tà Mít	DC	xã Tà Mít	H. Tân Uyên	22° 03' 26"	103° 44' 23"					F-48-40-C
bản Chơm Chàng	DC	xã Thân Thuộc	H. Tân Uyên	22° 09' 25"	103° 45' 39"					F-48-40-D
bản Nà Ban	DC	xã Thân Thuộc	H. Tân Uyên	22° 10' 12"	103° 43' 35"					F-48-40-C
bản Nà Pầu	DC	xã Thân Thuộc	H. Tân Uyên	22° 10' 43"	103° 44' 22"					F-48-40-C
suối Nậm Lúc	TV	xã Thân Thuộc	H. Tân Uyên			22° 07' 28"	103° 48' 46"	22° 09' 41"	103° 43' 49"	F-48-40-C, F-48-40-D
bản Táng Đán	DC	xã Thân Thuộc	H. Tân Uyên	22° 09' 22"	103° 45' 01"					F-48-40-C, F-48-40-D
quốc lộ 32	KX	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên			22° 08' 55"	103° 46' 28"	22° 06' 54"	103° 49' 03"	F-48-40-D
bản Bút Dưới	DC	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên	22° 09' 14"	103° 46' 41"					F-48-40-D
bản Bút Trên	DC	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên	22° 08' 54"	103° 47' 13"					F-48-40-D
dãy núi Hoàng Liên Sơn	SV	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên	22° 12' 16"	103° 51' 22"					F-48-40-D
suối Hua Chàng	TV	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên			22° 10' 33"	103° 51' 06"	22° 11' 04"	103° 49' 50"	F-48-40-D
suối Hua Cườm	TV	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên			22° 08' 31"	103° 49' 21"	22° 09' 33"	103° 45' 38"	F-48-40-D
bản Hua Cườm 1	DC	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên	22° 08' 50"	103° 48' 33"					F-48-40-D
bản Hua Cườm 2	DC	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên	22° 08' 17"	103° 49' 00"					F-48-40-D
bản Nong Kim	DC	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên	22° 08' 53"	103° 48' 02"					F-48-40-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Phiêng Phát 1	DC	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên	22° 07' 42"	103° 47' 41"							F-48-40-D
bản Phiêng Phát 2	DC	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên	22° 07' 30"	103° 48' 05"							F-48-40-D
bản Phiêng Phát 3	DC	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên	22° 07' 59"	103° 47' 22"							F-48-40-D
bản Tát Xôm 1	DC	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên	22° 09' 41"	103° 47' 37"							F-48-40-D
bản Tát Xôm 2	DC	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên	22° 09' 28"	103° 47' 23"							F-48-40-D
bản Tát Xôm 3	DC	xã Trung Hồng	H. Tân Uyên	22° 09' 41"	103° 47' 37"							F-48-40-D
khu 1	DC	TT. Than Uyên	H. Than Uyên	21° 57' 04"	103° 52' 48"							F-48-52-B
khu 2	DC	TT. Than Uyên	H. Than Uyên	21° 57' 03"	103° 53' 04"							F-48-52-B
khu 3	DC	TT. Than Uyên	H. Than Uyên	21° 57' 11"	103° 52' 47"							F-48-52-B
khu 4	DC	TT. Than Uyên	H. Than Uyên	21° 57' 05"	103° 52' 34"							F-48-52-B
khu 9	DC	TT. Than Uyên	H. Than Uyên	21° 58' 24"	103° 52' 58"			21° 58' 21"	103° 53' 36"	21° 57' 00"	103° 52' 51"	F-48-52-B
quốc lộ 32	KX	TT. Than Uyên	H. Than Uyên									F-48-52-B
khu 5A	DC	TT. Than Uyên	H. Than Uyên	21° 57' 23"	103° 52' 55"							F-48-52-B
khu 5B	DC	TT. Than Uyên	H. Than Uyên									F-48-52-B
bản Long Bon	DC	TT. Than Uyên	H. Than Uyên	21° 57' 38"	103° 54' 01"			21° 55' 51"	103° 56' 14"	21° 56' 53"	103° 53' 23"	F-48-52-B
nậm Bón	TV	xã Hua Nà	H. Than Uyên									F-48-52-B
bản Đản Đăm	DC	xã Hua Nà	H. Than Uyên	21° 57' 03"	103° 54' 21"							F-48-52-B
bản Hua Nà	DC	xã Hua Nà	H. Than Uyên	21° 56' 44"	103° 53' 58"							F-48-52-B
bản Nà Ban	DC	xã Hua Nà	H. Than Uyên	21° 56' 41"	103° 54' 42"							F-48-52-B
bản Ché Hạng	DC	xã Khoen On	H. Than Uyên	21° 44' 07"	103° 51' 43"							F-48-52-D
suối Co Phát	TV	xã Khoen On	H. Than Uyên			21° 47' 47"	103° 52' 22"	21° 46' 31"	103° 54' 04"			F-48-52-B
bản Đốc	DC	xã Khoen On	H. Than Uyên	21° 42' 43"	103° 51' 17"							F-48-52-D
bản Hồ Đán	DC	xã Khoen On	H. Than Uyên	21° 45' 22"	103° 55' 20"							F-48-52-B
pu Huối Quảng	SV	xã Khoen On	H. Than Uyên	21° 42' 36"	103° 52' 48"							F-48-52-B
nậm Khót	TV	xã Khoen On	H. Than Uyên			21° 45' 28"	103° 56' 58"	21° 46' 25"	103° 55' 14"			F-48-52-D
bản Mờ	DC	xã Khoen On	H. Than Uyên	21° 43' 38"	103° 50' 58"							F-48-52-B,
nậm Mờ	TV	xã Khoen On	H. Than Uyên			21° 47' 24"	103° 56' 58"	21° 43' 27"	103° 50' 51"			F-48-52-D
bản Múi 1	DC	xã Khoen On	H. Than Uyên	21° 45' 38"	103° 52' 30"							F-48-52-B
bản Múi 2	DC	xã Khoen On	H. Than Uyên	21° 45' 34"	103° 52' 14"							F-48-52-B
sông Nậm Mu	TV	xã Khoen On	H. Than Uyên			21° 45' 42"	103° 50' 24"	21° 41' 46"	103° 52' 46"			F-48-52-B,
												F-48-52-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
bản Noong Quang bản On pu Phà Vi bản Sàng bản Tá Lôm pu Tau Linh bản Cang Mường bản Co Nọi huổi Hàu bản Huổi Hầm bản Huổi San bản Khá bản Mạ bản Mé bản Mường bản Nà Chằm sông Nậm Mu bản Phiêng Cẩm bản Pom Bó bản Pù Quải huổi San nậm Bón bản Chát bản Chiềng Ban 1 bản Chiềng Ban 2 bản Chiềng Ban 3 huổi Có bản Đình bản Hàng bản Khiết nậm Kim bản Là 1	DC	xã Khoen On	H. Than Uyên	21° 43' 31"	103° 54' 06"					F-48-52-D	
	DC	xã Khoen On	H. Than Uyên	21° 45' 13"	103° 50' 43"					F-48-52-B	
	SV	xã Khoen On	H. Than Uyên	21° 43' 27"	103° 49' 59"					F-48-52-D	
	DC	xã Khoen On	H. Than Uyên	21° 44' 40"	103° 51' 02"					F-48-52-D	
	DC	xã Khoen On	H. Than Uyên	21° 46' 54"	103° 53' 46"					F-48-52-B	
	SV	xã Khoen On	H. Than Uyên	21° 46' 24"	103° 57' 42"					F-48-52-B	
	DC	xã Mường Cang	H. Than Uyên	21° 56' 32"	103° 52' 42"					F-48-52-B	
	DC	xã Mường Cang	H. Than Uyên	21° 57' 04"	103° 52' 21"			21° 56' 31"	103° 51' 19"	F-48-52-B	
	TV	xã Mường Cang	H. Than Uyên					21° 55' 15"	103° 49' 22"	F-48-52-B	
	DC	xã Mường Cang	H. Than Uyên	21° 55' 39"	103° 50' 54"					F-48-52-B	
	DC	xã Mường Cang	H. Than Uyên	21° 57' 16"	103° 49' 59"					F-48-52-B	
	DC	xã Mường Cang	H. Than Uyên	21° 57' 37"	103° 47' 20"					F-48-52-B	
	DC	xã Mường Cang	H. Than Uyên	21° 56' 21"	103° 52' 51"					F-48-52-B	
	DC	xã Mường Cang	H. Than Uyên	21° 55' 33"	103° 52' 29"					F-48-52-B	
	DC	xã Mường Cang	H. Than Uyên	21° 55' 52"	103° 52' 33"					F-48-52-B	
	DC	xã Mường Cang	H. Than Uyên	21° 56' 46"	103° 52' 46"			21° 55' 15"	103° 49' 22"	F-48-52-B	
	TV	xã Mường Cang	H. Than Uyên								F-48-52-B
	DC	xã Mường Cang	H. Than Uyên	21° 56' 39"	103° 52' 10"						F-48-52-B
	DC	xã Mường Cang	H. Than Uyên	21° 56' 12"	103° 52' 52"						F-48-52-B
	DC	xã Mường Cang	H. Than Uyên	21° 56' 21"	103° 52' 08"						F-48-52-B
TV	xã Mường Cang	H. Than Uyên					21° 57' 28"	103° 50' 54"	103° 48' 23"	F-48-52-B	
TV	xã Mường Kim	H. Than Uyên					21° 55' 22"	103° 52' 27"	103° 51' 48"	F-48-52-B	
DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên								F-48-52-B	
DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên								F-48-52-B	
DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên								F-48-52-B	
DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên								F-48-52-B	
TV	xã Mường Kim	H. Than Uyên					21° 50' 51"	103° 53' 38"	103° 52' 19"	F-48-52-B	
DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên								F-48-52-B	
DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên								F-48-52-B	
DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên								F-48-52-B	
TV	xã Mường Kim	H. Than Uyên								F-48-52-B	
DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên								F-48-52-B	

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Là 2	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 53' 48"	103° 52' 19"							F-48-52-B
bản Lướt	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 54' 46"	103° 52' 09"							F-48-52-B
huổi Mo	TV	xã Mường Kim	H. Than Uyên			21° 51' 16"	103° 53' 49"	21° 50' 57"	103° 51' 57"			F-48-52-B
bản Mường 1	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 51' 34"	103° 51' 17"							F-48-52-B
bản Mường 2	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 51' 25"	103° 51' 18"							F-48-52-B
bản Nà Ban	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 51' 15"	103° 51' 28"							F-48-52-B
bản Nà Cay	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 52' 26"	103° 52' 00"							F-48-52-B
bản Nà Dân 1	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 52' 09"	103° 51' 21"							F-48-52-B
bản Nà Dân 2	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 51' 48"	103° 51' 14"							F-48-52-B
bản Nà É 1	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 51' 00"	103° 50' 39"							F-48-52-B
bản Nà É 2	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 50' 50"	103° 50' 24"							F-48-52-B
bản Nà Hầy	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 53' 14"	103° 49' 24"							F-48-52-B
bản Nà Khương	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 51' 38"	103° 51' 31"							F-48-52-B
bản Nà Phạ	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 51' 16"	103° 50' 43"							F-48-52-B
số 1 Nậm Lường	TV	xã Mường Kim	H. Than Uyên			21° 54' 09"	103° 53' 11"	21° 53' 43"	103° 52' 08"			F-48-52-B
sông Nậm Mu	TV	xã Mường Kim	H. Than Uyên			21° 54' 35"	103° 49' 43"	21° 50' 05"	103° 49' 53"			F-48-52-B
núi Pu Lạt	SV	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 51' 02"	103° 54' 18"			21° 51' 33"	103° 51' 00"			F-48-52-B
huổi Sang	TV	xã Mường Kim	H. Than Uyên									F-48-52-B
bản Thẩm Phé	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 54' 32"	103° 50' 26"							F-48-52-B
bản Vi	DC	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 52' 56"	103° 49' 35"							F-48-52-B
núi Xum Có	SV	xã Mường Kim	H. Than Uyên	21° 50' 47"	103° 51' 32"							F-48-52-B
huổi Cường	TV	xã Mường Mít	H. Than Uyên			22° 02' 29"	103° 49' 35"	22° 01' 03"	103° 50' 01"			F-48-40-D
bản Hát Nam	DC	xã Mường Mít	H. Than Uyên	22° 02' 12"	103° 51' 24"							F-48-40-D
huổi Hoi	TV	xã Mường Mít	H. Than Uyên			22° 00' 24"	103° 52' 41"	22° 01' 36"	103° 52' 06"			F-48-40-D
bản lít	DC	xã Mường Mít	H. Than Uyên	22° 00' 19"	103° 49' 21"							F-48-40-D
bản Khoang	DC	xã Mường Mít	H. Than Uyên	22° 00' 51"	103° 49' 58"							F-48-52-B
huổi Lép	TV	xã Mường Mít	H. Than Uyên			21° 58' 33"	103° 50' 53"	21° 59' 36"	103° 48' 54"			F-48-52-B
huổi Lò	TV	xã Mường Mít	H. Than Uyên			22° 00' 20"	103° 52' 00"	22° 01' 13"	103° 50' 22"			F-48-40-D
nậm Mít	TV	xã Mường Mít	H. Than Uyên			22° 02' 34"	103° 51' 25"	21° 59' 05"	103° 47' 49"			F-48-40-D, F-48-52-B
bản Mường	DC	xã Mường Mít	H. Than Uyên	22° 01' 30"	103° 50' 47"							F-48-40-D
bản Pá Lầu	DC	xã Mường Mít	H. Than Uyên	21° 58' 52"	103° 47' 15"							F-48-52-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Pá Pằng	DC	xã Mường Mít	H. Than Uyên	21° 59' 21"	103° 46' 24"			22° 02' 44"	103° 47' 23"	22° 00' 39"	103° 46' 58"	F-48-52-B
huổi Pằng	TV	xã Mường Mít	H. Than Uyên									F-48-40-D
huổi Phi	TV	xã Mường Mít	H. Than Uyên					22° 00' 01"	103° 52' 20"	22° 00' 05"	103° 49' 56"	F-48-40-D, F-48-52-B
bản Púng Luồng	DC	xã Mường Mít	H. Than Uyên	21° 59' 22"	103° 48' 00"							F-48-52-B
bản Vè	DC	xã Mường Mít	H. Than Uyên	22° 01' 15"	103° 50' 13"							F-48-40-D
bản Xanh	DC	xã Mường Mít	H. Than Uyên	22° 00' 13"	103° 49' 51"							F-48-40-D
quốc lộ 32	KX	xã Mường Than	H. Than Uyên					21° 59' 56"	103° 54' 49"	21° 58' 21"	103° 53' 36"	F-48-40-D, F-48-52-B
bản Cẩm Trung	DC	xã Mường Than	H. Than Uyên	21° 58' 47"	103° 53' 55"							F-48-52-B
bản Ến Luồng	DC	xã Mường Than	H. Than Uyên	21° 59' 01"	103° 55' 05"							F-48-52-B
bản Ến Nọi	DC	xã Mường Than	H. Than Uyên	21° 58' 59"	103° 54' 12"							F-48-52-B
bản Mường Than	DC	xã Mường Than	H. Than Uyên	21° 59' 43"	103° 54' 47"							F-48-52-B
phụ Nậm Than	SV	xã Mường Than	H. Than Uyên	21° 58' 04"	103° 58' 59"							F-48-52-B
bản Ngà	DC	xã Mường Than	H. Than Uyên	21° 58' 47"	103° 53' 27"							F-48-52-B
nậm Than	TV	xã Mường Than	H. Than Uyên					21° 57' 22"	103° 57' 58"	22° 01' 04"	103° 54' 08"	F-48-40-D, F-48-52-B
bản Xen Đông	DC	xã Mường Than	H. Than Uyên	21° 58' 21"	103° 54' 18"							F-48-52-B
huổi Bắc	TV	xã Pha Mu	H. Than Uyên					21° 54' 18"	103° 46' 24"	21° 55' 37"	103° 48' 38"	F-48-52-B
bản Chít	DC	xã Pha Mu	H. Than Uyên	21° 57' 15"	103° 46' 28"							F-48-52-B
nậm Chít	TV	xã Pha Mu	H. Than Uyên					21° 50' 32"	103° 43' 16"	21° 58' 00"	103° 46' 57"	F-48-52-A, F-48-52-B
bản Huổi Bắc	DC	xã Pha Mu	H. Than Uyên	21° 54' 19"	103° 46' 21"							F-48-52-B
núi Lý Lô	SV	xã Pha Mu	H. Than Uyên	21° 54' 13"	103° 43' 47"							F-48-52-A
bản Nà Ít	DC	xã Pha Mu	H. Than Uyên	21° 56' 02"	103° 46' 26"							F-48-52-B
bản Nà Kè	DC	xã Pha Mu	H. Than Uyên	21° 57' 16"	103° 42' 49"							F-48-52-A
sông Nậm Mu	TV	xã Pha Mu	H. Than Uyên					21° 59' 23"	103° 44' 36"	21° 56' 38"	103° 48' 23"	F-48-52-A, F-48-52-B
bản Nậm Ngựa	DC	xã Pha Mu	H. Than Uyên	21° 57' 24"	103° 43' 06"							F-48-52-A
bản Nậm Pát	DC	xã Pha Mu	H. Than Uyên	21° 55' 00"	103° 42' 49"							F-48-52-A
nậm Ngựa	TV	xã Pha Mu	H. Than Uyên					21° 56' 29"	103° 41' 13"	21° 59' 13"	103° 44' 36"	F-48-52-A
bản Pá Chít Tầu	DC	xã Pha Mu	H. Than Uyên	21° 53' 39"	103° 43' 47"							F-48-52-A

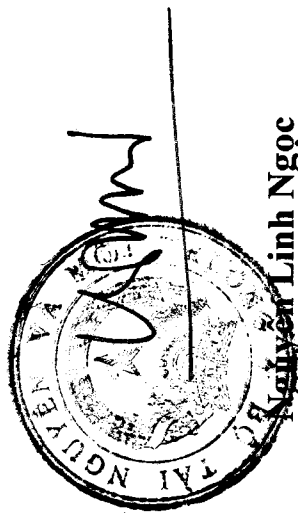
Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Pá Khoang	DC	xã Pha Mu	H. Than Uyên	21° 53' 56"	103° 44' 37"							F-48-52-A
bản Pá Mít	DC	xã Pha Mu	H. Than Uyên	21° 59' 02"	103° 46' 03"							F-48-52-B
bản Pá Ngựa	DC	xã Pha Mu	H. Than Uyên	21° 59' 19"	103° 44' 34"							F-48-52-A
bản Pá Pát	DC	xã Pha Mu	H. Than Uyên	21° 59' 47"	103° 45' 57"							F-48-52-B
nậm Pát	TV	xã Pha Mu	H. Than Uyên			21° 53' 12"	103° 42' 21"	21° 57' 21"	103° 46' 31"			F-48-52-A, F-48-52-B
bản Tả Vải	DC	xã Pha Mu	H. Than Uyên	21° 55' 54"	103° 48' 06"							F-48-52-B
nậm Tấu	TV	xã Pha Mu	H. Than Uyên			21° 52' 51"	103° 43' 15"	21° 52' 37"	103° 43' 54"			F-48-52-A
bản Xoong	DC	xã Pha Mu	H. Than Uyên	21° 57' 46"	103° 46' 13"							F-48-52-B
đội 9	DC	xã Phúc Than	H. Than Uyên	22° 01' 19"	103° 54' 45"							F-48-40-D
đội 11	DC	xã Phúc Than	H. Than Uyên	22° 02' 37"	103° 54' 46"							F-48-40-D
quốc lộ 32	KX	xã Phúc Than	H. Than Uyên			22° 03' 41"	103° 53' 44"	21° 59' 56"	103° 54' 49"			F-48-40-D, F-48-52-B
quốc lộ 279	KX	xã Phúc Than	H. Than Uyên			22° 02' 44"	103° 57' 18"	22° 01' 02"	103° 54' 44"			F-48-40-D
đèo Khau Co	SV	xã Phúc Than	H. Than Uyên	22° 02' 44"	103° 57' 18"							F-48-40-D
bản Nà Phái	DC	xã Phúc Than	H. Than Uyên	22° 00' 05"	103° 55' 04"							F-48-40-D
bản Nà Phát	DC	xã Phúc Than	H. Than Uyên	22° 01' 22"	103° 53' 56"							F-48-40-D
bản Nà Xa	DC	xã Phúc Than	H. Than Uyên	22° 00' 49"	103° 54' 40"							F-48-40-D
bản Nậm Sáng	DC	xã Phúc Than	H. Than Uyên	22° 03' 19"	103° 55' 11"							F-48-40-D
suối Nậm Sáng	TV	xã Phúc Than	H. Than Uyên			22° 04' 32"	103° 55' 59"	22° 02' 03"	103° 55' 13"			F-48-40-D, F-48-52-B
suối Nậm Than	TV	xã Phúc Than	H. Than Uyên			21° 59' 56"	103° 54' 46"	22° 01' 45"	103° 52' 35"			F-48-52-B
bản Nậm Vai	DC	xã Phúc Than	H. Than Uyên	22° 02' 46"	103° 55' 53"							F-48-40-D
suối Nậm Vai	TV	xã Phúc Than	H. Than Uyên			22° 04' 32"	103° 56' 10"	22° 02' 03"	103° 55' 13"			F-48-40-D
bản Noong Thắng	DC	xã Phúc Than	H. Than Uyên	22° 03' 20"	103° 54' 07"							F-48-40-D
bản Sang Ngà	DC	xã Phúc Than	H. Than Uyên	22° 02' 10"	103° 53' 16"							F-48-40-D
bản Sáp Ngựa	DC	xã Phúc Than	H. Than Uyên	22° 01' 41"	103° 55' 55"							F-48-40-D
bản Tre Bó	DC	xã Phúc Than	H. Than Uyên	22° 01' 49"	103° 54' 24"							F-48-40-D
cầu Tre Bó	KX	xã Phúc Than	H. Than Uyên	22° 01' 25"	103° 54' 45"							F-48-40-D
nậm Vai	TV	xã Phúc Than	H. Than Uyên			22° 02' 03"	103° 55' 13"	22° 01' 05"	103° 54' 09"			F-48-40-D
núi Cáp Mừng	SV	xã Ta Gia	H. Than Uyên	21° 46' 46"	103° 46' 11"							F-48-52-B
bản Củng	DC	xã Ta Gia	H. Than Uyên	21° 47' 35"	103° 49' 01"							F-48-52-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
bản Gia	DC	xã Tà Gia	H. Than Uyên	21° 48' 23"	103° 48' 51"							F-48-52-B
núi Hóc Com	SV	xã Tà Gia	H. Than Uyên	21° 50' 53"	103° 48' 11"							F-48-52-B
bản Huổi Cầy	DC	xã Tà Gia	H. Than Uyên	21° 48' 09"	103° 47' 06"							F-48-52-B
bản Hỳ	DC	xã Tà Gia	H. Than Uyên	21° 46' 17"	103° 49' 56"							F-48-52-B
bản Khem	DC	xã Tà Gia	H. Than Uyên	21° 48' 43"	103° 49' 35"							F-48-52-B
bản Mè	DC	xã Tà Gia	H. Than Uyên	21° 49' 04"	103° 48' 45"							F-48-52-B
nậm Mè	TV	xã Tà Gia	H. Than Uyên			21° 50' 56"	103° 47' 44"	21° 48' 46"	103° 49' 06"			F-48-52-B
bản Mi	DC	xã Tà Gia	H. Than Uyên	21° 49' 56"	103° 49' 58"							F-48-52-B
nậm Mý	TV	xã Tà Gia	H. Than Uyên			21° 47' 58"	103° 52' 01"	21° 49' 47"	103° 49' 37"			F-48-52-B
bản Nam	DC	xã Tà Gia	H. Than Uyên	21° 48' 10"	103° 48' 59"							F-48-52-B
sông Nậm Mu	TV	xã Tà Gia	H. Than Uyên			21° 50' 05"	103° 49' 53"	21° 45' 42"	103° 50' 24"			F-48-52-B
hang Nánh	SV	xã Tà Gia	H. Than Uyên	21° 47' 18"	103° 48' 58"							F-48-52-B
bản Noong Quài	DC	xã Tà Gia	H. Than Uyên	21° 44' 33"	103° 48' 52"							F-48-52-D
huổi Pa	TV	xã Tà Gia	H. Than Uyên			21° 45' 59"	103° 47' 43"	21° 46' 25"	103° 49' 34"			F-48-52-B
bản Cáp	DC	xã Tà Hừa	H. Than Uyên	21° 49' 20"	103° 43' 19"							F-48-52-A
bản Hua Chít	DC	xã Tà Hừa	H. Than Uyên	21° 50' 42"	103° 43' 33"							F-48-52-A
núi Khẩu Pùm	SV	xã Tà Hừa	H. Than Uyên	21° 50' 19"	103° 41' 39"							F-48-52-A
bản Khi	DC	xã Tà Hừa	H. Than Uyên	21° 52' 44"	103° 46' 06"							F-48-52-B
nậm Khi	TV	xã Tà Hừa	H. Than Uyên			21° 51' 37"	103° 45' 23"	21° 54' 52"	103° 49' 22"			F-48-52-B
bản Phiêng Ít	DC	xã Tà Hừa	H. Than Uyên	21° 51' 49"	103° 45' 22"							F-48-52-B
nậm Cha	TV	xã Tà Mung	H. Than Uyên			21° 48' 54"	103° 55' 28"	21° 46' 57"	103° 53' 50"			F-48-52-B
núi Đán Tọ	SV	xã Tà Mung	H. Than Uyên	21° 47' 42"	103° 55' 07"							F-48-52-B
bản Đẳng Hầu Cua Ché	DC	xã Tà Mung	H. Than Uyên	21° 48' 11"	103° 56' 31"							F-48-52-B
núi Hó Nậu Sang	SV	xã Tà Mung	H. Than Uyên	21° 49' 46"	103° 54' 59"							F-48-52-B
bản Hó Ta	DC	xã Tà Mung	H. Than Uyên	21° 48' 50"	103° 54' 07"							F-48-52-B
núi Lán Lành	SV	xã Tà Mung	H. Than Uyên	21° 47' 27"	103° 53' 35"							F-48-52-B
bản Lun 1	DC	xã Tà Mung	H. Than Uyên	21° 50' 40"	103° 52' 12"							F-48-52-B
bản Lun 2	DC	xã Tà Mung	H. Than Uyên	21° 50' 34"	103° 51' 59"							F-48-52-B
nậm Mỡ	TV	xã Tà Mung	H. Than Uyên			21° 47' 24"	103° 56' 59"	21° 46' 31"	103° 54' 04"			F-48-52-B
bản Nậm Mỡ	DC	xã Tà Mung	H. Than Uyên	21° 47' 56"	103° 56' 03"							F-48-52-B
suối Nậm Sang	TV	xã Tà Mung	H. Than Uyên			21° 49' 38"	103° 52' 31"	21° 50' 33"	103° 52' 13"			F-48-52-B
bản Pá Liêng	DC	xã Tà Mung	H. Than Uyên	21° 49' 13"	103° 52' 57"							F-48-52-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
bản Tà Mung	DC	xã Tà Mung	H. Than Uyên	21° 48' 29"	103° 54' 01"					F-48-52-B
bản Tu San	DC	xã Tà Mung	H. Than Uyên	21° 48' 08"	103° 55' 02"					F-48-52-B

Handwritten signature

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Linh Ngọc